



Hướng dẫn về thuế cho Doanh nh nghiệp nhỏ

(Dành cho Cá nhân sử dụng
Bảng C)

Ấn phẩm 334

Để sử dụng trong
việc chuẩn bị

Tờ khai **2025**



Mục lục

Quy định mới cho năm 2025	4
Quy định mới cho năm 2026	5
Nhắc nhở	5
Hình chụp trẻ em mất tích	6
Chương 1. Nộp và trả tiền thuế kinh doanh	6
Số nhận dạng	6
Thuế thu nhập	7
Thuế tự kinh doanh (SE)	9
Thuế việc làm	11
Thuế gián thu	11
Tờ khai thông tin	12
Chương 2. Chu kỳ và phương pháp kế toán	13
Chu kỳ kế toán	13
Phương pháp kế toán	14
Chương 3. Xử lý tài sản kinh doanh	18
Xử lý tài sản là gì?	18
Làm thế nào để tính lãi hoặc lỗ?	18
Tôi phải khai báo lãi và lỗ ở đâu?	19
Chương 4. Tín thuế kinh doanh tổng quát	19
Tín thuế kinh doanh	20
Làm thế nào để yêu cầu tín thuế này	21
Chương 5. Thu nhập kinh doanh	21
Các hình thức thu nhập	21
Các khoản không phải thu nhập	26
Hướng dẫn đối với các ngành nghề chọn lọc	26
Hạch toán thu nhập của bạn	28
Chương 6. Cách tính giá vốn hàng bán	29
Tính giá vốn hàng bán trong Bảng C, Dòng 35 đến 42	29
Chương 7. Tính toán tổng lợi nhuận	31
Các mục cần kiểm tra	31
Kiểm tra độ chính xác của tổng lợi nhuận	32
Các khoản bổ sung vào tổng lợi nhuận	32
Chương 8. Chi phí kinh doanh	32
Nợ xấu	33
Chi phí xe hơi và xe tải	35
Khấu hao	37
Khoản chi trả cho nhân viên	37
Bảo hiểm	38
Tiền lãi	39
Chi phí pháp lý và chi phí dịch vụ chuyên môn	40
Chương trình hưu trí	40
Chi phí tiền thuê	40
Thuế	41
Đi lại và bữa ăn	42
Sử dụng nhà ở cho mục đích kinh doanh	42
Những chi phí khác có thể khấu trừ	44
Chi phí bạn không thể khấu trừ	44

Chương 9. Tính toán lợi nhuận hoặc lỗ ròng	44
Lỗ hoạt động ròng (NOL)	44
Các hoạt động không nhằm mục đích thu lợi nhuận	45
Chương 10. Thuế tự kinh doanh (SE)	45
Ai phải trả thuế SE?	45
Khai báo thuế SE	49
Chương 11. Quyền hạn của Người đóng thuế	49
Kiểm tra, Kháng cáo, Truy thu và Hoàn thuế	49
Chương 12. Cách lấy thêm thông tin	51
Cơ quan Quản lý Doanh nghiệp nhỏ	54
Các Cơ quan Liên bang khác	55
Cách nhận trợ giúp về thuế	51
Chỉ mục	56

Phát triển trong tương lai

Để biết thông tin mới nhất về những thay đổi liên quan đến Ấn phẩm 334, chẳng hạn như luật được ban bố sau khi phát hành ấn phẩm, truy cập [IRS.gov/Pub334](https://www.irs.gov/pub334).

Giới thiệu

Ấn phẩm này cung cấp thông tin chung về luật thuế liên bang áp dụng cho bạn nếu bạn là người tự kinh doanh hoặc nhân viên pháp định. Ấn phẩm này chứa thông tin về thu nhập kinh doanh, chi phí kinh doanh và tín thuế kinh doanh mà có thể giúp bạn nộp tờ khai thuế thu nhập với tư cách là chủ doanh nghiệp nhỏ.

Ấn phẩm này không bao gồm các chủ đề được liệt kê trong bảng sau.

NẾU cần thông tin về:	THÌ bạn xem:
Công ty cổ phần	Ấn phẩm 542
Nông nghiệp	Ấn phẩm 225
Ngư dân (Quỹ Tích vốn xây dựng)	Ấn phẩm 595
Doanh nghiệp quốc tế	IRS.gov/International
Công ty hợp danh	Ấn phẩm 541
Hoạt động đầu tư thụ động	Ấn phẩm 925
Lưu trữ hồ sơ và khởi nghiệp kinh doanh	Ấn phẩm 583
Cho thuê	Ấn phẩm 527
Công ty cổ phần S	Hướng dẫn cho Mẫu 1120-S

Bạn có tự kinh doanh không?

Bạn là người tự kinh doanh nếu hoạt động thương mại hay kinh doanh với tư cách là doanh nghiệp cá thể hoặc nhà thầu độc lập.



Bạn không cần phải thường xuyên thực hiện các hoạt động kinh doanh toàn thời gian để được coi là tự kinh doanh. Có một công việc kinh doanh bán thời gian ngoài công việc thường nhật hoặc công việc kinh doanh của bạn có thể được xem là tự kinh doanh.

Thương mại hay kinh doanh. Thương mại hay kinh doanh nói chung là một hoạt động được thực hiện để tạo ra lợi

nhuận. Những dữ kiện và hoàn cảnh của mỗi trường hợp quyết định liệu một hoạt động có phải là thương mại hay kinh doanh hay không. Bạn không cần phải thực sự tạo ra lợi nhuận trong thương mại hay kinh doanh miễn là bạn có động cơ lợi nhuận. Bạn cần phải nỗ lực không ngừng để nâng cao thu nhập cho doanh nghiệp của mình.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn (LLC). Công ty Trách nhiệm hữu hạn là một thực thể được thành lập theo luật tiểu bang bằng cách nộp điều lệ tổ chức. Thông thường, vì mục đích thuế thu nhập Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên không được coi là thực thể tách biệt với chủ sở hữu và sẽ khai báo thu nhập cũng như các khoản khấu trừ trên tờ khai thuế thu nhập liên bang của chủ sở hữu. Ví dụ: Nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên không tham gia vào lĩnh vực nông nghiệp và chủ sở hữu công ty là một cá nhân, người này có thể sử dụng Bảng C (Mẫu 1040).

Doanh nghiệp cá thể. Một doanh nghiệp cá thể là một người tự mình sở hữu một doanh nghiệp chưa hợp nhất. Trừ khi bạn lựa chọn coi LLC của mình như một công ty cổ phần, bạn được coi là một doanh nghiệp cá thể cho các mục đích thuế thu nhập nếu bản thân là một cá nhân và là thành viên duy nhất của một LLC trong nước.

Nhà thầu độc lập. Những người như bác sĩ, nha sĩ, bác sĩ thú y, luật sư, kế toán viên, nhà thầu, nhà thầu phụ, người viết tốc ký công cộng, hoặc đấu giá viên đang tham gia hoạt động thương mại, kinh doanh hoặc nghề nghiệp độc lập nơi họ cung cấp dịch vụ của mình cho cộng đồng được xếp chung vào nhóm những nhà thầu độc lập. Tuy nhiên, việc họ là nhà thầu độc lập hay nhân viên phụ thuộc vào tình hình thực tế trong từng trường hợp. Quy tắc chung là: Một cá nhân sẽ được coi là một nhà thầu độc lập, nếu người trả tiền cho công việc đó chỉ có quyền kiểm soát hoặc chỉ đạo về kết quả công việc chứ không phải về cách thức thực hiện công việc. Tiền kiếm được của một người đang làm việc với tư cách là một nhà thầu độc lập phải chịu thuế tự kinh doanh. Để biết thêm thông tin về việc xác định bạn là nhân viên hay nhà thầu độc lập, xem Ấn phẩm 15-A, Hướng dẫn bổ sung cho thuế của Chủ lao động.

Bạn có phải là nhân viên pháp định không?

Một nhân viên pháp định có một dấu kiểm trong ô 13 của Mẫu W-2, Báo cáo Tiền lương và thuế của họ. Nhân viên pháp định sử dụng Bảng C (Mẫu 1040) để khai báo lương bổng và chi phí của họ.

Doanh nghiệp cùng sở hữu và điều hành bởi vợ chồng

Nếu bạn và vợ/chồng của bạn cùng sở hữu và điều hành một doanh nghiệp chưa hợp nhất cũng như cùng chia sẻ lợi nhuận và lỗ, thì cả hai người là người góp vốn chung trong công ty hợp danh, cho dù có thỏa thuận hợp tác kinh doanh chính thức hay không. Không sử dụng Bảng C (Mẫu 1040). Thay vào đó, nộp Mẫu 1065, Tờ khai của Hoa Kỳ cho thu nhập từ Công ty Hợp danh. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 541, Công ty Hợp danh.

Ngoại lệ — thu nhập chung của vợ chồng. Nếu bạn và vợ/chồng của bạn sở hữu toàn bộ một doanh nghiệp chưa hợp

nhất vốn là tài sản chung theo luật tài sản chung tại một tiểu bang, nước ngoài hoặc khu vực thuộc lãnh thổ của Hoa Kỳ, bạn có thể coi doanh nghiệp đó như một doanh nghiệp cá thể hoặc một công ty hợp danh. Các tiểu bang có luật tài sản chung bao gồm Arizona, California, Idaho, Louisiana, Nevada, New Mexico, Texas, Washington và Wisconsin. Một thay đổi trong vị thế khai báo của bạn sẽ được coi là một sự chuyển đổi của tổ chức đó. Xem Ấn phẩm 555, Tài sản cộng đồng để biết thêm thông tin về luật tài sản chung.

Ngoại lệ — liên doanh đủ điều kiện (QJV). Nếu bạn và vợ/chồng của bạn đều thật sự tham gia với tư cách là thành viên duy nhất của một doanh nghiệp đồng sở hữu và điều hành, đồng thời cả hai người khai thuế chung cho niên thuế, hai người có thể cùng lựa chọn để được coi là một QJV thay vì một công ty hợp danh cho niên thuế này. Thực hiện lựa chọn này sẽ cho phép bạn tránh được sự phức tạp của Mẫu 1065 nhưng vẫn cho phép mỗi vợ/chồng hưởng thu nhập an sinh xã hội với nền tảng là quyền lợi hưu trí. Để được giải thích về “material participation (sự tham gia đáng kể)”, xem hướng dẫn cho Bảng C (Mẫu 1040), dòng G.



Chỉ các doanh nghiệp do vợ chồng đồng sở hữu và điều hành (và không nhân danh một pháp nhân tiểu bang) mới đủ điều kiện thực hiện lựa chọn này. Do đó, một doanh nghiệp do vợ chồng đồng sở hữu và điều hành thông qua một LLC không đủ điều kiện để lựa chọn là một QJV.

Để thực hiện lựa chọn này, bạn phải phân chia tất cả các hạng mục thu nhập, lợi nhuận, lỗ, khoản khấu trừ và tín thuế được quy cho công việc kinh doanh giữa bạn và vợ/chồng của bạn theo lợi ích tương ứng của hai người trong liên doanh. Mỗi người trong số bạn phải khai riêng một Bảng C (Mẫu 1040) và một Bảng SE (Mẫu 1040). Để biết thêm thông tin, xem *Qualified Joint Ventures (Liên doanh đủ điều kiện)* trong Hướng dẫn cho Bảng SE (Mẫu 1040).

Thông tin bổ sung

Những điều bạn cần biết. [Bảng A](#) cung cấp danh sách các câu hỏi cần trả lời để giúp bạn đáp ứng các nghĩa vụ thuế liên bang của mình. Sau mỗi câu hỏi sẽ là phần cụ thể trong ấn phẩm này nơi bạn sẽ tìm thấy phần thảo luận liên quan.

Sứ mệnh của IRS. Cung cấp dịch vụ chất lượng hàng đầu cho người đóng thuế Hoa Kỳ bằng cách giúp họ hiểu rõ và đáp ứng các trách nhiệm về thuế cũng như thực thi pháp luật một cách chính trực và công bằng cho tất cả mọi người.

Ý kiến và đề xuất. Chúng tôi hoan nghênh ý kiến của bạn về ấn phẩm này và những đề xuất của bạn cho các phiên bản trong tương lai.

Bạn có thể gửi ý kiến cho chúng tôi qua [IRS.gov/FormComments \(tiếng Anh\)](#). Hoặc bạn có thể gửi thư đến Internal Revenue Service, Tax Forms and Publications, 1111 Constitution Ave. NW, IR-6526, Washington, DC 20224.

Mặc dù chúng tôi không thể trả lời riêng từng ý kiến nhận được, chúng tôi rất trân trọng phản hồi của bạn và sẽ xem xét các ý kiến cũng như đề xuất của bạn khi chúng tôi sửa đổi mẫu thuế, hướng dẫn và ấn phẩm. Vui lòng **không** gửi những câu hỏi về thuế, tờ khai thuế hoặc các khoản thanh toán đến địa chỉ trên.

Bảng A. Những gì bạn cần biết về thuế Liên bang

(Ghi chú: Sau đây là danh sách các câu hỏi bạn có thể cần trả lời để điền vào tờ khai thuế thu nhập liên bang của mình. Các chương được đưa ra để giúp bạn tìm thấy phần thảo luận liên quan trong ấn phẩm này.)

Những gì tôi cần phải biết?	Tìm câu trả lời ở đâu
Tôi phải trả những loại thuế liên bang nào? Làm thế nào để tôi trả những khoản này?	Xem chương 1 .
Tôi phải nộp những mẫu đơn nào?	Xem chương 1 .
Tôi phải làm gì nếu tôi có nhân viên?	Xem Thuế việc làm trong chương 1.
Tôi có phải bắt đầu niên thuế của mình vào tháng 1 không, hay có thể vào tháng nào khác?	Xem Chu kỳ kế toán trong chương 2.
Tôi có thể sử dụng phương pháp nào để hạch toán thu nhập và chi phí của mình?	Xem Phương pháp kế toán trong chương 2.
Tôi phải làm gì nếu thanh lý sản nghiệp trong năm?	Xem chương 3 .
Tôi phải khai báo những loại thu nhập kinh doanh nào trên tờ khai thuế của mình?	Xem chương 5 .
Tôi có thể khấu trừ những loại chi phí kinh doanh nào trên tờ khai thuế của mình?	Xem Chi phí kinh doanh trong chương 8.
Những loại chi phí nào không được khấu trừ là chi phí kinh doanh?	Xem Chi phí bạn không thể khấu trừ trong chương 8.
Điều gì xảy ra nếu tôi bị thua lỗ trong việc kinh doanh? Tôi có thể khấu trừ lỗ không?	Xem chương 9 .
Tôi được hưởng quyền gì với tư cách là người đóng thuế?	Xem chương 11 .
Tôi phải đến đâu nếu cần trợ giúp về các vấn đề liên quan đến thuế liên bang?	Xem chương 12 .

Nhận câu trả lời cho các thắc mắc về thuế. Nếu bạn có thắc mắc về thuế chưa được giải đáp trong ấn phẩm này hoặc phần [Cách nhận trợ giúp về thuế](#) ở cuối ấn phẩm này, truy cập trang Trợ lý thuế tương tác của IRS tại [IRS.gov/Help/ITA \(tiếng Anh\)](#) nơi bạn có thể tìm các chủ đề bằng cách sử dụng tính năng tìm kiếm hoặc xem các danh mục được liệt kê.

Lấy mẫu đơn, hướng dẫn và ấn phẩm về thuế. Truy cập [IRS.gov/Forms \(tiếng Anh\)](#) để tải xuống các mẫu đơn, hướng dẫn và ấn phẩm hiện hành và của năm trước.

Đặt mẫu đơn, hướng dẫn và ấn phẩm về thuế. Truy cập [IRS.gov/OrderForms \(tiếng Anh\)](#) để đặt các mẫu, hướng dẫn và ấn phẩm hiện hành; gọi 800-829-3676 để đặt các mẫu và hướng dẫn của năm trước. IRS sẽ xử lý đơn đặt các mẫu và ấn phẩm của bạn sớm nhất có thể. **Không** gửi lại các yêu cầu mà bạn đã gửi cho chúng tôi. Bạn có thể lấy được các mẫu và ấn phẩm nhanh hơn qua trực tuyến.

Quy định mới cho năm 2025

Sau đây là một số thay đổi về thuế cho năm 2025.

Thu nhập ròng tối đa. Thu nhập ròng tối đa từ công việc tự kinh doanh chịu phần thuế an sinh xã hội của thuế tự kinh doanh là \$176.100 cho năm 2025. Không có giới hạn tối đa về thu nhập chịu phần thuế Medicare.

Khấu hao bổ sung. Bạn được phép khấu trừ thêm 100% khấu hao năm đầu tiên đối với một số tài sản đủ điều kiện được mua sau ngày 19 tháng 1, 2025. Tuy nhiên, bạn cũng có thể chọn khấu trừ thêm 40% (60% đối với tài sản có thời gian sản xuất dài và một số loại máy bay nhất định) khấu hao năm đầu tiên đối với một số tài sản được đưa vào sử dụng sau ngày 19 tháng 1, 2025. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 4562 để biết thêm thông tin.

Mức vận phí tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường. Đối với năm 2025, mức vận phí tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường đối với chi phí vận hành xe hơi, xe van, xe bán tải hoặc xe tải của bạn với mỗi dặm sử dụng cho mục đích kinh doanh trong năm 2025 đã tăng lên đến 70 xu một dặm.

Để biết thêm thông tin, xem [Chi phí xe hơi và xe tải](#) trong chương 8.

Không thuế trên tiền làm thêm giờ đủ điều kiện. Bắt đầu từ năm 2025, nếu bạn nhận được tiền làm thêm giờ đủ điều kiện, bạn có thể được khấu trừ tối đa \$12.500 (\$25.000 nếu là vợ chồng khai thuế chung) từ khoản tiền làm thêm giờ đủ điều kiện đó. Khoản khấu trừ này được khai báo trên Bảng 1-A (Mẫu 1040), chứ không phải trên Bảng C (Mẫu 1040). Xem Hướng dẫn cho Bảng 1-A (Mẫu 1040), được bao gồm trong Hướng dẫn cho Mẫu 1040, để biết thêm thông tin.

Không thuế trên tiền boa đủ điều kiện. Bắt đầu từ năm 2025, bạn có thể đủ điều kiện được khấu trừ thuế đối với tiền boa đủ điều kiện mà bạn nhận được trong năm 2025. Bạn không thể khấu trừ nhiều hơn \$25.000 tiền boa đó. Khoản khấu trừ này được khai báo trên Bảng 1-A (Mẫu 1040) chứ không phải trên Bảng C. Xem Hướng dẫn cho Bảng 1-A (Mẫu 1040) để biết thêm thông tin.

Mẫu 7205, Khấu trừ cho Tòa nhà thương mại năng lượng hiệu quả. Mẫu này và hướng dẫn riêng biệt được sử dụng để yêu cầu khấu trừ theo đoạn 179D đối với các chi phí xây dựng tòa nhà thương mại năng lượng hiệu quả đủ điều kiện, hiện được khai báo trên dòng 27a của Bảng C (Mẫu 1040). P.L. 119-21, thường được gọi là Một Đạo luật To Đẹp (OBBBA), đoạn 70507, loại bỏ khoản khấu trừ đối với các tòa nhà thương mại năng lượng hiệu quả mới đối với các tài sản bắt đầu xây dựng sau ngày 30 tháng 6, 2026. Xem Mẫu 7205 và hướng dẫn biết thêm thông tin.

Các hoạt động sản xuất bản ghi âm đủ điều kiện. Bạn có thể đủ điều kiện được khấu trừ tối đa \$150.000 chi phí sản xuất bản ghi âm đủ điều kiện. Điều này áp dụng cho các chi phí của sản xuất bản ghi âm đủ điều kiện phát sinh trong năm thuế sau ngày 4 tháng 7, 2025, và trước ngày 1 tháng 1, 2026. Xem đoạn 181 để biết thêm thông tin.

Chi phí nghiên cứu và thử nghiệm nội địa. Bắt đầu từ năm 2025, bạn có thể khấu trừ chi phí nghiên cứu và thử nghiệm nội địa như chi phí kinh doanh hiện hành hoặc bạn có thể chọn vốn hóa và phân bổ chi phí đó đều đặn trong khoảng thời gian từ 60 tháng trở lên. Xem Quy trình Thuế vụ 2025-28 để biết

thêm thông tin về việc thực hiện một số lựa chọn hồi tố theo P.L. 119-21, đoạn 70302(f), đối với chi phí nghiên cứu hoặc thử nghiệm nội địa.

Hạn mức khấu trừ theo Đoạn 179 đã được tăng lên. Bắt đầu từ năm 2025, mức khấu trừ chi phí theo đoạn 179 tối đa là \$2,5 triệu. Hạn mức này sẽ bị giảm đi một lượng tương ứng với phần chi phí của tài sản thuộc đoạn 179 được đưa vào sử dụng trong năm tính thuế vượt quá \$4 triệu. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 4562 để biết thêm thông tin.

Không thuế trên lãi vay mua ô tô. Bắt đầu từ năm 2025, bạn có thể được khấu trừ lãi vay mua xe ô tô đủ điều kiện mà bạn đã trả hoặc tích lũy trong năm. Xem Hướng dẫn cho Bảng 1-A (Mẫu 1040), được bao gồm trong Hướng dẫn cho Mẫu 1040, và [Lãi vay mua ô tô](#), ở phần sau, để biết thêm thông tin.

Tín thuế cho xe thương mại sạch. Các doanh nghiệp mua xe thương mại sạch đủ điều kiện có thể được hưởng tín thuế dành cho xe sạch. P.L. 119-21, đoạn 70503, đã sửa đổi đoạn 45W để loại bỏ khoản tín thuế này đối với các phương tiện được mua sau ngày 30 tháng 9, 2025. Xem Mẫu 8936 và hướng dẫn để biết thêm thông tin.

Quy định mới cho năm 2026

Sau đây là một số thay đổi về thuế cho năm 2025. Để biết thông tin về những thay đổi khác, truy cập [IRS.gov](#).

Thu nhập ròng tối đa. Thu nhập ròng tối đa từ công việc tự kinh doanh chịu phần thuế an sinh xã hội của thuế tự kinh doanh là \$184.500 cho năm 2026.

Mức vận phí tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường. Đối với năm 2026, mức vận phí tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường đối với chi phí vận hành xe hơi, xe van, xe bán tải hoặc xe tải của bạn cho mỗi dặm sử dụng cho mục đích kinh doanh là 72.5 xu một dặm.

Hạn mức của khoản lỗ kinh doanh vượt mức được áp dụng vĩnh viễn. P.L. 119-21, thường được gọi là OBBBA, đoạn 70601, quy định việc không cho phép khấu trừ đối với các khoản lỗ kinh doanh vượt mức một cách vĩnh viễn. Ngưỡng khấu trừ được phép sẽ được điều chỉnh theo lạm phát đối với các năm tính thuế bắt đầu sau năm 2025. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 461.

Ngưỡng khai báo thông tin đối với một số người nhận thanh toán. Đối với các khoản thanh toán phải khai báo được thực hiện sau năm 2025, ngưỡng khai báo thông tin cũng như khấu lưu thuế dự phòng sẽ tăng lên \$2.000. Xem đoạn 6041(a).

Khoản khấu trừ thu nhập kinh doanh đủ điều kiện (QBI). P.L. 119-21, đoạn 70105, quy định việc khấu trừ 20% thu nhập kinh doanh đủ điều kiện (QBI) là vĩnh viễn đối với các hoạt động kinh doanh đủ điều kiện. Ngưỡng thu nhập áp dụng cho hạn mức khấu trừ QBI cũng đã được tăng lên.

Hướng dẫn cho một số tờ khai thông tin. Để được hướng dẫn chuẩn bị tờ khai thông tin năm 2026, xem Ấn phẩm 1099.

Nhắc nhở

Nợ xấu. Ấn phẩm 535, Chi phí kinh doanh, đã ngừng phát hành và thông tin về nợ xấu được cung cấp trong ấn phẩm đó

hiện đã được tích hợp vào Ấn phẩm 334, phần [Nợ xấu](#) trong chương 8 của ấn phẩm này.

Mẫu 1040-SS được thiết kế lại. Bắt đầu năm 2024, Bảng C và SE (Mẫu 1040) có thể được nộp cùng với Mẫu 1040-SS, nếu áp dụng. Để biết thêm thông tin, xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040-SS.

Chi phí bữa ăn kinh doanh. Khoản khấu trừ chi phí bữa ăn kinh doanh vẫn được giữ nguyên ở mức 50% của chi phí đó. Xem [Bữa ăn và chỗ ở](#), ở phần sau để biết thêm thông tin. Xem thêm Ấn phẩm 463.

Giới hạn lỗ kinh doanh vượt mức. Lỗ từ thương mại hoặc kinh doanh của bạn có thể bị giới hạn. Sử dụng Mẫu 461 để xác định số lỗ kinh doanh vượt mức, nếu có. Khoản lỗ kinh doanh vượt quá của bạn sẽ được tính vào thu nhập trên dòng 8p của Bảng 1 (Mẫu 1040) và được coi là khoản lỗ hoạt động ròng (NOL) mà bạn phải chuyển tiếp và khấu trừ trong năm tính thuế tiếp theo. Xem Mẫu 461 và hướng dẫn.

Giao dịch có thể khai báo. Bạn phải nộp Mẫu 8886, Tuyên bố Công bố Giao dịch có thể khai báo, để khai báo các giao dịch nhất định. Bạn có thể phải trả tiền phạt nếu được yêu cầu nộp Mẫu 8886 nhưng không làm theo. Bạn cũng có thể phải trả lãi suất và tiền phạt đối với bất kỳ sự kê khai không đúng sự thật nào của giao dịch có thể khai báo. Các giao dịch có thể khai báo bao gồm:

1. Các giao dịch giống hoặc về cơ bản là tương tự với các giao dịch tránh thuế được IRS xác định;
2. Các giao dịch được đưa ra cho bạn theo các điều kiện bảo mật mà bạn đã trả cho người cố vấn một khoản phí tối thiểu để được tư vấn;
3. Các giao dịch mà bạn hoặc một bên liên quan có sự bảo vệ theo hợp đồng khỏi việc không được phép hưởng các nguồn lợi từ việc đóng thuế;
4. Các giao dịch gây lỗ ít nhất \$2 triệu trong bất kỳ niên thuế nào (\$50.000 nếu từ các giao dịch bằng tiền tệ ngoại quốc nhất định) hoặc \$4 triệu trong bất kỳ tập hợp niên thuế nào; và
5. Các giao dịch giống như hoặc về cơ bản là tương tự với một trong các loại giao dịch mà IRS đã xác định là giao dịch thuộc diện nghi ngờ.

Để biết thêm thông tin, xem Hướng dẫn cho Mẫu 8886 hoặc [IRS.gov/Abusive-Tax-Shelters-and-Transactions](#) ([tiếng Anh](#)). Xem thêm chương 2 của Ấn phẩm 550.

Trung tâm thuế cho Doanh nghiệp nhỏ và Tự kinh doanh (SB/SE). Bạn cần sự trợ giúp về vấn đề thuế hay khai thuế, hoặc cần một ấn phẩm hay mẫu đơn miễn phí? Trung tâm thuế của SB/SE phục vụ cho người đóng thuế nộp Mẫu 1040; Mẫu 1040-SR; Bảng C, E, hoặc F (Mẫu 1040); hoặc Mẫu 2106, cũng như những người đóng thuế là doanh nghiệp nhỏ có tài sản dưới \$10 triệu. Để biết thêm thông tin, truy cập Trung tâm thuế của SB/SE tại [IRS.gov/Businesses/Small](#).

Trung tâm thuế dành cho nền Kinh tế Gig. Nền kinh tế "gig" (hay còn gọi là nền kinh tế theo yêu cầu, nền kinh tế chia sẻ hoặc nền kinh tế truy cập) là lĩnh vực hoạt động mà mọi người có được thu nhập bằng cách cung cấp công việc, dịch vụ hoặc hàng hóa theo yêu cầu. Truy cập [IRS.gov/Gig](#) để có thêm thông tin về những hệ quả liên quan đến thuế khi tham gia vào nền kinh tế gig.

Hình chụp trẻ em mất tích

Sở Thuế vụ tự hào là đối tác của [Trung tâm Quốc gia về Trẻ em mất tích và bị bóc lột \(National Center for Missing & Exploited Children®, NCMEC\) \(tiếng Anh\)](#). Hình chụp trẻ em mất tích do Trung tâm lựa chọn có thể xuất hiện trên các trang còn trống của ấn phẩm này. Bạn có thể giúp đưa những đứa trẻ này về nhà bằng cách xem các bức ảnh và gọi cho 1-800-THE-LOST (1-800-843-5678) nếu nhận ra một đứa trẻ.

1.

Nộp và trả tiền thuế kinh doanh

Giới thiệu

Chương này giải thích về các khoản thuế kinh doanh mà bạn có thể phải trả và các mẫu đơn bạn có thể phải nộp. Chương này cũng thảo luận về mã số thuế (TIN).

[Bảng 1-1](#) liệt kê các lợi ích của việc khai thuế bằng điện tử.

[Bảng 1-2](#) liệt kê các loại thuế liên bang bạn có thể phải trả, ngày đến hạn và các mẫu đơn sử dụng để khai báo.

[Bảng 1-3](#) cung cấp những danh sách kiểm tra nêu bật các mẫu đơn và bảng diễn hình mà bạn có thể cần phải nộp nếu bạn ngừng việc kinh doanh.



Bạn có thể có nhu cầu nhận Ấn phẩm 509, Lịch thuế. Ấn phẩm có lịch thuế thông báo cho bạn biết khi nào phải nộp tờ khai và thanh toán thuế.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Ấn phẩm

- ☐ **505** Khấu lưu thuế và Thuế ước tính
- ☐ **583** Khởi nghiệp kinh doanh và Lưu giữ hồ sơ

Mẫu (và Hướng dẫn)

- ☐ **461** Giới hạn về lỗ kinh doanh
- ☐ **1040** Tờ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ cho Cá nhân
- ☐ **1040-SR** Tờ khai thuế Hoa Kỳ cho Người cao niên
- ☐ **1040-ES** Thuế ước tính cho Cá nhân
- ☐ **7205** Khấu trừ cho Tòa nhà thương mại năng lượng hiệu quả
- ☐ **Bảng C (Mẫu 1040)** Lợi nhuận hoặc Lỗ từ kinh doanh
- ☐ **Bảng SE (Mẫu 1040)** Thuế tự kinh doanh

Xem [chương 12](#) để nắm được thông tin về việc nhận các ấn phẩm và mẫu đơn.

Số nhận dạng

Phần này giải thích ba loại TIN, ai cần chúng, khi nào sử dụng và làm thế nào để nhận chúng.

Số An sinh Xã hội (SSN). Thông thường, sử dụng SSN của bạn làm TIN. Bạn phải khai báo số này vào mỗi mẫu đơn khai thuế thu nhập cá nhân của mình, chẳng hạn như Mẫu 1040 và các bảng đi kèm.

Để đăng ký một SSN, sử dụng **Mẫu SS-5**, Đơn xin cấp thẻ An sinh Xã hội. Mẫu này có sẵn tại các văn phòng của Sở An sinh Xã hội (SSA) hoặc bằng cách gọi 800-772-1213. Mẫu này cũng có sẵn trên trang web của SSA tại [SSA.gov/forms/ss-5 \(tiếng Anh\)](#).

Mã số thuế cá nhân (ITIN). IRS sẽ cấp ITIN nếu bạn là người nước ngoài tạm trú hoặc thường trú và không có và không thể đủ điều kiện nhận SSN. ITIN sẽ hết hạn đối với bất kỳ người đóng thuế nào không nộp tờ khai thuế thu nhập liên bang (hoặc người không được coi là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của một người đóng thuế khác) trong 3 năm liên tiếp. Tóm lại, nếu cần lấy ITIN, bạn phải đính kèm **Mẫu W-7**, Đơn xin cấp Mã số thuế Cá nhân của IRS, với bản gốc tờ khai thuế có chữ ký và đã điền đầy đủ thông tin của bạn cùng bất kỳ tài liệu bắt buộc nào khác và gửi chúng đến địa chỉ trong Hướng dẫn cho Mẫu W-7. Các trường hợp ngoại lệ đã được đề cập trong hướng dẫn. Nếu bạn phải bao gồm SSN của người khác trên tờ khai thuế của mình và người đó không có, hay không thể nhận được SSN, nhập ITIN của người đó. Đơn này cũng có sẵn bản tiếng Tây Ban Nha. Mẫu này có sẵn tại [IRS.gov/FormW7 \(tiếng Anh\)](#).



ITIN chỉ dành cho mục đích thuế vụ. Số này không cho phép người có ITIN hưởng các phúc lợi an sinh xã hội hoặc thay đổi tình trạng việc làm hay nhập cư của họ.

Mã số thuế của chủ lao động (EIN). Bạn cũng phải có EIN để sử dụng làm TIN nếu thực hiện một trong những việc sau.

- Trả lương cho một hoặc nhiều nhân viên.
- Khai thuế lương hưu hoặc thuế gián thu.

Nếu bạn phải có EIN, ghi EIN cùng với SSN của bạn trên Bảng C (Mẫu 1040) theo hướng dẫn.

Bạn có thể đăng ký nhận EIN:

- Trực tuyến bằng cách truy cập [IRS.gov/EIN](#). Miễn là địa điểm kinh doanh chính nằm ở Hoa Kỳ hoặc các vùng lãnh thổ của Hoa Kỳ — EIN được cấp ngay sau khi thông tin trên đơn được xác thực;
- Qua điện thoại tại 267-941-1099 (không phải số gọi miễn phí) **chỉ** trong trường hợp doanh nghiệp chính được đặt bên ngoài Hoa Kỳ hoặc các vùng lãnh thổ của Hoa Kỳ; hoặc
- Bằng cách gửi thư hoặc fax **Mẫu SS-4**, Đơn xin cấp Mã số thuế của chủ lao động.

EIN mới. Bạn có thể cần nhận EIN mới nếu có thay đổi về hình thức hoặc quyền sở hữu doanh nghiệp. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 1635, Am hiểu EIN của bạn.

Khi bạn cần số nhận dạng của người khác. Khi điều hành công việc kinh doanh của mình, bạn có thể sẽ thực hiện một số khoản thanh toán nhất định mà phải khai báo trên tờ khai thông tin. Các khoản thanh toán này được thảo luận trong phần [Tờ khai thông tin](#), ở phần sau của chương này. Bạn phải cung cấp cho người nhận các khoản thanh toán này (người được trả tiền) một bản báo cáo cho biết tổng số tiền đã thanh toán trong năm. Bạn phải ghi số nhận dạng của người được trả tiền và số nhận dạng của bạn trên các tờ khai thuế và bản báo cáo. Xem Hướng dẫn tổng quan cho Một số tờ khai thông tin.

Nhân viên. Nếu bạn có nhân viên, bạn phải nhận được SSN từ mỗi người trong số họ. Ghi lại tên và SSN của từng nhân viên chính xác như được ghi trên thẻ an sinh xã hội của nhân viên đó. Nếu tên của nhân viên không đúng như trên thẻ, nhân viên đó nên yêu cầu SSA cấp thẻ mới. Điều này có thể xảy ra nếu tên của nhân viên bị thay đổi do kết hôn hoặc ly hôn. Xem Ấn phẩm 15.

Mỗi nhân viên hoàn thành Mẫu W-4, Chứng nhận Khấu lưu thuế của Nhân viên, để thuế thu nhập liên bang có thể được khấu lưu một cách chính xác từ lương của họ.

Nếu nhân viên của bạn không có SSN, họ nên nộp Mẫu SS-5 cho SSA.

Người được trả tiền khác. Nếu bạn thực hiện thanh toán cho một người nào đó không phải là nhân viên của mình và bắt buộc phải khai báo các khoản thanh toán này trên tờ khai thông tin, lấy SSN của người đó. Nếu bạn phải khai báo các khoản thanh toán cho một tổ chức, chẳng hạn như công ty cổ phần hoặc công ty hợp danh, bạn phải lấy EIN của tổ chức đó.

Để nhận SSN hay EIN của người được trả tiền, sử dụng **Mẫu W-9**, Yêu cầu Mã số thuế và chứng nhận (tiếng Anh).

Người được trả tiền không cung cấp cho bạn mã số thuế có thể phải chịu khấu lưu dự phòng. Để biết thông tin về khấu lưu dự phòng, xem Hướng dẫn dành cho Người yêu cầu Mẫu W-9 và Hướng dẫn Tổng quát cho một số tờ khai thông tin.

Thuế thu nhập

Phần này giải thích liệu bạn có phải nộp tờ khai thuế thu nhập hay không và khi nào nộp. Phần này cũng giải thích cách bạn trả tiền thuế.

Tôi có cần nộp tờ khai thuế thu nhập không?

Bạn phải nộp tờ khai thuế thu nhập cho năm 2025 nếu bạn có thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh là \$400 trở lên. Nếu bạn có thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh dưới \$400, bạn vẫn phải nộp tờ khai thuế thu nhập nếu đáp ứng bất kỳ yêu cầu khai thuế nào khác được liệt kê trong Hướng dẫn cho Mẫu 1040.

Cách khai thuế?

Khai thuế thu nhập của bạn trên **Mẫu 1040** hoặc **Mẫu 1040-SR** và đính kèm **Bảng C (Mẫu 1040)**. Nhập lợi nhuận hoặc lỗ ròng từ Bảng C (Mẫu 1040) trên Bảng 1 (Mẫu 1040). Sử dụng Bảng C (Mẫu 1040) để tính lợi nhuận hoặc lỗ ròng từ hoạt động kinh doanh của bạn. Nếu điều hành nhiều hơn một

công việc kinh doanh với tư cách là doanh nghiệp cá thể, đính kèm Bảng C (Mẫu 1040) riêng cho từng doanh nghiệp.

e-file của IRS (Khai thuế bằng điện tử)



Bạn có thể nộp tờ khai thuế điện tử bằng cách sử dụng tùy chọn e-file của IRS. [Bảng 1-1](#) liệt kê những lợi ích của e-file của IRS. e-file của sử dụng việc tự động hóa để thay thế hầu hết các bước thủ công cần thiết để xử lý thủ tục trên tờ khai thuế bằng giấy. Kết quả là quy trình xử lý e-file của IRS nhanh hơn và chính xác hơn so với quy trình xử lý tờ khai thuế bằng giấy. Cũng như với tờ khai thuế bằng giấy, bạn có trách nhiệm bảo đảm rằng tờ khai thuế của mình chứa thông tin chính xác và được nộp đúng hạn.

Sử dụng e-file của IRS không ảnh hưởng đến xác suất bạn bị IRS kiểm tra tờ khai thuế của mình.

Bạn có thể nộp các mẫu đơn kinh doanh được sử dụng phổ biến nhất bằng e-file của IRS. Để biết thêm thông tin, truy cập [IRS.gov](#).

Chữ ký điện tử. Việc nộp không sử dụng giấy dễ dàng hơn bạn nghĩ và có sẵn cho hầu hết những người đóng thuế khai thuế bằng điện tử — kể cả những người khai lần đầu từ 16 tuổi trở lên vào cuối năm 2025. Nếu khai thuế bằng điện tử bằng phần mềm khai thuế hoặc qua một chuyên gia thuế, bạn sẽ ký tờ khai của mình bằng phương thức PIN (số nhận dạng cá nhân) tự chọn cho e-file của IRS. Nếu bạn và vợ/chồng của bạn đã kết hôn và khai thuế chung, mỗi người sẽ cần tạo một mã PIN và nhập các mã PIN này như chữ ký điện tử của mình.

Để tạo mã PIN, bạn phải nắm được tổng thu nhập được điều chỉnh (AGI) từ bản gốc tờ khai thuế thu nhập đã nộp năm 2024 (không phải từ tờ khai thuế sửa đổi, Mẫu 1040-X, hoặc sau khi nhận được bất kỳ thông báo lỗi toán học nào từ IRS). Bạn cũng sẽ cần cung cấp ngày sinh (DOB) của mình. Bảo đảm DOB của bạn là chính xác và khớp với thông tin trong hồ sơ mà SSA có trước khi bạn e-file. Để thực hiện điều này, kiểm tra Báo cáo An sinh Xã hội hàng năm của bạn.

Với Mã PIN tự chọn, không cần phải ký hay gửi gì qua thư — thậm chí kể cả Mẫu W-2 của bạn. Để biết thêm chi tiết về phương thức PIN tự chọn, truy cập [IRS.gov/E-File-Providers/Self-Select-Pin-Method-for-Forms-1040-and-4868-Modernized-E-File-MeF](#) (tiếng Anh).

Tờ khai thuế tiểu bang. Ở hầu hết các tiểu bang, bạn có thể đồng thời nộp cả tờ khai thuế tiểu bang bằng hình thức điện tử lẫn tờ khai thuế liên bang của mình. Để biết thêm thông tin, kiểm tra với cơ quan thuế tiểu bang, chuyên gia thuế của bạn hoặc [IRS.gov](#).

Hoàn thuế và ký gửi trực tiếp. Nếu bạn có thể sử dụng các dịch vụ ngân hàng hoặc hệ thống thanh toán bằng điện tử của Hoa Kỳ, bạn nên sử dụng hình thức ký gửi trực tiếp để nhận tiền hoàn thuế. IRS cũng khuyến khích thanh toán bằng điện tử bất cứ khi nào có thể. Các lựa chọn thanh toán bằng điện tử bao gồm sử dụng tài khoản ngân hàng của bạn với Direct Pay, thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng, ví điện tử hoặc tài khoản trực tuyến của IRS.

Với *e-file* của IRS, tiền hoàn thuế của bạn sẽ được phát trong thời gian nhanh chỉ bằng một nửa so với khi nộp bằng giấy. Hầu hết các khoản tiền hoàn thuế được phát trong vòng chưa đầy 21 ngày.

Bù trừ các khoản nợ. Cũng như với tờ khai thuế bằng giấy, bạn có thể không nhận được toàn bộ số tiền hoàn thuế nếu bạn (hoặc vợ/chồng của bạn, nếu khai thuế chung) nợ một khoản tiền quá hạn nhất định, chẳng hạn như thuế liên bang, thuế tiểu bang, khoản vay sinh viên hoặc trợ cấp con cái bao gồm cả khoản tiền cấp dưỡng quá hạn phải trả cho bất kỳ bộ lạc hoặc tổ chức bộ lạc nào của người thổ dân. Bạn sẽ được thông báo nếu khoản tiền hoàn thuế mà bạn yêu cầu đã được bù trừ vào các khoản nợ của mình. Bạn có thể nộp đơn yêu cầu cho người vợ/chồng bị tổn hại bằng Mẫu 8379, Phân bổ cho Người vợ/chồng bị tổn hại hoặc Mẫu 8857, Yêu cầu miễn cho Người vợ/chồng vô can, để phục hồi một phần hoặc toàn bộ khoản hoàn thuế chung được chuyển để thanh toán các khoản nợ riêng của người vợ/chồng của bạn.

Thắc mắc về tiền hoàn thuế. Bạn có thể kiểm tra tình trạng tiền hoàn thuế của mình nếu ít nhất 24 giờ (là 4 tuần nếu gửi tờ khai thuế bằng giấy qua đường bưu điện) đã trôi qua kể từ ngày bạn nộp tờ khai thuế. Hãy nhớ chuẩn bị sẵn bản sao của tờ khai thuế vì bạn sẽ cần biết tình trạng khai thuế, SSN đầu tiên được hiển thị trên tờ khai thuế và số tiền hoàn thuế chính xác được làm tròn đến một đô la. Để kiểm tra khoản tiền hoàn thuế của bạn, thực hiện một trong những thao tác sau.

- Truy cập [IRS.gov/Refunds](https://www.irs.gov/Refunds).
- Tải ứng dụng IRS2Go miễn phí xuống điện thoại thông minh của bạn và sử dụng ứng dụng này để kiểm tra tình trạng tiền hoàn thuế.
- Gọi 800-829-1954 để nắm được thông tin tự động về tiền hoàn thuế và làm theo hướng dẫn đã được ghi âm.

IRS không thể cấp tiền hoàn thuế trước thời điểm giữa tháng 2 năm 2026 đối với những tờ khai thuế đã yêu cầu tín thuế thu nhập kiểm được hoặc tín thuế trẻ em bổ sung. Điều này áp dụng cho toàn bộ khoản tiền hoàn thuế, không chỉ phần có liên quan đến các khoản tín thuế này.

Tiền còn thiếu và thanh toán bằng điện tử. Nếu tờ khai thuế của bạn cho thấy bạn nợ thuế, bạn phải thanh toán khoản thuế đó trước hạn chót nộp tờ khai (không kể bất kỳ gia hạn nộp tờ khai nào) để tránh bị phạt và tiền lãi do chậm thanh toán. Đối với năm dương lịch 2025, thanh toán trước ngày 15 tháng 4 năm 2026. IRS khuyến khích thanh toán bằng điện tử bất cứ khi nào có thể. Các lựa chọn thanh toán bằng điện tử bao gồm sử dụng tài khoản ngân hàng của bạn với Direct Pay, thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng, ví điện tử hoặc tài khoản trực tuyến của IRS. Để biết thêm thông tin về các tùy chọn thanh toán thuế, truy cập [IRS.gov/Payments](https://www.irs.gov/Payments).

Sử dụng Nhà cung cấp *e-file* được IRS ủy quyền

Nhiều chuyên gia thuế có thể khai thuế bằng điện tử mà không cần dùng giấy cho khách hàng của họ. Bạn có hai tùy chọn.

1. Bạn có thể chuẩn bị tờ khai thuế của mình, mang nó đến nhà cung cấp *e-file* được ủy quyền của IRS và yêu cầu nhà cung cấp chuyển nó dưới dạng điện tử tới IRS.

2. Bạn có thể được một nhà cung cấp *e-file* được ủy quyền của IRS chuẩn bị giúp tờ khai thuế của mình và chuyển nó cho bạn dưới dạng điện tử.

Bạn sẽ được yêu cầu hoàn thành Mẫu 8879, Ủy quyền chữ ký *e-file* của IRS, để cho phép nhà cung cấp nhập mã PIN tự chọn của mình trên tờ khai thuế.

Tùy thuộc vào nhà cung cấp và dịch vụ cụ thể được yêu cầu, một khoản phí có thể được tính. Để tìm một nhà cung cấp *e-file* được ủy quyền của IRS gần bạn, truy cập [IRS.gov/efile/Providers](https://www.irs.gov/efile/Providers) (tiếng Anh).

Sử dụng vi tính cá nhân của bạn

Một chiếc máy tính được kết nối Internet là tất cả những gì bạn cần để nộp tờ khai thuế của mình qua *e-file* của IRS. Với việc sử dụng máy tính cá nhân, bạn có thể *e-file* từ nhà của mình bất kỳ lúc nào, cả ngày lẫn đêm. Ký vào tờ khai thuế của bạn dưới định dạng điện tử bằng mã PIN tự chọn để hoàn tất quá trình. Không phải nộp mẫu đơn có chữ ký hay Mẫu W-2.

Các tùy chọn phần mềm miễn phí để khai thuế của bạn. Nếu AGI của bạn là \$89.000 trở xuống trong năm 2025, bạn có thể sử dụng phần mềm thuế miễn phí để chuẩn bị và *e-file* tờ khai của mình.

Free File. Mối quan hệ đối tác công-tư giữa IRS và các đơn vị cung cấp phần mềm thuế này tạo ra khoảng một chục sản phẩm phần mềm thương mại có thương hiệu và *e-file* có sẵn miễn phí. Chỉ cần truy cập [IRS.gov/FreeFile](https://www.irs.gov/FreeFile) để nắm được thông tin chi tiết. Bạn có thể xem xét tiêu chí sử dụng miễn phí của từng nhà cung cấp phần mềm hoặc sử dụng công cụ trực tuyến để tìm sản phẩm phần mềm miễn phí nào phù hợp với hoàn cảnh bản thân. Một số nhà cung cấp phần mềm đưa ra dịch vụ khai thuế tiểu bang miễn phí.

Các Mẫu Free File tự điền. IRS cũng đưa ra các phiên bản điện tử cho bản giấy của các mẫu đơn của IRS, những phiên bản này có thể *e-file* miễn phí. Các Mẫu Free File tự điền là lựa chọn tốt nhất cho những người có kinh nghiệm trong việc tự chuẩn bị tờ khai thuế. Không có hạn mức thu nhập khi sử dụng các mẫu đơn này. Các Mẫu Free File tự điền thực hiện các phép tính toán cơ bản. Những mẫu đơn này chỉ hỗ trợ mẫu đơn thuế của liên bang.

Nộp thông qua chủ lao động và tổ chức tài chính

Một số doanh nghiệp cung cấp *e-file* miễn phí cho nhân viên, thành viên hoặc khách hàng của họ. Những doanh nghiệp khác cung cấp nó đi kèm với một khoản phí. Tìm hiểu xem liệu chủ lao động hoặc tổ chức tài chính của bạn có cung cấp *e-file* của IRS như một quyền lợi được hưởng cho nhân viên, thành viên hoặc khách hàng hay không.

Trợ giúp miễn phí với tờ khai thuế của bạn

Sự trợ giúp miễn phí trong việc khai thuế của bạn có sẵn trên toàn quốc và đến từ các tình nguyện viên được IRS đào tạo. Chương trình Tình nguyện hỗ trợ thuế thu nhập (VITA) được thiết kế để hỗ trợ khai thuế cho những người đóng thuế có thu nhập thấp, cùng với đó là chương trình Tư vấn thuế cho Người

cao niên (TCE) được thiết kế để hỗ trợ khai thuế cho những người đóng thuế từ 60 tuổi trở lên. Một số địa điểm cung cấp dịch vụ khai thuế điện tử miễn phí.

Bảng 1-1. Lợi ích của e-file của IRS

Chính xác	• Tỷ lệ nhận được thông báo lỗi từ IRS giảm đáng kể.
An ninh	• Quyền riêng tư và an ninh của bạn được bảo đảm.
Chữ ký điện tử	• Tạo mã số nhận dạng cá nhân (PIN) của riêng bạn và khai thuế hoàn toàn không cần dùng giấy thông qua phần mềm khai thuế hoặc chuyên gia thuế của bạn. Không cần gửi gì qua đường bưu điện.
Bằng chứng chấp thuận	• Bạn sẽ nhận được xác nhận điện tử trong vòng 48 giờ rằng IRS đã chấp thuận và đang xử lý tờ khai thuế của bạn.
Hoàn thuế nhanh chóng	• Nếu bạn có thể truy cập vào các dịch vụ ngân hàng hoặc dịch vụ điện tử, bạn sẽ nhận được tiền hoàn thuế nhanh hơn với kỳ gửi trực tiếp.
Tùy chọn khai thuế trực tuyến miễn phí	• Sử dụng IRS.gov để tiếp cận dịch vụ thương mại cho việc khai và e-file có sẵn miễn phí cho người đóng thuế đủ điều kiện.
Các tùy chọn thanh toán thuế bằng điện tử	• Có sẵn các tùy chọn thanh toán thuế tiện lợi, an toàn và an ninh theo hình thức điện tử. E-file và trả thuế của bạn trong một bước duy nhất. Lên lịch trả thuế trực tiếp từ tài khoản thanh toán hoặc tài khoản tiết kiệm của bạn (đến hết ngày 15 tháng 4, 2025) hoặc trả bằng thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng. Xem Tiền còn thiếu và thanh toán bằng điện tử , ở phần trước.
Nộp tờ khai thuế Liên bang/Tiểu bang	• Chuẩn bị và nộp các tờ khai thuế liên bang và tiểu bang của bạn cùng nhau và nhận đôi lợi ích nhận được từ e-file.

Khi nào tờ khai thuế của tôi đến hạn?

Đối với niên lịch 2025, Mẫu 1040 hoặc 1040-SR đến hạn vào ngày 15 tháng 4, 2026. Nếu bạn sử dụng năm theo lịch tài chánh (được giải thích trong chương 2), tờ khai thuế của bạn sẽ đến hạn vào ngày 15 của tháng thứ 4 sau khi kết thúc năm theo lịch tài chánh. Nếu nộp tờ khai muộn, bạn có thể phải trả tiền phạt và tiền lãi.

Nếu bạn không thể nộp tờ khai thuế đúng hạn, sử dụng **Mẫu 4868**, Đơn xin tự động gia hạn thời gian nộp Tờ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ cho Cá nhân, để yêu cầu tự động gia hạn thêm 6 tháng. Đối với người đóng thuế theo niên lịch, điều này sẽ gia hạn ngày đến hạn khai thuế cho đến ngày 15 tháng 10. Nộp đơn xin gia hạn không kéo dài thời gian trả thuế của bạn, chỉ kéo dài thời gian nộp tờ khai thuế.

Làm thế nào để tôi trả tiền thuế thu nhập?

Thuế thu nhập liên bang là loại thuế trả ngay. Bạn phải trả thuế khi kiếm được hoặc nhận được thu nhập trong năm đó. Một nhân viên thường bị khấu lưu thuế thu nhập từ lương của họ. Nếu không trả thuế của mình thông qua khấu lưu, hoặc không trả đủ thuế theo cách đó, bạn có thể phải trả thuế ước tính.

Thanh toán thuế ước tính. Bạn thường phải trả các khoản tiền thuế ước tính nếu bạn nghĩ rằng mình sẽ có nợ thuế, bao gồm cả thuế tự kinh doanh (được thảo luận ở phần sau) từ \$1.000 trở lên khi nộp tờ khai thuế. Sử dụng **Mẫu 1040-ES** để tính toán và trả tiền thuế. Nếu không phải trả các khoản tiền thuế ước tính, bạn có thể trả bất kỳ khoản thuế nào đến hạn khi nộp tờ khai thuế. Để biết thêm thông tin về thuế ước tính, xem Ấn phẩm 505.

Tôi có những tùy chọn nào để trả tiền thuế ước tính? Bạn có thể trả tiền khoản thuế ước tính của mình theo phương thức điện tử bằng nhiều tùy chọn khác nhau. Nếu bạn nộp thuế điện tử thì không cần phải gửi phiếu thanh toán của Mẫu 1040-ES qua đường bưu điện. Các tùy chọn này bao gồm:

- 1. Trả tiền thuế điện tử thông qua Hệ thống thanh toán thuế Liên bang bằng điện tử (EFTPS),

- 2. Trả tiền thuế với Direct Pay bằng cách cho phép trích ngân điện tử khi bạn nộp Mẫu 1040 hoặc 1040-SR theo định dạng điện tử, hoặc
- 3. Trả tiền thuế bằng thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ qua điện thoại hoặc qua Internet.

Các tùy chọn khác bao gồm chuyển một khoản trả thừa từ tờ khai thuế năm 2024 của bạn vào thuế ước tính năm 2025.

EFTPS.

- 1. Để đăng ký EFTPS, truy cập [EFTPS.gov \(tiếng Anh\)](https://www.irs.gov/efps) hoặc gọi 800-555-4477.
- 2. Khi yêu cầu một EIN mới, bạn có thể được đăng ký tự động vào EFTPS.
- 3. Lợi ích của EFTPS bao gồm những điều sau.
 - a. Khả năng xảy ra sai sót trong việc thanh toán của bạn sẽ giảm xuống.
 - b. Bạn nhận được xác nhận ngay lập tức cho mọi giao dịch.

Tiền phạt cho việc trả thiếu tiền thuế. Nếu không trả đủ thuế thu nhập và thuế tự kinh doanh cho năm 2025 bằng cách khấu lưu hoặc trả các khoản tiền thuế ước tính, bạn có thể phải trả một khoản tiền phạt cho số tiền chưa thanh toán. IRS sẽ tính tiền phạt và gửi hóa đơn cho bạn. Hoặc bạn có thể sử dụng Mẫu 2210, Trả thiếu thuế ước tính bởi Cá nhân, Di sản và Quỹ tín thác, để xem mình có phải trả tiền phạt hay không, cũng như tính số tiền phạt. Để biết thêm thông tin, Xem Ấn phẩm 505.

Thuế tự kinh doanh (SE)

Thuế SE là một loại thuế an sinh xã hội và Medicare chủ yếu dành cho những cá nhân làm việc cho chính họ. Loại thuế này cũng tương tự như thuế an sinh xã hội và Medicare được khấu lưu từ lương của hầu hết những người làm công ăn lương.



Nếu kiếm được thu nhập với tư cách là một nhân viên pháp định, bạn không phải trả thuế tự kinh doanh cho thu nhập đó. Thuế an sinh xã hội và Medicare đúng ra đã phải được khấu trừ từ những khoản thu nhập đó.

Bảo hiểm an sinh xã hội. Phúc lợi an sinh xã hội cũng dành cho những người tự kinh doanh giống như những người làm công ăn lương. Các khoản thanh toán thuế SE sẽ đóng góp vào bảo hiểm của bạn trong hệ thống an sinh xã hội. Bảo hiểm an sinh xã hội cung cấp cho bạn các phúc lợi hưu trí, phúc lợi cho người bị khuyết tật, phúc lợi cho người còn lại và phúc lợi bảo hiểm bệnh viện (Medicare).



Bảo đảm khai báo tất cả thu nhập tự kinh doanh của bạn. Với việc không khai báo đầy đủ, bạn có thể khiến phúc lợi an sinh xã hội của mình thấp hơn khi nghỉ hưu.

Làm thế nào để được bảo hiểm theo chế độ an sinh xã hội. Bạn phải được bảo hiểm theo hệ thống an sinh xã hội trước khi bắt đầu nhận phúc lợi an sinh xã hội. Bạn được bảo hiểm nếu có đủ số lượng công nhận cần thiết (còn được gọi là quý bảo hiểm), được thảo luận ở dưới đây.

Thu nhập được công nhận cho năm 2025 và 2026. Đối với năm 2025, bạn được một tín chỉ, tối đa là bốn tín chỉ, cho mỗi \$1.810 (\$1.890 cho năm 2026) thu nhập chịu thuế an sinh xã hội. Do đó, trong năm 2025, nếu bạn có thu nhập (tự kinh doanh và lương bổng) là \$7.240 mà đã phải chịu thuế an sinh xã hội, bạn sẽ nhận được bốn tín chỉ ($\$7.240 \div \1.810).

Để được giải thích về số lượng tín chỉ bạn phải có để được bảo hiểm và những phúc lợi dành cho bản thân và gia đình của bạn theo chương trình an sinh xã hội, xin tư vấn tại văn phòng SSA gần nhất.



Khai báo sai sự thật để nhận hoặc tăng phúc lợi an sinh xã hội có thể khiến bạn phải chịu hình phạt.

Thời hạn của SSA cho việc đăng thu nhập tự kinh doanh. Thông thường, SSA sẽ chỉ công nhận thu nhập tự kinh doanh được khai báo trên tờ khai thuế đã nộp trong vòng 3 năm, 3 tháng và 15 ngày sau niên thuế mà bạn kiếm được thu nhập đó. Nếu bạn khai thuế hoặc khai báo sự thay đổi trong thu nhập tự kinh doanh của mình sau thời hạn này, SSA có thể thay đổi hồ sơ của bạn, nhưng chỉ để loại bỏ hoặc giảm số tiền. SSA sẽ không thay đổi hồ sơ của bạn để tăng thu nhập tự kinh doanh của bạn.

Ai phải trả thuế SE. Bạn phải trả thuế SE và nộp Bảng SE (Mẫu 1040) nếu một trong hai điều sau được áp dụng.

1. Thu nhập ròng của bạn từ công việc tự kinh doanh (không bao gồm thu nhập của nhân viên nhà thờ) là \$400 trở lên.

2. Bạn có thu nhập của nhân viên nhà thờ từ \$108,28 trở lên.



Các quy tắc thuế SE được áp dụng bất kể bạn bao nhiêu tuổi và ngay cả khi bạn đang nhận phúc lợi an sinh xã hội hoặc Medicare.

Tỷ suất thuế SE. Tỷ suất thuế SE trên thu nhập ròng là 15,3% (12,4% thuế an sinh xã hội cộng với 2,9% thuế Medicare).

Thu nhập tối đa chịu thuế SE. Chỉ \$176.100 đầu tiên trong tổng lương bổng, tiền bo và thu nhập ròng của bạn vào năm 2025 phải chịu bất kỳ sự kết hợp nào của phần an sinh xã hội chiếm 12,4% thuế SE, thuế an sinh xã hội hoặc phần Bậc 1 trong thuế hưu trí ngành đường sắt.

Tổng tất cả lương bổng, tiền bo và thu nhập ròng của bạn vào năm 2025 phải chịu bất kỳ sự kết hợp nào của phần Medicare chiếm 2,9% thuế SE, thuế Medicare, hoặc phần Medicare trong thuế hưu trí ngành đường sắt.

Nếu lương bổng và tiền bo bạn nhận được với tư cách là một nhân viên phải chịu thuế an sinh xã hội hoặc phần Bậc 1 trong thuế hưu trí ngành đường sắt, hoặc cả hai và tổng cộng ít nhất là \$176.100, không trả phần an sinh xã hội chiếm 12,4% thuế SE đối với bất kỳ khoản thu nhập ròng nào của bạn. Tuy nhiên, bạn phải trả phần Medicare chiếm 2,9% thuế SE cho toàn bộ thu nhập ròng của bạn.



Khấu trừ một nửa thuế tự kinh doanh (SE) của bạn như một khoản điều chỉnh thu nhập trên dòng 15 của Bảng 1 (Mẫu 1040).

Thuế Medicare bổ sung. Thuế Medicare bổ sung 0,9% có thể áp dụng cho bạn nếu thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh vượt quá một trong những số tiền giới hạn sau (dựa trên tư cách khai thuế của bạn).

- Vợ chồng khai thuế chung — \$250.000.
- Vợ chồng khai thuế riêng — \$125.000.
- Người độc thân, Chủ gia đình hoặc Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện — \$200.000.

Nếu bạn có cả lương bổng và thu nhập tự kinh doanh, số tiền giới hạn để áp dụng Thuế Medicare bổ sung đối với thu nhập tự kinh doanh sẽ được trừ đi (nhưng không xuống dưới 0) khoản lương bổng phải chịu Thuế Medicare bổ sung. Sử dụng Mẫu 8959, Thuế Medicare bổ sung, để tính toán khoản thuế này.

Thêm thông tin. Để nắm được thông tin về các phương pháp tính thuế SE, xem [chương 10](#).

Bảng 1-2. Tôi phải nộp những mẫu nào?

NẾU bạn có trách nhiệm nộp...	THÌ sử dụng Mẫu...	ĐẾN HẠN vào... ¹
Thuế thu nhập	1040, hoặc 1040-SR và Bảng C ²	Ngày 15 của tháng thứ 4 sau khi kết thúc niên thuế.
Thuế tự kinh doanh	Bảng SE (Mẫu 1040)	Nộp cùng Mẫu 1040, Mẫu 1040-SR, 1040-SS, hoặc 1040-NR.
Thuế ước tính	1040-ES	Ngày 15 của tháng thứ 4, 6 và 9 của niên thuế và ngày 15 của tháng thứ nhất sau khi kết thúc niên thuế.
Thuế an sinh xã hội và Medicare và khấu lưu thuế thu nhập	941 hoặc 944	ngày 30 tháng 4, ngày 31 tháng 7, ngày 31 tháng 10 và ngày 31 tháng 1. ³ Xem Ấn phẩm 15.
Cung cấp thông tin về thuế an sinh xã hội và Medicare và khấu lưu thuế thu nhập	W-2 (đối với nhân viên)	Ngày 31 tháng 1. ³
	W-2 và W-3 (đối với SSA)	Ngày 31 tháng 1. ³
Thuế thất nghiệp liên bang (FUTA)	940	Ngày 31 tháng 1. ³ Ngày 30 tháng 4, ngày 31 tháng 7, ngày 31 tháng 10 và ngày 31 tháng 1, nhưng chỉ khi khoản phải trả cho khoản thuế chưa thanh toán là nhiều hơn \$500.
Nộp tờ khai thông tin nhằm khai báo các khoản thanh toán cho người không phải nhân viên cũng như các giao dịch với những người khác	Xem Tờ khai thông tin	Mẫu 1099 — gửi cho người nhận trước ngày 31 tháng 1 và cho IRS trước ngày 28 tháng 2 (ngày 31 tháng 3 nếu khai thuế điện tử). ⁴ Các mẫu đơn khác — xem Hướng dẫn tổng quát cho một số Tờ khai thông tin.
Thuế gián thu	Xem Thuế gián thu	Xem hướng dẫn cho các mẫu đơn.

¹ Nếu ngày đến hạn rơi vào Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ được pháp luật quy định, nộp trước ngày tiếp theo mà không phải là những ngày trên. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 509.

² Nộp một bảng liệt kê riêng cho từng doanh nghiệp.

³ Xem hướng dẫn của mẫu đơn nếu bạn ngừng việc kinh doanh, thay đổi hình thức kinh doanh hoặc ngừng trả lương.

⁴ Mẫu 1099-NEC — nộp cho IRS trước ngày 31 tháng 1 (ngay cả khi nộp hồ sơ điện tử) nếu bạn đang khai báo tiền thù lao cho người không phải nhân viên.

Thuế việc làm

Nếu bạn có nhân viên, bạn cần phải nộp các mẫu đơn để khai báo thuế việc làm. Thuế việc làm bao gồm các hạng mục sau.

- Thuế an sinh xã hội và Medicare.
- Khấu lưu thuế thu nhập liên bang.
- Thuế thất nghiệp liên bang (FUTA).

Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 15 (Thông tư E), Hướng dẫn thuế cho Chủ lao động (tiếng Anh). Ấn phẩm đó giải thích các trách nhiệm thuế của bạn với tư cách là chủ lao động.

Để giúp bạn xác định liệu những người đang làm việc cho mình có được tính là nhân viên hay không, xem Ấn phẩm 15-A. Ấn phẩm đó chứa thông tin giúp bạn xác định xem một cá nhân là nhà thầu độc lập hay nhân viên.



Nếu phân loại sai một nhân viên thành một nhà thầu độc lập, bạn có thể phải chịu trách nhiệm về thuế lao động cho người lao động đó cộng với tiền phạt.

Nhà thầu độc lập là người tự kinh doanh. Bạn thường không phải khấu lưu hoặc nộp bất kỳ khoản thuế nào đối với các khoản thanh toán cho một nhà thầu độc lập.

Thuế gián thu

Phần này xác định một số loại thuế gián thu cũng như các mẫu đơn mà bạn phải nộp nếu thực hiện bất kỳ hoạt động nào sau đây.

- Sản xuất hoặc bán một số sản phẩm.
- Vận hành một số loại hình kinh doanh.
- Sử dụng các loại thiết bị, phương tiện hoặc sản phẩm khác nhau.
- Được trả tiền cho một số dịch vụ.

Để biết thêm thông tin về thuế gián thu, xem Ấn phẩm 510, Thuế gián thu.

Mẫu 720. Thuế gián thu liên bang được khai báo trên Mẫu 720, Tờ khai thuế gián thu liên bang hàng quý, bao gồm một vài hạng mục thuế lớn được liệt kê dưới đây.

- Thuế môi trường đối với việc bán hoặc sử dụng hóa chất làm suy giảm tầng ôzôn và sản phẩm nhập khẩu có chứa hoặc sản xuất bằng các hóa chất này.
- Thuế thông tin truyền thông và vận tải hàng không.
- Thuế nhiên liệu.

- Thuế đối với hoạt động bán lẻ cấp 1 xe tải hạng nặng, xe rơ moóc (trailer) và xe đầu kéo (tractor).
- Thuế của nhà sản xuất đối với việc bán hoặc sử dụng nhiều loại vật phẩm khác nhau.
- Thuế đối với dịch vụ râm nắng trong nhà.

Mẫu 2290. Có một loại thuế gián thu liên bang đối với việc sử dụng một số loại xe tải, xe tải kéo và xe buýt trên đường cao tốc công cộng. Thuế này áp dụng cho các loại xe có tổng trọng lượng chịu thuế từ 55.000 pound trở lên. Khai báo thuế trên Mẫu 2290, Tờ khai thuế sử dụng cho Xe đường cao tốc hạng nặng. Để biết thêm thông tin, xem Hướng dẫn cho Mẫu 2290.

Ký gửi thuế gián thu. Nếu phải khai thuế gián thu hàng quý trên Mẫu 720, bạn có thể phải ký gửi thuế gián thu trước khi tờ khai thuế đến hạn. Để nắm được chi tiết về việc ký gửi thuế gián thu, xem Hướng dẫn cho Mẫu 720.

Tờ khai thông tin

Nếu thực hiện hoặc nhận các khoản thanh toán trong hoạt động kinh doanh, bạn có thể phải khai báo chúng cho IRS trên tờ khai thông tin. IRS so sánh các khoản thanh toán trên tờ khai thông tin với tờ khai thuế thu nhập của mỗi người để xem liệu các khoản thanh toán có được tính vào thu nhập hay không. Bạn phải cung cấp một bản sao của tờ khai thông tin mà phải được nộp cho người nhận hoặc người nhận tiền. Ngoài các mẫu được mô tả dưới đây, bạn có thể phải sử dụng tờ khai thuế khác để khai báo một số loại hình thanh toán hoặc giao dịch. Để biết thêm chi tiết về tờ khai thông tin cũng như thời điểm phải nộp, xem Hướng dẫn tổng quát một số Tờ khai thông tin.

Mẫu 1099-MISC. Sử dụng Mẫu 1099-MISC, Thông tin hỗn hợp, để khai báo một số khoản thanh toán mà bạn thực hiện trong hoạt động kinh doanh của mình. Các khoản thanh toán này bao gồm các hạng mục sau.

- Các khoản thanh toán tiền thuê từ \$600 trở lên, ngoại trừ tiền thuê trả cho các đại lý bất động sản.
- Giải thưởng và phần thưởng trị giá \$600 trở lên không dành cho dịch vụ, chẳng hạn như trúng giải trên các chương trình truyền hình hoặc radio.
- Tiền bản quyền từ \$10 trở lên.
- Tiền cho một số thuyền viên của những người chủ hoặc người điều hành tàu đánh cá.
- Số tiền trả cho việc mua cá để bán lại từ bất kỳ người nào tham gia vào hoạt động kinh doanh đánh bắt cá.

Bạn cũng sử dụng Mẫu 1099-MISC để khai báo doanh số bán sản phẩm tiêu dùng từ \$5.000 trở lên của bạn cho một người để bán lại ở bất kỳ nơi nào khác ngoài cơ sở bán lẻ cố định.

Mẫu 1099-NEC. Nộp Mẫu 1099-NEC, Thù lao cho Người không phải là Nhân viên, cho mỗi người trong quá trình kinh doanh của bạn mà bạn đã trả ít nhất \$600 trong năm cho:

- Những dịch vụ được thực hiện bởi một người nào đó không phải là nhân viên của bạn (bao gồm các bộ phận và vật liệu) (ô 1),

- Chi trả tiền mặt cho cá (hoặc các loại thủy hải sản khác) mà bạn mua từ bất kỳ người nào tham gia vào hoạt động thương mại hay kinh doanh đánh bắt cá (ô 1), hoặc
- Các khoản thanh toán cho luật sư (ô 1).

Bạn cũng phải nộp Mẫu 1099-NEC cho từng người mà bạn đã khấu lưu bất kỳ khoản thuế thu nhập liên bang nào từ họ (khai báo trong ô 4) theo các quy định về số tiền tạm giữ trên lương để trả thuế hàng năm bất kể số tiền thanh toán là bao nhiêu.



Nếu sử dụng Mẫu 1099-NEC để khai báo doanh số bán các sản phẩm tiêu dùng có tổng trị giá từ \$5.000 trở lên, thì bạn phải nộp Mẫu 1099-NEC cho IRS trước ngày 31 tháng 1.

Mẫu W-2. Bạn phải nộp Mẫu W-2 để khai báo các khoản thanh toán cho nhân viên của mình, chẳng hạn như lương bổng, tiền hoa và các khoản bồi thường, thu nhập sau khi khấu lưu, thuế an sinh xã hội và thuế Medicare khác. Bạn có thể nộp Mẫu W-2 trực tuyến. Để biết thêm thông tin về Mẫu W-2, xem Hướng dẫn tổng quát cho Mẫu W-2 và W-3.

Hình phạt. Pháp luật quy định các hình phạt sau đây nếu bạn không nộp Mẫu 1099-MISC, Mẫu 1099-NEC, hoặc Mẫu W-2 hoặc không khai báo thông tin một cách chính xác. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm Hướng dẫn tổng quát cho một số Tờ khai thông tin.

- Không nộp tờ khai thông tin. Hình phạt này được áp dụng nếu bạn không nộp tờ khai thông tin trước ngày đến hạn, không bao gồm đầy đủ thông tin bắt buộc hoặc khai báo thông tin không chính xác.
- Không cung cấp báo cáo chính xác về người được trả tiền. Hình phạt này được áp dụng nếu bạn không cung cấp bản kê khai bắt buộc cho người được trả tiền trước ngày được yêu cầu, không bao gồm đầy đủ thông tin được yêu cầu hoặc khai báo thông tin không chính xác.

Các hình phạt khác. Hình phạt liên quan đến tính chính xác hoặc gian lận có thể được áp dụng trong trường hợp trả thiếu thuế do sơ suất, khai thiếu thuế thu nhập đáng kể, khai thiếu các giao dịch phải khai báo hoặc gian lận. Xem các đoạn 6662, 6662A và 6663.

Miễn hình phạt. Những hình phạt này sẽ không được áp dụng nếu bạn có thể chứng minh rằng việc không thực hiện là do nguyên nhân hợp lý và không phải do cố ý bỏ qua.

Ngoài ra, không có hình phạt nào trong trường hợp không bao gồm đầy đủ các thông tin được yêu cầu hoặc bao gồm thông tin không chính xác trên một số lượng nhỏ (cực tiểu) các tờ khai thông tin nếu bạn sửa lỗi trước ngày 1 tháng 8 của năm mà tờ khai thuế đến hạn. (Số lượng cực tiểu của tờ khai thuế là giá trị lớn hơn của 10 hoặc một nửa của 1% tổng số tờ khai thuế mà bạn phải nộp trong năm).

Mẫu 8300. Nộp Mẫu 8300, Khai báo các khoản thanh toán bằng tiền mặt trên \$10.000 nhận được trong một hoạt động thương mại hoặc kinh doanh (tiếng Anh), nếu bạn nhận được hơn \$10.000 tiền mặt trong một giao dịch hoặc nhiều hơn một giao dịch kinh doanh có liên quan. Tiền mặt bao gồm tiền xu và tiền tệ của Hoa Kỳ và nước ngoài. Tiền mặt cũng bao gồm một số công cụ tiền tệ như séc ngân hàng có bảo chứng, séc du

lịch và lệnh phiếu. Tiền mặt không bao gồm séc được rút từ tài khoản riêng của một cá nhân (séc cá nhân). Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 1544, Khai báo các khoản thanh toán bằng tiền mặt trên \$10.000.

Hình phạt. Có các hình phạt dân sự và hình sự, bao gồm tối đa 5 năm tù giam, cho việc không nộp Mẫu 8300, nộp (hoặc gây ra việc nộp) một Mẫu 8300 sai sự thật hoặc gian lận, hoặc cơ cấu một giao dịch để trốn tránh các yêu cầu khai báo.

Bảng 1-3. Danh sách kiểm tra khi ngừng kinh doanh

(Ghi chú: Danh sách kiểm tra sau đây nêu rõ các mẫu đơn và bảng liệt kê cuối cùng điển hình mà bạn có thể cần phải nộp nếu ngừng kinh doanh. Để biết thêm thông tin, xem hướng dẫn cho các mẫu đơn được liệt kê).

NẾU bạn có trách nhiệm với...	THÌ bạn có thể cần phải...
Thuế thu nhập	☐ Nộp Bảng C (Mẫu 1040) cùng với Mẫu 1040 hoặc 1040-SR cho năm bạn ngừng kinh doanh. ☐ Nộp Mẫu 4797 cùng với Mẫu 1040 hoặc 1040-SR cho mỗi năm mà bạn bán hoặc trao đổi tài sản được sử dụng trong hoạt động kinh doanh của mình hoặc trong đó việc sử dụng cho mục đích kinh doanh của một số tài sản theo đoạn 179 hoặc được liệt kê giảm xuống mức 50% hoặc ít hơn. ☐ Nộp Mẫu 8594 cùng với Mẫu 1040 hoặc 1040-SR nếu bạn đã bán doanh nghiệp của mình.
Thuế SE	☐ Nộp Bảng SE (Mẫu 1040) với Mẫu 1040 hoặc 1040-SR cho năm bạn ngừng kinh doanh.
Thuế việc làm	☐ Nộp Mẫu 941 cho mỗi quý (hoặc Mẫu 944 cho mỗi năm) mà bạn thực hiện khoản thanh toán tiền lương cuối cùng. Ghi chú: Đừng quên đánh dấu vào ô và nhập ngày mà khoản tiền lương cuối cùng được thanh toán trên 17 của Mẫu 941 hoặc dòng 14 của Mẫu 944. ☐ Nộp Mẫu 940 cho niên lịch mà số tiền lương cuối cùng đã được trả. Ghi chú: Đừng quên đánh dấu vào ô d, Final: Business closed or stopped paying wages (Cuối cùng: Doanh nghiệp đóng cửa hoặc ngừng trả lương) trong mục Type of Return (Loại tờ khai thuế).
Tờ khai thông tin	☐ Cung cấp Mẫu W-2 cho nhân viên của bạn trong niên lịch mà bạn thực hiện thanh toán số tiền lương cuối cùng. ☐ Nộp Mẫu W-3 để nộp Mẫu W-2. ☐ Cung cấp Mẫu 1099-MISC và Mẫu 1099-NEC cho mỗi người mà bạn đã trả ít nhất \$600 cho các dịch vụ (bao gồm các bộ phận và vật liệu) trong niên lịch mà bạn ngừng kinh doanh. ☐ Nộp Mẫu 1096 để nộp Mẫu 1099-MISC và Mẫu 1099-NEC.

2.

Chu kỳ và phương pháp kế toán

Giới thiệu

Bạn phải tính thu nhập chịu thuế của mình và nộp tờ khai thuế thu nhập theo một chu kỳ kế toán hàng năm được gọi là niên thuế. Ngoài ra, bạn phải sử dụng một cách nhất quán phương pháp kế toán, qua đó trình bày rõ ràng thu nhập và chi phí của mình trong niên thuế.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Ấn phẩm

- ☐ **538** Chu kỳ và phương pháp kế toán

Xem [chương 12](#) để nắm được thông tin về việc nhận các ấn phẩm và mẫu đơn.

Chu kỳ kế toán

Khi lập bản kê khai thu nhập và chi phí (thường là tờ khai thuế thu nhập của bạn), bạn phải sử dụng sổ sách và hồ sơ của mình trong một khoảng thời gian cụ thể được gọi là chu kỳ kế toán. Chu kỳ kế toán hàng năm cho tờ khai thuế thu nhập của bạn được gọi là **niên thuế**. Bạn có thể sử dụng một trong các niên thuế sau đây.

- Niên thuế theo lịch.
- Niên thuế theo lịch tài chính.

Nếu không có niên thuế bắt buộc, bạn sẽ áp dụng một niên thuế bằng cách nộp tờ khai thuế thu nhập đầu tiên của mình sử dụng niên thuế đó. Niên thuế bắt buộc là niên thuế được yêu cầu theo Luật Thuế Vụ hoặc Quy định Về Thuế Thu Nhập.

Niên thuế theo lịch. Một niên thuế theo lịch là 12 tháng liên tục bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến hết ngày 31 tháng 12.

Bạn phải áp dụng niên thuế theo lịch nếu bất kỳ điều nào sau đây được áp dụng.

- Bạn không giữ sổ sách kế toán.
- Bạn không có chu kỳ kế toán hàng năm.
- Niên thuế hiện tại của bạn không hội đủ điều kiện để được xem là năm theo lịch tài chính.
- Việc sử dụng niên thuế theo lịch của bạn là bắt buộc theo Bộ Luật Thuế vụ hoặc Quy định về thuế thu nhập.

Nếu đã nộp tờ khai thuế thu nhập đầu tiên sử dụng niên thuế theo lịch và sau đó bắt đầu kinh doanh với tư cách là

doanh nghiệp cá thể, bạn phải tiếp tục sử dụng niên thuế theo lịch đó trừ khi được IRS chấp thuận để thay đổi hoặc được phép thay đổi mà không cần sự chấp thuận của IRS. Để biết thêm thông tin, xem [Thay đổi niên thuế](#), ở phần sau.

Nếu áp dụng niên thuế theo lịch, bạn phải duy trì sổ sách và hồ sơ đồng thời khai báo thu nhập và chi phí của mình trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Niên thuế theo lịch tài chánh. Niên thuế theo lịch tài chánh là 12 tháng liên tục kết thúc vào ngày cuối cùng của bất kỳ tháng nào trừ tháng 12. Niên thuế 52-53 tuần là niên thuế theo lịch tài chánh kéo dài từ 52 đến 53 tuần nhưng không nhất thiết phải kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng.

Nếu áp dụng niên thuế theo lịch tài chánh, bạn phải duy trì sổ sách và hồ sơ của mình đồng thời khai báo thu nhập và chi phí trong cùng một niên thuế.

Để biết thêm thông tin về niên thuế theo lịch tài chánh, bao gồm niên thuế 52-53 tuần, xem Ấn phẩm 538.

Thay đổi niên thuế. Thông thường, bạn phải nộp Mẫu 1128, Đơn xin áp dụng, thay đổi hoặc giữ lại niên thuế, để yêu cầu sự chấp thuận từ phía IRS nhằm thay đổi niên thuế của mình. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 1128 về các trường hợp ngoại lệ. Nếu đủ điều kiện để có một yêu cầu phê duyệt tự động, bạn không phải trả phí người dùng. Nếu không đủ điều kiện để được phê duyệt tự động, bạn phải yêu cầu một quyết định. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 1128 để biết thông tin về phí người dùng nếu bạn đang yêu cầu một quyết định.

Phương pháp kế toán

Phương pháp kế toán là một tập hợp các quy tắc được sử dụng để xác định thời điểm và cách thức khai báo thu nhập và chi phí. Phương pháp kế toán của bạn không chỉ bao gồm phương pháp kế toán tổng thể được sử dụng mà còn bao gồm cả phương pháp hạch toán được sử dụng cho bất kỳ hạng mục nào.

Bạn chọn phương pháp kế toán cho doanh nghiệp của mình khi nộp tờ khai thuế thu nhập đầu tiên bao gồm Bảng C (Mẫu 1040) cho doanh nghiệp. Sau đó, nếu muốn thay đổi phương pháp kế toán của mình, thông thường bạn phải được IRS chấp thuận. Xem [Thay đổi phương pháp kế toán](#), ở phần sau.

Các loại phương pháp. Thông thường, bạn có thể sử dụng bất kỳ phương pháp kế toán nào sau đây.

- Phương pháp tiền mặt.
- Phương pháp tích lũy.
- Phương pháp đặc biệt đối với một số hạng mục thu nhập và chi phí.
- Phương pháp kết hợp sử dụng các yếu tố của hai hoặc nhiều hơn các yếu tố trên.

Bạn phải sử dụng cùng một phương pháp kế toán để tính thu nhập chịu thuế và lưu giữ sổ sách của mình. Ngoài ra, bạn phải sử dụng một phương pháp kế toán trình bày rõ ràng thu nhập của mình.

Hạng mục doanh nghiệp và cá nhân. Bạn có thể hạch toán các hạng mục doanh nghiệp và cá nhân theo các phương pháp kế toán khác nhau. Ví dụ: bạn có thể tính toán thu nhập kinh doanh của mình theo phương pháp tích lũy, ngay cả khi sử dụng phương pháp tiền mặt để tính các hạng mục cá nhân.

Hai hoặc nhiều doanh nghiệp. Nếu có hai hoặc nhiều doanh nghiệp riêng lẻ và tách biệt, bạn có thể sử dụng phương pháp kế toán khác nhau cho từng doanh nghiệp nếu phương pháp đó phản ánh rõ ràng thu nhập của từng doanh nghiệp. Những phương pháp này chỉ riêng và tách biệt nếu bạn duy trì sổ sách cùng với hồ sơ đầy đủ và riêng biệt cho từng doanh nghiệp.

Phương pháp tiền mặt

Hầu hết các cá nhân và nhiều doanh nghiệp cá thể không có hàng tồn kho sử dụng phương pháp chi thu bằng tiền mặt bởi họ thấy rằng việc lưu giữ hồ sơ với phương pháp chi thu bằng tiền mặt dễ dàng hơn. Tuy nhiên, nếu hàng tồn kho là cần thiết để hạch toán thu nhập của bạn, thông thường bạn phải sử dụng phương pháp tích lũy để hạch toán việc bán hàng và mua hàng, trừ khi bạn là người đóng thuế doanh nghiệp nhỏ (được định nghĩa ở phần sau của chương này). Để biết thêm thông tin, xem [Hàng tồn kho](#), ở phần sau.

Thu nhập

Theo phương pháp chi thu bằng tiền mặt, tính mọi khoản thu nhập mà bạn thực tế nhận được hoặc được coi là đã nhận được trong niên thuế của mình vào tổng thu nhập. Nếu nhận tài sản hoặc dịch vụ, bạn phải tính cả giá cả phải chăng trên thị trường của chúng vào thu nhập.

Ví dụ. Vào ngày 30 tháng 12, 2024, một khách hàng đã gửi một séc cho bạn về các dịch vụ trang trí nội thất mà bạn đã cung cấp cho họ. Bạn đã nhận được séc vào ngày 4 tháng 1, 2025. Bạn phải tính cả số tiền trên séc này vào thu nhập cho năm 2025.

Khoản nhận suy định. Bạn có khoản nhận suy định của thu nhập khi một khoản tiền được ghi có vào tài khoản của bạn hoặc được cung cấp cho bạn mà không bị hạn chế. Bạn không cần phải sở hữu nó. Nếu ủy quyền cho ai đó làm đại lý và nhận thu nhập thay cho mình, bạn được coi là đã nhận được số tiền khi đại lý nhận được nó.

Ví dụ. Tiền lãi được ghi có vào tài khoản ngân hàng của bạn vào tháng 12 năm 2025. Bạn không rút hoặc chuyển khoản tiền này vào sổ tiết kiệm của mình cho đến năm 2026. Bạn phải tính cả khoản tiền này vào tổng thu nhập của mình cho năm 2025.

Trì hoãn biên nhận thu nhập. Bạn không thể giữ séc hoặc hoãn việc sở hữu tài sản tương tự từ niên thuế này sang niên thuế khác để tránh phải trả thuế thu nhập. Bạn phải khai báo thu nhập trong năm bạn nhận được hoặc được cung cấp tài sản mà không bị hạn chế.

Ví dụ. Một nhà thầu dịch vụ, có quyền nhận khoản thanh toán \$10.000 cho một hợp đồng vào tháng 12 năm 2025. Vào tháng 12, họ đã được thông báo rằng khoản thanh toán của họ đã có sẵn. Theo yêu cầu của họ, khoản tiền đó không được trả

cho họ cho đến tháng 1 năm 2026. Họ phải tính cả khoản thanh toán này vào thu nhập năm 2025 của mình vì số tiền này đã được coi là nhận được vào năm 2025.

Séc. Biên nhận của một séc hợp lệ vào cuối niên thuế là biên nhận suy định của thu nhập trong năm đó, ngay cả khi bạn không thể rút tiền mặt hoặc ký gửi séc cho đến năm sau.

Ví dụ. Bạn nhận được séc \$500 vào ngày 31 tháng 12, 2025 từ một khách hàng. Bạn không thể ký gửi séc vào tài khoản kinh doanh của mình cho đến ngày 3 tháng 1, 2026. Bạn phải tính khoản thanh toán này vào thu nhập của mình cho năm 2025.

Nợ do người khác trả hoặc được hủy. Nếu có các khoản nợ được trả bởi người khác hoặc được chủ nợ hủy bỏ, bạn có thể phải khai báo một phần hoặc toàn bộ khoản miễn giảm nợ này dưới dạng thu nhập. Nếu nhận được thu nhập theo cách này, bạn sẽ được coi là đã nhận được khoản thu nhập này khi khoản nợ được hủy bỏ hoặc thanh toán. Để biết thêm thông tin, xem [Nợ được hủy bỏ](#) trong mục *Các hình thức thu nhập* trong chương 5.

Hoàn trả thu nhập. Nếu gộp một khoản tiền vào thu nhập và trong một năm sau đó phải hoàn trả toàn bộ hoặc một phần số tiền đó, bạn thường có thể khấu trừ khoản hoàn trả vào năm thực hiện việc hoàn trả. Nếu số tiền bạn hoàn trả lớn hơn \$3.000, một quy tắc đặc biệt sẽ được áp dụng. Để biết chi tiết về quy tắc đặc biệt, xem *Khoản hoàn trả* trong chương 8 của Ấn phẩm 17.

Chi phí

Theo phương pháp tiền mặt, bạn thường khấu trừ các chi phí trong niên thuế mà bạn thực sự trả chúng. Điều này bao gồm các chi phí kinh doanh mà bạn phải chịu trách nhiệm về khoản nợ phải trả. Tuy nhiên, bạn có thể không được khấu trừ một khoản chi phí đã trả trước hoặc bạn có thể được yêu cầu vốn hóa một số chi phí nhất định, như được giải thích ở phần sau theo [Quy tắc vốn hóa thống nhất](#).

Các khoản chi phí đã trả trước. Bạn có thể khấu trừ một khoản chi phí mà bạn trả trước chỉ trong năm áp dụng chi phí đó.

Ví dụ. Bạn là người đóng thuế theo niên lịch và trả \$1.000 vào năm 2025 cho hợp đồng bảo hiểm kinh doanh có hiệu lực trong 1 năm, tính từ ngày 1 tháng 7. Bạn có thể khấu trừ \$500 vào năm 2025 và \$500 vào năm 2026.

Phương pháp tích lũy

Theo phương pháp tích lũy, bạn thường khai báo thu nhập trong năm kiếm được thu nhập và khấu trừ hoặc vốn hóa các chi phí trong năm phát sinh. Mục đích của phương pháp tích lũy là để khớp thu nhập và chi phí trong năm một cách chính xác.

Thu nhập — Quy tắc chung

Theo phương pháp tích lũy, bạn thường tính một khoản tiền vào tổng thu nhập của mình cho niên thuế mà tất cả các sự kiện quyết định quyền nhận thu nhập đã xảy ra đồng thời bạn

có thể xác định khoản tiền này với độ chính xác hợp lý. Đối với người đóng thuế có một bản tường trình tài chính thích hợp hoặc bản tường trình tài chính khác mà Bộ Trưởng có thể chỉ định, thì tiêu chuẩn cứu xét “tất cả các sự kiện” cho một hạng mục của tổng thu nhập được coi là được đáp ứng không muộn hơn thời điểm được đưa vào xem xét trong một bản tường trình tài chính thích hợp hoặc bản tường trình tài chính tương tự khác.

Ví dụ. Bạn là người đóng thuế theo niên lịch sử dụng phương pháp tích lũy. Bạn đã bán một máy tính vào ngày 28 tháng 12, 2025. Bạn đã lập hóa đơn cho khách hàng vào tuần đầu tiên của tháng 1 năm 2026 nhưng đến tháng 2 năm 2026 bạn mới nhận được thanh toán. Bạn phải tính số tiền nhận được cho máy tính vào thu nhập năm 2025 của mình.

Thu nhập — Các quy tắc đặc biệt

Sau đây là các quy tắc đặc biệt áp dụng cho các khoản trả trước, thu nhập ước tính và thay đổi lịch thanh toán cho các dịch vụ.

Thu nhập ước tính. Nếu bạn gộp một khoản tiền ước tính hợp lý vào tổng thu nhập chưa trừ các chi phí và thuế và sau đó xác định được khoản tiền chính xác khác so với thực tế, tính đến khoản chênh lệch trong niên thuế mà bạn xác định được nó.

Thay đổi lịch thanh toán cho các dịch vụ. Nếu thực hiện các dịch vụ với mức giá cơ bản được chỉ định trong hợp đồng, bạn phải tích lũy thu nhập theo mức giá cơ bản, ngay cả khi đồng ý nhận các khoản thanh toán với mức giá thấp hơn cho đến khi bạn hoàn thành các dịch vụ và sau đó nhận được khoản chênh lệch.

Các khoản trả trước. Thông thường, bạn khai báo một khoản trả trước dưới dạng thu nhập trong năm nhận được khoản thanh toán. Tuy nhiên, nếu nhận được một khoản trả trước, bạn có thể chọn hoãn tính khoản trả trước này vào thu nhập cho đến niên thuế tiếp theo. Bạn không thể hoãn việc tính vào bất kỳ khoản thanh toán nào vào sau niên thuế đó.

Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 538 và đoạn 451 của Bộ Luật Thuế vụ.

Chi phí

Theo phương pháp tích lũy, bạn thường khấu trừ hoặc vốn hóa chi phí kinh doanh khi cả hai điều sau đây được áp dụng.

1. Tiêu chuẩn cứu xét “tất cả các sự kiện” đã được đáp ứng. Tiêu chuẩn cứu xét đã được đáp ứng khi:
 - a. Tất cả các sự kiện quyết định thực tế về nợ phải trả đã xảy ra và
 - b. Khoản nợ phải trả có thể được xác định với độ chính xác hợp lý.
2. Hoạt động kinh tế đã xảy ra.

Hiệu quả kinh tế. Thông thường, bạn không thể khấu trừ hoặc vốn hóa chi phí kinh doanh cho đến khi hiệu quả kinh tế xảy ra. Nếu bạn có chi phí cho tài sản hoặc dịch vụ được cung cấp, hoặc cho việc sử dụng tài sản, thì hiệu quả kinh tế xảy ra khi tài sản hoặc dịch vụ được cung cấp hoặc khi tài sản được

sử dụng. Nếu bạn có chi phí cho tài sản hoặc dịch vụ mà bản thân cung cấp cho người khác, thì hiệu quả kinh tế sẽ xảy ra khi bạn cung cấp tài sản hoặc dịch vụ. Một ngoại lệ cho phép một số hạng mục định kỳ nhất định được coi là phát sinh trong niên thuế ngay cả khi hiệu quả kinh tế chưa xảy ra. Để biết thêm thông tin về hiệu quả kinh tế, xem *Economic Performance (Hiệu quả kinh tế)* trong mục *Accrual Method (Phương pháp tích lũy)* trong Ấn phẩm 538.

Ví dụ. Bạn là người đóng thuế theo niên lịch và sử dụng phương pháp tích lũy. Bạn mua thiết bị văn phòng vào tháng 12 năm 2025. Bạn nhận được thiết bị và hóa đơn vào tháng 12, nhưng lại thanh toán hóa đơn vào tháng 1 năm 2026. Bạn có thể khấu trừ chi phí vào năm 2025 bởi vì tất cả các sự kiện quyết định thực tế về nợ phải trả đã xảy ra, số nợ phải trả này có thể được xác định một cách hợp lý đồng thời hiệu quả kinh tế đã xảy ra trong năm đó.

Các thiết bị văn phòng của bạn có thể hội đủ điều kiện để được coi là một khoản chi phí định kỳ. Trong trường hợp đó, bạn có thể khấu trừ chúng vào năm 2025 ngay cả khi những thiết bị này không được giao cho đến năm 2026 (khi hiệu quả kinh tế xảy ra).

Lưu giữ hàng tồn kho. Khi việc sản xuất, mua hoặc bán hàng hóa là một yếu tố tạo ra thu nhập cho doanh nghiệp, bạn thường phải tính đến hàng tồn kho vào đầu và cuối niên thuế của mình, trừ khi bạn là người đóng thuế doanh nghiệp nhỏ. Nếu phải hạch toán hàng tồn kho, thông thường bạn phải sử dụng phương pháp tích lũy cho các giao dịch mua và bán của mình. Để biết thêm thông tin, xem [Hàng tồn kho](#), ở phần sau.

Quy tắc đặc biệt cho người liên quan. Bạn không thể khấu trừ chi phí kinh doanh và tiền lãi nợ một người có liên quan sử dụng phương pháp tiền mặt cho đến khi bạn thực hiện thanh toán, đồng thời số tiền tương ứng được tính vào tổng thu nhập của người có liên quan đó. Đối với quy tắc này, xác định mối quan hệ vào cuối niên thuế mà chi phí hoặc tiền lãi sẽ được khấu trừ. Nếu một khoản khấu trừ không được cho phép theo quy tắc này, quy tắc sẽ tiếp tục được áp dụng ngay cả khi mối quan hệ của bạn với người đó chấm dứt trước khi chi phí hoặc tiền lãi được tính vào tổng thu nhập của người đó.

Những người có liên quan bao gồm các thành viên trong gia đình trực hệ, bao gồm anh chị em (cùng hoặc khác cha hoặc mẹ), vợ/chồng của bạn, bố mẹ, tổ tiên, và con cháu trực hệ của bạn. Để biết danh sách những người có liên quan khác, xem đoạn 267 của Bộ Luật Thuế vụ.

Phương pháp kết hợp

Thông thường, có thể sử dụng bất kỳ sự kết hợp nào giữa phương pháp đặc biệt, phương pháp tiền mặt và phương pháp tích lũy nếu sự kết hợp này trình bày rõ ràng thu nhập và chi phí của bạn cũng như bạn sử dụng nó một cách nhất quán. Tuy nhiên, các hạn chế sau sẽ được áp dụng.

- Nếu cần hàng tồn kho cho việc hạch toán thu nhập của bản thân, bạn thường phải sử dụng phương pháp tích lũy cho các giao dịch mua và bán. (Xem [Hàng tồn kho](#) ở phần sau.) Bạn có thể sử dụng phương pháp chi thu bằng tiền mặt cho tất cả các khoản thu nhập và chi phí khác.

- Nếu sử dụng phương pháp chi thu bằng tiền mặt để tính toán thu nhập, bạn phải sử dụng phương pháp này để khai báo chi phí của mình.
- Nếu sử dụng phương pháp tích lũy để khai báo chi phí, bạn phải sử dụng phương pháp này để tính toán thu nhập của mình.
- Nếu bạn sử dụng phương pháp kết hợp bao gồm phương pháp chi thu bằng tiền mặt, coi phương pháp kết hợp đó là phương pháp chi thu bằng tiền mặt.

Hàng tồn kho

Thông thường, nếu sản xuất, mua hoặc bán hàng hóa khi hoạt động kinh doanh, bạn phải lưu giữ hàng tồn kho và sử dụng phương pháp tích lũy cho việc mua và bán hàng hóa.

Ngoại lệ đối với người đóng thuế doanh nghiệp nhỏ. Nếu là người đóng thuế doanh nghiệp nhỏ, bạn có thể chọn không lưu giữ hàng tồn kho, nhưng vẫn phải sử dụng phương pháp kế toán phản ánh rõ ràng thu nhập dành cho hàng tồn kho. Nếu chọn không lưu giữ hàng tồn kho, bạn sẽ không bị xem là không phản ánh rõ ràng thu nhập nếu phương pháp hạch toán hàng tồn kho của bạn coi hàng tồn kho là nguyên liệu hay vật tư quan trọng hoặc tuân theo phương pháp hạch toán kế toán tài chính hàng tồn kho của mình. Tuy nhiên, nếu chọn lưu giữ hàng tồn kho, bạn thường phải sử dụng phương pháp tích lũy và định giá hàng tồn kho mỗi năm để xác định giá vốn hàng bán trong Phần III của Bảng C (Mẫu 1040).

Người đóng thuế doanh nghiệp nhỏ. Bạn hội đủ điều kiện để được xem là người đóng thuế doanh nghiệp nhỏ nếu (a) có tổng doanh thu trung bình hàng năm là \$31 triệu trở xuống trong 3 niên thuế trước (được điều chỉnh theo lạm phát) và (b) không phải là cách thức tránh thuế (như được định nghĩa trong mục 448(d)(3)). Nếu doanh nghiệp của bạn không hoạt động trong toàn bộ khoảng thời gian 3 niên thuế được sử dụng để tính tổng doanh thu trung bình, căn cứ mức trung bình tính trên khoảng thời gian nó đã hoạt động và nếu doanh nghiệp của bạn có một đơn vị tiền thân, tính vào tổng doanh thu của đơn vị này từ khoảng thời gian 3 niên thuế khi tính toán tổng doanh thu trung bình. Nếu doanh nghiệp của bạn (hoặc đơn vị tiền thân) có niên thuế ngắn trong bất kỳ năm nào của giai đoạn 3 niên thuế, tính tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp bạn cho những niên thuế ngắn thuộc khoảng thời gian 3 niên thuế đó. Xem Ấn phẩm 538 để biết thêm thông tin.

Coi hàng tồn kho là nguyên liệu hoặc vật tư quan trọng. Nếu hạch toán hàng tồn kho như những nguyên liệu và vật tư quan trọng, bạn khấu trừ số tiền đã thanh toán hoặc phát sinh để mua hoặc sản xuất các hạng mục hàng tồn kho được coi như những nguyên liệu và vật tư quan trọng này vào năm mà chúng được sử dụng hoặc tiêu thụ lần đầu trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình. Hàng tồn kho được coi là nguyên liệu và vật tư quan trọng được sử dụng hoặc tiêu thụ trong hoạt động kinh doanh của bạn vào năm mà bạn cung cấp hàng tồn kho đó cho khách hàng của mình.

Phương pháp hạch toán tài chính hàng tồn kho. Phương pháp hạch toán tài chính hàng tồn kho của bạn được xác định dựa trên phương pháp kế toán mà bạn sử dụng trong bản báo cáo tài chính thích hợp của mình (như được định

nghĩa trong đoạn 451(b)(3)) hoặc, nếu không có bản tường trình tài chính thích hợp, dựa trên phương pháp kế toán bạn sử dụng trong sổ sách và hồ sơ đã được chuẩn bị theo các thủ tục kế toán của mình.

Thay đổi phương pháp hạch toán hàng tồn kho của bạn. Nếu muốn thay đổi phương pháp hạch toán hàng tồn kho, nộp Mẫu 3115, Đơn xin thay đổi phương pháp kế toán. Xem [Thay đổi phương pháp kế toán](#), ở phần sau.

Các hạng mục bao gồm trong hàng tồn kho. Nếu bạn được yêu cầu hạch toán hàng tồn kho, tính vào các hạng mục sau đây khi hạch toán.

- Hàng trữ trong kho để bán.
- Nguyên liệu thô.
- Bán thành phẩm.
- Thành phẩm.
- Những vật tư trở thành một phần vật chất của hạng mục dự định bán.

Định giá hàng tồn kho. Bạn phải định giá hàng tồn kho của mình vào đầu và cuối mỗi niên thuế để xác định giá vốn hàng bán (Bảng C (Mẫu 1040), Dòng 42). Để xác định giá trị của hàng tồn kho, bạn cần có phương pháp xác định các mặt hàng trong kho của mình và phương pháp định giá các mặt hàng này.

Các quy tắc định giá hàng tồn kho không thể giống nhau đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp. Phương pháp bạn sử dụng để định giá hàng tồn kho của mình phải tuân theo các nguyên tắc hạch toán được chấp thuận chung cho các doanh nghiệp tương tự và phải phản ánh rõ ràng thu nhập. Các thực hành về hàng tồn kho của bạn phải nhất quán từ năm này sang năm khác.

Thêm thông tin. Để biết thêm thông tin về hàng tồn kho, xem Ấn phẩm 538.

Quy tắc vốn hóa thống nhất

Theo quy tắc vốn hóa thống nhất, bạn phải vốn hóa chi phí trực tiếp và một phần chi phí gián tiếp cho các hoạt động sản xuất hoặc bán lại. Gộp các chi phí này trên trị giá cơ bản của tài sản bạn sản xuất hoặc mua để bán lại, thay vì kê khai chúng như một khoản khấu trừ hiện hành. Bạn phục hồi các chi phí thông qua khấu hao tài sản cố định hữu hình, khấu hao tài sản cố định vô hình hoặc giá vốn hàng bán khi bạn sử dụng, bán hoặc xử lý tài sản theo cách khác.

Các hoạt động tuân theo các quy tắc vốn hóa thống nhất. Bạn có thể phải tuân theo các quy tắc vốn hóa thống nhất nếu thực hiện bất kỳ điều nào sau đây, trừ khi tài sản được sản xuất để bạn sử dụng ngoài mục đích kinh doanh hay một hoạt động được thực hiện vì lợi nhuận.

- Sản xuất bất động sản hoặc động sản cá nhân thực hữu. Vì mục đích này, động sản cá nhân thực hữu bao gồm phim, bản ghi âm, băng video, sách hoặc tài sản tương tự.
- Mua tài sản để bán lại.

Trường hợp ngoại lệ. Những quy tắc này không áp dụng cho những điều sau đây.

1. [Người đóng thuế doanh nghiệp nhỏ](#), được định nghĩa trước đó dưới mục [Hàng tồn kho](#).
2. Tài sản bạn sản xuất nếu chi phí gián tiếp để sản xuất tài sản đó từ \$200.000 trở xuống.

Phương pháp đặc biệt

Có những phương pháp kế toán đặc biệt cho một số khoản thu nhập hoặc chi phí. Chúng bao gồm những mục sau đây.

- Khấu hao tài sản cố định vô hình, được thảo luận trong chương 7 của Ấn phẩm 225.
- Nợ xấu, được thảo luận trong [Chủ đề số 453, Khấu trừ nợ xấu](#).
- Sự hao hụt, thảo luận trong chương 7 của Ấn phẩm 225.
- Khấu hao tài sản cố định hữu hình, thảo luận trong Ấn phẩm 946, Cách khấu hao tài sản.
- Bán hàng trả góp, được thảo luận trong Ấn phẩm 537, Bán trả góp.
- Phương pháp hạch toán hợp đồng dài hạn. Xem đoạn 460.

Thay đổi phương pháp kế toán

Khi bạn đã thiết lập phương pháp kế toán của mình, bạn thường phải được IRS chấp thuận trước khi có thể thay đổi sang phương pháp khác. Thay đổi phương pháp kế toán của bạn bao gồm thay đổi về:

1. Phương pháp tổng thể của bạn, chẳng hạn như từ phương pháp chi thu bằng tiền mặt sang kế toán tích lũy; và
2. Cách xử lý của bạn đối với bất kỳ hạng mục quan trọng nào.

Để yêu cầu được chấp thuận, bạn phải nộp Mẫu 3115. Bạn có thể nhận được sự chấp thuận của IRS để thay đổi phương pháp kế toán theo quy trình thay đổi tự động hoặc quy trình yêu cầu chấp thuận trước. Bạn có thể phải trả phí người dùng. Để biết thêm thông tin, xem Hướng dẫn cho Mẫu 3115.

Quy trình thay đổi tự động. Một số người đóng thuế nhất định có thể được IRS chấp thuận việc thay đổi phương pháp kế toán của họ. Việc chấp thuận được cấp cho niên thuế mà người đóng thuế yêu cầu thay đổi (năm thay đổi), nếu người đóng thuế tuân thủ đúng quy trình thay đổi tự động. Không yêu cầu phí người dùng đối với đơn đăng ký nộp theo quy trình thay đổi tự động, được đề cập chung trong Quy trình Thuế vụ 2015-23 có sẵn tại [IRS.gov/irb/2025-24_IRB#REV-PROC-2025-23 \(tiếng Anh\)](#) (hoặc quy trình thay thế).

Thông thường, bạn phải sử dụng Mẫu 3115 để yêu cầu thay đổi tự động. Để biết thêm thông tin, xem Hướng dẫn cho Mẫu 3115.

Xử lý tài sản kinh doanh

Giới thiệu

Nếu bạn xử lý tài sản kinh doanh, bạn có thể có lợi nhuận hoặc lỗ và bạn khai báo chúng trên tờ khai thuế của mình. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, bạn có thể có một khoản lợi nhuận không phải chịu thuế hoặc một lỗ không được khấu trừ. Chương này thảo luận về việc liệu bạn có thanh lý tài sản hay không, làm thế nào để tính toán lợi nhuận hoặc lỗ, và nơi khai báo những khoản này.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Ấn phẩm

- 544 Bán và cách xử lý khác của tài sản

Mẫu (và Hướng dẫn)

- 4797 Bán tài sản kinh doanh
- Bảng D (Mẫu 1040) Lãi vốn và Lỗ vốn

Xem [chương 12](#) để nắm được thông tin về việc nhận các ấn phẩm và mẫu đơn.

Xử lý tài sản là gì?

Việc xử lý tài sản bao gồm các giao dịch sau đây.

- Bạn bán tài sản để lấy tiền mặt hoặc tài sản khác.
- Bạn đổi tài sản này lấy tài sản khác.
- Bạn nhận lại tiền với tư cách là người thuê nhà cho việc hủy bỏ hợp đồng thuê mướn.
- Bạn nhận tiền cho việc cấp quyền sử dụng độc quyền bản quyền trong suốt thời gian tồn tại của tài sản trong một hoàn cảnh cụ thể.
- Bạn chuyển nhượng tài sản để trả một khoản nợ.
- Bạn từ bỏ tài sản.
- Ngân hàng hoặc tổ chức tài chính khác tịch thu tài sản thế chấp hoặc thu hồi tài sản của bạn.
- Tài sản của bạn bị hư hỏng, bị phá hủy hoặc bị đánh cắp, và bạn nhận được thanh toán bằng tài sản hoặc tiền.
- Tài sản của bạn bị cưỡng chế, hoặc bị xử lý do nguy cơ bị cưỡng chế, và bạn nhận được thanh toán bằng tài sản hoặc tiền.
- Bạn cho đi tài sản.

Để biết thông tin chi tiết về tài sản bị hư hỏng, bị phá hủy hoặc bị đánh cắp, xem Ấn phẩm 547, Thiệt hại, Thiên tai, và Trộm

cắp. Để biết chi tiết về các cách thanh lý khác, xem chương 1 của Ấn phẩm 544.

Trao đổi không chịu thuế. Một số trao đổi tài sản không phải chịu thuế. Điều này có nghĩa là bất kỳ khoản lợi nhuận nào từ sự trao đổi đều không được công nhận và bạn không thể khấu trừ bất kỳ khoản lỗ nào. Khoản lợi nhuận hay lỗ của bạn sẽ không được ghi nhận cho đến khi bạn bán hoặc xử lý tài sản nhận được.

Trao đổi cùng loại. Trao đổi cùng loại là trao đổi tài sản này lấy tài sản cùng loại khác. Đây là loại trao đổi không chịu thuế phổ biến nhất. Đoạn 1031 về trao đổi tài sản cùng loại chỉ áp dụng cho việc trao đổi bất động sản được sử dụng trong hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư, ngoại trừ bất động sản được nắm giữ chủ yếu để bán.

Khai báo việc trao đổi tài sản cùng loại trên Mẫu 8824, Trao đổi cùng loại. Để biết thêm thông tin về trao đổi cùng loại, xem chương 1 của Ấn phẩm 544.

Bán trả góp. Bán trả góp là việc bán tài sản khi mà bạn nhận được ít nhất một khoản thanh toán sau niên thuế bán tài sản đó. Nếu bạn tài trợ cho người mua khi mua tài sản của bạn, thay vì để người mua vay tiền hoặc vay thế chấp từ bên thứ ba, có khả năng bạn đang thực hiện bán trả góp.

Để biết thêm thông tin về bán trả góp, xem Ấn phẩm 537.

Bán một doanh nghiệp. Việc bán một doanh nghiệp thường không phải là bán một tài sản. Thay vào đó, tất cả tài sản của doanh nghiệp đều được bán. Thông thường, khi điều này xảy ra, mỗi tài sản được coi là được bán riêng rẽ nhằm xác định mức lợi nhuận hoặc lỗ.

Cả người mua và người bán tham gia vào việc bán một doanh nghiệp phải khai báo với IRS về việc phân bổ giá bán giữa các tài sản của doanh nghiệp. Sử dụng Mẫu 8594, Báo mua tài sản theo Đoạn 1060, để tung cấp thông tin này. Người mua và người bán phải đính kèm Mẫu 8594 theo tờ khai thuế thu nhập liên bang của họ cho năm mà việc bán diễn ra.

Để biết thêm thông tin về việc bán một doanh nghiệp, xem Ấn phẩm 544.

Làm thế nào để tính lãi hoặc lỗ?

Bảng 3-1. Cách thức tính lãi hoặc lỗ

NẾU bạn có...	THÌ bạn có...
giá gốc được điều chỉnh nhiều hơn số tiền thực nhận	lỗ.
số tiền thực nhận nhiều hơn giá gốc được điều chỉnh	lãi.

Giá gốc, giá gốc được điều chỉnh, số tiền thực nhận, giá cả phải chăng trên thị trường và số tiền ghi nhận được định nghĩa sau đây. Bạn cần biết những định nghĩa này để tính toán lợi nhuận hoặc lỗ của mình.

Giá gốc. Giá vốn hoặc giá mua của tài sản thường là giá gốc để xác định lợi nhuận hay lỗ từ việc bán hoặc xử lý khác đối với tài sản đó. Tuy nhiên, nếu có được tài sản từ quà tặng, thừa kế, hoặc theo một cách nào đó khác ngoài việc mua nó,

bạn phải sử dụng giá gốc khác giá vốn của nó. Để biết thêm thông tin về giá gốc, xem Ấn phẩm 551, Giá gốc của tài sản.

Giá gốc được điều chỉnh. Giá gốc được điều chỉnh của tài sản nói chung là giá vốn của bạn hoặc giá gốc khác cộng với một số khoản bổ sung và trừ đi một số khoản khấu trừ như khấu hao và mất mát do thiệt hại. Khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ, những chi phí chuyển nhượng tài sản cho chủ sở hữu mới, chẳng hạn như chi phí bán hàng, được cộng vào giá gốc được điều chỉnh của tài sản.

Số tiền thực nhận. Nói chung, số tiền thực nhận từ việc xử lý là tổng số tiền bạn nhận được cộng với giá cả phải chăng trên thị trường của tất cả tài sản hoặc dịch vụ bạn nhận được. Số tiền thực nhận cũng bao gồm bất kỳ khoản nợ nào của bạn được người mua tiếp nhận và bất kỳ khoản nợ phải trả nào mà tài sản bạn chuyển nhượng phải chịu, chẳng hạn như thuế bất động sản hoặc khoản nợ thế chấp.

Giá cả phải chăng trên thị trường. Giá cả phải chăng trên thị trường là giá mà dựa trên đó tài sản sẽ được trao đổi giữa người mua và người bán, là những người không bắt buộc phải mua hoặc bán, và cả hai người đều có kiến thức về tất cả những thứ cần thực hiện.

Số tiền ghi nhận. Lợi nhuận hoặc lỗ của bạn thực nhận từ việc xử lý tài sản thường là khoản tiền lợi nhuận hoặc lỗ được xác định cho mục đích thuế vụ. Khoản tiền lợi nhuận được ghi nhận phải được tính vào tổng thu nhập. Các khoản lỗ được ghi nhận có thể được khấu trừ vào tổng thu nhập nhưng có thể bị giới hạn. Xem Ấn phẩm 925. Tuy nhiên, lợi nhuận hoặc lỗ thu được từ một số hoạt động trao đổi tài sản không được ghi nhận. Xem

[Trao đổi không chịu thuế](#) ở phần trước. Ngoài ra, bạn không thể khấu trừ một khoản lỗ từ việc xử lý tài sản được nắm giữ cho mục đích sử dụng của cá nhân.

Khoản lãi hoặc lỗ của tôi là thông thường hay vốn?

Bạn phải phân loại khoản lãi và lỗ của mình là lãi hay lỗ thông thường hoặc lãi hay lỗ vốn. Bạn phải thực hiện việc này để tính toán lãi vốn hoặc lỗ vốn ròng của mình. Thông thường, bạn sẽ có lãi vốn hoặc lỗ vốn nếu bạn thanh lý tài sản vốn. Trong phần lớn trường hợp, mọi thứ bạn sở hữu và sử dụng cho mục đích cá nhân hoặc đầu tư đều là tài sản vốn.

Một số tài sản bạn sử dụng trong hoạt động kinh doanh của mình không phải là tài sản vốn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý tài sản này là một khoản lãi hoặc lỗ thông thường. Tuy nhiên, nếu nắm giữ tài sản đó lâu hơn 1 năm, bạn có thể coi khoản lãi hoặc lỗ đó là lãi vốn hoặc lỗ vốn. Các khoản lãi và lỗ này được gọi là lãi và lỗ ở đoạn 1231.

Để biết thêm thông tin về lãi và lỗ thông thường và vốn, xem chương 2 và 3 của Ấn phẩm 544.

Lãi vốn hoặc lỗ vốn của tôi thuộc loại ngắn hạn hay dài hạn?

Nếu có một khoản lãi vốn hoặc lỗ vốn, bạn phải xác định xem nó là dài hạn hay ngắn hạn. Việc khoản lãi hay lỗ là dài hạn

hay ngắn hạn tùy thuộc vào thời gian bạn sở hữu tài sản đó trước khi thanh lý nó. Thời gian bạn sở hữu tài sản trước khi thanh lý được gọi là thời kỳ nắm giữ chủ quyền.

Bảng 3-2. Tôi có khoản lãi hay lỗ thuộc loại ngắn hạn hay dài hạn?

NẾU bạn nắm giữ tài sản đó...	THÌ bạn có...
từ 1 năm trở xuống	một khoản lãi hoặc lỗ vốn ngắn hạn.
hơn 1 năm	một khoản lãi hoặc lỗ vốn dài hạn.

Để biết thêm thông tin về lãi và lỗ vốn ngắn hạn và dài hạn, xem chương 4 của Ấn phẩm 544.

Tôi phải khai báo lãi và lỗ ở đâu?

Khai báo lãi và lỗ từ các hoạt động xử lý dưới đây trên các mẫu đơn đã chỉ định. Hướng dẫn cho các mẫu đơn giải thích cách điền chúng.

Xử lý tài sản kinh doanh và tài sản được khấu hao. Sử dụng Mẫu 4797. Nếu có lãi chịu thuế, bạn cũng có thể phải sử dụng Bảng D (Mẫu 1040).

Trao đổi cùng loại. Sử dụng Mẫu 8824. Bạn cũng có thể phải sử dụng Mẫu 4797 và Bảng D (Mẫu 1040).

Bán trả góp. Sử dụng Mẫu 6252, Thu Nhập Từ Bán Trả Góp. Bạn cũng có thể phải sử dụng Mẫu 4797 và Bảng D (Mẫu 1040).

Thiệt hại và trộm cắp. Sử dụng Mẫu 4684, Thiệt Hại và Trộm Cắp. Bạn cũng có thể phải sử dụng Mẫu 4797.

Tài sản bị cưỡng chế. Sử dụng Mẫu 4797. Bạn cũng có thể phải sử dụng Bảng D (Mẫu 1040).

4.

Tín thuế kinh doanh tổng quát

Giới thiệu

Tín thuế kinh doanh tổng quát của bạn trong năm bao gồm việc chuyển tiếp các tín thuế kinh doanh từ những năm trước cộng với tổng tín thuế kinh doanh trong năm hiện tại. Ngoài ra, tín thuế kinh doanh tổng quát của bạn cho năm hiện tại sau này có thể được tăng lên do việc chuyển lùi các khoản tín thuế kinh doanh từ những năm sau đó. Bạn trừ khoản tín thuế này trực tiếp vào thuế của mình.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Mẫu (và Hướng dẫn)

- ❑ 3800 Tín thuế kinh doanh tổng quát
- ❑ 6251 Thuế tối thiểu thay thế — Cá nhân

Xem [chương 12](#) để nắm được thông tin về việc nhận các ấn phẩm và mẫu đơn.

Tín thuế kinh doanh

Tất cả các khoản tín thuế dưới đây là một phần của tín thuế kinh doanh tổng quát. Mẫu đơn bạn sử dụng để tính từng khoản tín thuế được biểu thị trong dấu ngoặc đơn. Bạn cũng sẽ phải hoàn thành Mẫu 3800.

Một số khoản tín thuế có ngày hết hạn. Kiểm tra hướng dẫn cho từng tín thuế để đảm bảo rằng có các tín thuế đó cho năm 2025.

Tín thuế cho tài sản nạp nhiên liệu thay thế cho xe(Mẫu 8911). Khoản tín thuế này áp dụng cho chi phí của bất kỳ tài sản dùng nhiên liệu xe đủ điều kiện nào. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8911.

Tín thuế đã hết hiệu lực. Các khoản tín thuế cho nhiên liệu diezen sinh học, nhiên liệu diezen tái tạo và nhiên liệu sinh học dành cho nhà sản xuất đã hết hiệu lực đối với nhiên liệu được bán hoặc sử dụng sau ngày 31 tháng 12, 2024. Khoản tín thuế cho hỗn hợp nhiên liệu hàng không bền vững sẽ không còn áp dụng cho bất kỳ giao dịch bán hoặc sử dụng nào sau ngày 30 tháng 9, 2025. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8864.

Tín thuế cô lập khí carbon oxit (Mẫu 8933). Tín thuế này dành cho lượng khí carbon oxit được cô lập tại cơ sở đủ điều kiện và được xử lý trong kho lưu trữ địa chất an toàn hoặc được sử dụng trong dự án tăng cường thu hồi dầu hoặc khí tự nhiên đủ điều kiện. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8933.

Tín thuế thuế an sinh xã hội và Medicare của chủ lao động đã trả cho một số khoản tiền boa của nhân viên (Mẫu 8846). Khoản tín thuế này thường tương đương với phần thuế an sinh xã hội và thuế Medicare được bạn (của chủ lao động) thanh toán cho các khoản tiền boa mà nhân viên nhận được tại các cơ sở kinh doanh thực phẩm và đồ uống của bạn nơi mà tiền boa là một thông lệ. Khoản tín thuế được áp dụng bất kể thực phẩm đó được tiêu thụ trong hay ngoài cơ sở kinh doanh của bạn. Khoản tín thuế này cũng áp dụng cho tiền boa từ khách hàng liên quan đến dịch vụ cắt tóc hoặc chăm sóc tóc, chăm sóc móng, thẩm mỹ và các liệu pháp spa toàn thân. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8846.

Tín thuế cho khoản thanh toán lương bổng chênh lệch của chủ lao động(Mẫu 8932). Khoản tín thuế này khuyến khích các doanh nghiệp tiếp tục trả lương cho nhân viên đang thực hiện các dịch vụ tại ngũ tại các lực lượng đồng phục Hoa Kỳ trong khoảng thời gian hơn 30 ngày. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8932.

Tín thuế cho cơ sở và dịch vụ chăm sóc trẻ em do chủ lao động cung cấp (Mẫu 8882). Khoản tín thuế này được áp

dụng cho các chi phí đủ điều kiện bạn trả cho hoạt động chăm sóc trẻ em dành cho nhân viên cũng như cho các dịch vụ hỗ trợ và giới thiệu chăm sóc trẻ em. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8882.

Tín thuế cho việc tăng cường hoạt động nghiên cứu(Mẫu 6765). Khoản tín thuế này được thiết kế để khuyến khích các doanh nghiệp tăng số tiền chi cho các hoạt động nghiên cứu và thử nghiệm đủ điều kiện, bao gồm cả nghiên cứu năng lượng. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 6765 và hướng dẫn.

Tín thuế cho bảo phí y tế do chủ lao động nhỏ trả (Mẫu 8941). Khoản tín thuế này được áp dụng cho một số chi phí bảo hiểm y tế mà bạn cung cấp cho một số nhân viên. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8941.

Tín thuế cho chi phí khởi động chương trình hưu trí của chủ lao động nhỏ, đăng ký tự động, tham gia bởi vợ/chồng của quân nhân(Mẫu 8881). Khoản tín thuế này được áp dụng cho chi phí khởi động chương trình hưu trí của một quyền lợi mới được xác định đủ điều kiện hoặc kế hoạch đóng góp được xác định (bao gồm chương trình 401(k)), chương trình Kế hoạch Khuyến khích tiết kiệm tương ứng cho Nhân viên (SIMPLE) hoặc chương trình hưu trí nhân viên đơn giản (SEP). Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 560, Chương trình hưu trí dành cho doanh nghiệp nhỏ

Tín thuế cho việc cung cấp tiện ích cho người khuyết tật (Mẫu 8826). Khoản tín thuế này là tín thuế không hoàn lại dành cho doanh nghiệp nhỏ đủ điều kiện mà trả hoặc chịu các chi phí để cung cấp các tiện ích cho người khuyết tật. Bạn phải trả hoặc chịu các chi phí để hoạt động kinh doanh của mình tuân thủ Đạo luật người Mỹ khuyết tật năm 1990. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8826.

Tín thuế rượu chưng cất (Mẫu 8906). Tín thuế này dành cho những người chưng cất và nhập khẩu rượu chưng cất cũng như những người bán buôn rượu chưng cất đủ điều kiện. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8906.

Tín thuế dành cho chủ lao động cho việc nghỉ phép gia đình hoặc y tế có lương(Mẫu 8994). Khoản tín thuế này được áp dụng cho lương bổng trả cho nhân viên đủ điều kiện khi họ nghỉ phép gia đình hoặc y tế, phụ thuộc vào một số điều kiện nhất định. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8994.

Tín thuế tuyển dụng tại khu vực kinh tế khó khăn (Mẫu 8844). Bạn có thể hội đủ điều kiện cho khoản tín thuế này nếu có nhân viên và đang tham gia vào một hoạt động kinh doanh trong khu vực kinh tế khó khăn nơi khoản tín thuế có sẵn. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8844.

Tín thuế nhà ở tiết kiệm năng lượng (Mẫu 8908). Tín thuế tiết kiệm năng lượng mới này có sẵn cho các nhà thầu đủ điều kiện xây nhà tiết kiệm năng lượng mới được bán để sử dụng làm nơi cư trú. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8908.

Tín thuế đầu tư (Mẫu 3468). Tín thuế đầu tư là tổng của một số tín thuế. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 3468.

Tín thuế sản xuất nhiên liệu diezen có hàm lượng lưu huỳnh thấp (Mẫu 8896). Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8896.

Tín thuế nhà ở thu nhập thấp (Mẫu 8586). Khoản tín thuế này thường được áp dụng cho mỗi tòa nhà thu nhập thấp. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8586.

Tín thuế thị trường mới (Mẫu 8874). Khoản tín thuế này dành cho các khoản đầu tư vốn cổ phần đủ điều kiện được đầu tư vào các tổ chức phát triển cộng đồng đủ điều kiện. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8874.

Tín thuế thuốc đặc trị bệnh hiểm (Mẫu 8820). Khoản tín thuế này được áp dụng cho các chi phí xét nghiệm lâm sàng đủ điều kiện phát sinh hoặc đã trả cho các bệnh lý hoặc tình trạng hiếm gặp. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8820.

Tín thuế xe sạch(Mẫu 8936). Những khoản tín thuế này dành cho một số loại xe sạch được đưa vào sử dụng trong niên thuế nhưng phải được mua trước ngày 1 tháng 10, 2025. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8936 và hướng dẫn.

Tín thuế bảo trì đường sắt đủ điều kiện(Mẫu 8900). Khoản tín thuế này được áp dụng đối với các khoản chi phí bảo trì đường sắt đủ điều kiện được trả hoặc phát sinh trong niên thuế. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8900.

Tín thuế sản xuất điện tái tạo(Mẫu 8835). Khoản tín thuế này dành cho điện được sản xuất tại Hoa Kỳ hoặc các lãnh thổ của Hoa Kỳ từ các nguồn năng lượng đủ điều kiện tại một cơ sở đủ điều kiện. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8835.

Tín thuế cơ hội việc làm (Mẫu 5884). Khoản tín thuế này khuyến khích các doanh nghiệp thuê các cá nhân từ các nhóm mục tiêu có tỷ lệ thất nghiệp đặc biệt cao hoặc các nhu cầu việc làm đặc biệt khác. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 5884.

Làm thế nào để yêu cầu tín thuế này

Để yêu cầu một khoản tín thuế kinh doanh tổng quát, trước tiên bạn sẽ phải nhận các biểu mẫu cần cho việc yêu cầu các khoản tín thuế kinh doanh của năm hiện tại.

Ngoài mẫu đơn tín thuế, bạn cũng cần phải nộp Mẫu 3800.

5.

Thu nhập kinh doanh

Giới thiệu

Chương này chủ yếu giải thích thu nhập kinh doanh, cách hạch toán thu nhập đó trên tờ khai thuế của bạn, cũng như những khoản nào không được coi là thu nhập và cung cấp hướng dẫn cho một số ngành nghề được chọn.

Nếu có mối liên hệ giữa bất kỳ thu nhập nào bạn nhận được và hoạt động kinh doanh, thì thu nhập đó là thu nhập kinh doanh. Một mối liên hệ tồn tại trong trường hợp việc thanh

toán cho khoản thu nhập rõ ràng sẽ không được thực hiện nếu bạn không có hoạt động kinh doanh.

Bạn có thể có thu nhập kinh doanh ngay cả khi không thường xuyên tham gia vào hoạt động đó toàn thời gian. Thu nhập từ công việc bạn làm ngoài, bên cạnh công việc thường xuyên của bản thân, có thể là thu nhập kinh doanh. Ví dụ như bạn có thể kinh doanh việc cung cấp dịch vụ cho một doanh nghiệp đi chung xe như một công việc thứ hai.

Bạn khai báo hầu hết thu nhập kinh doanh, chẳng hạn như thu nhập từ việc bán sản phẩm hoặc dịch vụ của mình, trong Bảng C (Mẫu 1040). Tuy nhiên bạn khai báo thu nhập từ việc bán tài sản kinh doanh, chẳng hạn như đất đai và các tòa nhà văn phòng, trong các mẫu đơn khác thay vì Bảng C (Mẫu 1040). Để biết thông tin về việc bán tài sản kinh doanh, xem [chương 3](#).

Tiền thù lao cho người không phải nhân viên. Thu nhập kinh doanh bao gồm số tiền bạn nhận được trong hoạt động kinh doanh của mình mà được hiển thị chính xác trên Mẫu 1099-NEC. Thu nhập này bao gồm số tiền được khai báo là tiền thù lao cho người không phải nhân viên trong ô 1 của mẫu đơn. Bạn có thể tìm thêm thông tin trong hướng dẫn ở mặt sau của Mẫu 1099-NEC đã nhận được.

Tên, hình ảnh, chân dung (NIL). Cơ hội NIL có thể được phân loại là thu nhập tự kinh doanh. Nếu thu nhập NIL của bạn lớn hơn \$600 từ bất kỳ nguồn nào, bao gồm cả thu nhập không dùng tiền mặt, bạn sẽ nhận Mẫu 1099-NEC hoặc Mẫu 1099-MISC từ nguồn đó cho biết số tiền thu nhập bạn phải khai báo trên tờ khai thuế của mình.

Thẻ thanh toán và các giao dịch qua mạng của bên thứ ba. Nếu đang hoạt động kinh doanh, bạn có thể nhận được Mẫu 1099-K thể hiện tổng số tiền (bao gồm thuế, phí) của mọi giao dịch thanh toán có thể khai báo. Đây có thể không phải là số tiền bạn nên khai báo dưới dạng thu nhập, vì nó có thể không bao gồm tất cả các biên lai và có thể bao gồm các khoản không có trong biên lai của bạn (chẳng hạn như thuế tiêu thụ).

Khấu trừ thu nhập kinh doanh. Thu nhập bạn khai báo trên Bảng C (Mẫu 1040) có thể là thu nhập kinh doanh đủ điều kiện và cho phép bạn khấu trừ trên dòng 13a của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Xem Mẫu 8995-A hoặc Mẫu 8995 để tính khoản khấu trừ của bạn, nếu có.

Các hình thức thu nhập

Bạn phải khai báo trên tờ khai thuế của mình tất cả thu nhập nhận được từ hoạt động kinh doanh của bản thân, bao gồm thu nhập không được báo cáo cho bạn trên Mẫu 1099 do người trả tiền nộp trừ khi nó được luật pháp loại trừ. Trong hầu hết các trường hợp, thu nhập kinh doanh của bạn sẽ ở dạng tiền mặt, séc và các khoản thanh toán qua thẻ tín dụng. Nhưng thu nhập kinh doanh có thể ở các dạng khác, chẳng hạn như tài sản hoặc dịch vụ. Những loại hình thu nhập này và những loại hình khác được giải thích dưới đây.



Nếu là công dân Hoa Kỳ có thu nhập kinh doanh từ các nguồn bên ngoài Hoa Kỳ (thu nhập từ nước ngoài), bạn phải khai báo thu nhập đó trên tờ khai thuế của mình trừ khi được miễn thuế theo luật Hoa Kỳ. Nếu

sống bên ngoài Hoa Kỳ, bạn có thể loại trừ một phần hoặc toàn bộ thu nhập kinh doanh có nguồn từ nước ngoài của mình. Để biết thêm chi tiết, xem Ấn phẩm 54, Hướng dẫn thuế cho Công dân Hoa Kỳ và Người nước ngoài thường trú sống ở nước ngoài.

Trao đổi hàng hóa đối với tài sản hoặc dịch vụ

Trao đổi hàng hóa là sự trao đổi tài sản hoặc dịch vụ. Bạn phải tính vào tổng doanh thu của mình, tại thời điểm nhận được, giá cả phải chăng trên thị trường của tài sản hoặc dịch vụ bạn nhận được để đối lấy thứ khác. Nếu bạn trao đổi dịch vụ với một người khác và cả hai đã đồng ý trước đó về giá trị của dịch vụ, giá trị đó sẽ được chấp nhận là giá cả phải chăng trên thị trường trừ khi giá trị đó có thể được chứng minh là không hợp lý.

Ví dụ 1. Bạn là một luật sư tự kinh doanh. Bạn thực hiện các dịch vụ pháp lý cho một khách hàng là một công ty cổ phần nhỏ. Bạn được thanh toán cho các dịch vụ của mình bằng cách nhận được cổ phần chứng khoán của công ty. Bạn phải gộp giá cả phải chăng trên thị trường của cổ phiếu vào thu nhập.

Ví dụ 2. Bạn là một nghệ sĩ và tạo ra một tác phẩm nghệ thuật để bù lại cho việc sử dụng miễn phí căn hộ mà bạn thuê của chủ nhà. Bạn phải tính giá cả cho thuê phải chăng của căn hộ vào tổng doanh thu của mình. Chủ nhà của bạn phải gộp giá cả phải chăng trên thị trường của tác phẩm đó trong thu nhập cho thuê của họ.

Ví dụ 3. Bạn là một kế toán viên tự kinh doanh. Cả bạn và thợ sơn nhà đều là thành viên của hội trao đổi hàng hóa, một tổ chức mà mỗi năm cung cấp cho hội viên của mình danh bạ hội viên và các dịch vụ mà mỗi hội viên cung cấp. Các hội viên liên lạc trực tiếp với các hội viên khác và thực hiện việc mặc cả giá trị của các dịch vụ.

Để đổi lại dịch vụ kế toán bạn đã cung cấp cho doanh nghiệp của thợ sơn nhà, thợ sơn nhà đã sơn nhà cho bạn. Bạn phải tính giá cả phải chăng trên thị trường của các dịch vụ nhận được từ thợ sơn nhà vào tổng doanh thu. Doanh nghiệp của thợ sơn nhà phải tính giá cả phải chăng trên thị trường của các dịch vụ kế toán của bạn vào tổng doanh thu.

Ví dụ 4. Bạn là thành viên của hội trao đổi hàng hóa sử dụng các điểm tín dụng để ghi có hoặc ghi nợ vào tài khoản của các hội viên đối với hàng hóa hoặc dịch vụ được cung cấp hoặc nhận. Ngay khi các điểm tín dụng được ghi có vào tài khoản của mình, bạn có thể sử dụng chúng để mua hàng hóa, dịch vụ hoặc bán hoặc chuyển điểm tín dụng đó cho các hội viên khác.

Bạn phải tính giá trị của các điểm tín dụng đã nhận được vào doanh thu gộp của mình cho niên thuế mà các điểm tín dụng đó được ghi có vào tài khoản của bạn.

Giá trị tính bằng USD của các điểm tín dụng nhận được cho các dịch vụ của nhân viên trong hội, người có thể sử dụng các điểm tín dụng đó theo cách giống như các hội viên khác, phải được tính vào tổng thu nhập của nhân viên đó cho niên thuế mà họ nhận được. Đó là lương bổng phải chịu thuế an sinh xã

hội và thuế Medicare (FICA), thuế FUTA, cùng với khấu trừ thuế thu nhập. Xem Ấn phẩm 15.

Ví dụ 5. Bạn điều hành một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sửa chữa cấp thoát nước và sử dụng phương pháp kế toán chi thu bằng tiền mặt. Bạn tham gia hội trao đổi hàng hóa và đồng ý cung cấp dịch vụ sửa chữa cấp thoát nước cho bất kỳ hội viên nào trong một số khung giờ nhất định. Mỗi hội viên có quyền truy cập vào một danh mục liệt kê các hội viên và những dịch vụ có sẵn.

Các thành viên liên lạc trực tiếp với nhau và yêu cầu các dịch vụ. Bạn không bắt buộc phải cung cấp dịch vụ trừ khi được thành viên khác yêu cầu, nhưng có thể sử dụng không giới hạn số lượng dịch vụ được cung cấp mà không phải trả phí.

Bạn phải tính giá cả phải chăng trên thị trường của bất kỳ dịch vụ nào nhận được từ các hội viên vào doanh thu gộp khi nhận được chúng ngay cả khi chưa cung cấp bất kỳ dịch vụ nào cho các hội viên.

Tờ khai thông tin. Nếu tham gia vào một giao dịch trao đổi hàng hóa, bạn có thể phải nộp một trong các mẫu đơn sau.

- Mẫu 1099-B, Tiền thu từ Giao dịch môi giới và Giao dịch trao đổi.
- Mẫu 1099-MISC.

Để nắm được thông tin về các mẫu đơn này, xem Hướng dẫn tổng quát cho một số Tờ khai thông tin.

Cho thuê bất động sản

Nếu bạn là người buôn bán bất động sản nhận được thu nhập từ việc cho thuê bất động sản hoặc là chủ khách sạn, nhà nghỉ, v.v., người cung cấp dịch vụ (dịch vụ giúp việc, v.v.) cho khách hàng, khai báo thu nhập và chi phí cho thuê trong Bảng C (Mẫu 1040). Nếu bạn không phải là người buôn bán bất động sản hoặc kiểu chủ sở hữu được mô tả trong câu trên, khai báo thu nhập và chi phí cho thuê trong Bảng E (Mẫu 1040). Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 527, Tài sản nhà ở cho thuê.

Người buôn bán bất động sản. Bạn là người buôn bán bất động sản nếu đang tham gia vào hoạt động kinh doanh bán bất động sản cho khách hàng với mục đích kiếm lợi nhuận từ những giao dịch mua bán đó. Tiền thuê bạn nhận được từ bất động sản được giữ lại để bán cho khách hàng phải chịu thuế tự kinh doanh. Tuy nhiên, tiền thuê bạn nhận được từ bất động sản được giữ lại để đầu cơ hoặc đầu tư không phải chịu thuế tự kinh doanh.

Chủ bãi đậu xe cho nhà di động. Thu nhập cho thuê từ bãi đậu xe cho nhà di động phải chịu thuế tự kinh doanh nếu bạn là chủ bãi xe cho nhà di động tự kinh doanh, người cung cấp các mảnh đất và phương tiện cũng như dịch vụ quan trọng để tạo sự thuận tiện cho người thuê.

Bạn nói chung sẽ được coi là cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho người thuê nếu các dịch vụ này chủ yếu hướng đến sự thuận tiện cho họ đồng thời thường không được cung cấp với mục đích duy trì các lô đất trong trạng thái để cho thuê để ở. Các dịch vụ là thiết yếu nếu khoản thù lao cho các dịch vụ này chiếm một phần quan trọng trong các khoản thanh toán tiền thuê từ phía người thuê.

Ví dụ về các dịch vụ thường không được cung cấp để tạo sự thuận tiện cho người thuê bao gồm giám sát và bảo trì phòng giải trí được bãi để xe cung cấp, phân phát bản tin hàng tháng cho người thuê, vận hành cơ sở giặt là và giúp người thuê mua hoặc bán nhà di động của họ.

Ví dụ về các dịch vụ thường được cung cấp để duy trì các lô đất trong trạng thái để cho thuê bao gồm hệ thống thoát nước, kết nối lưới điện và đường xá của thành phố.

Khách sạn, nhà trọ và căn hộ. Thu nhập cho thuê bạn nhận được từ việc cho sử dụng hoặc cho thuê khách sạn, nhà trọ hoặc nhà chung cư phải chịu thuế tự kinh doanh nếu bạn cung cấp dịch vụ cho người ở.

Thông thường, bạn được coi là cung cấp dịch vụ cho người ở nếu những dịch vụ này chủ yếu hướng đến sự thuận tiện cho họ và không chỉ đơn thuần là cung cấp dịch vụ cho thuê phòng để ở. Một ví dụ về dịch vụ thường không được cung cấp nhằm tạo sự thuận tiện cho người ở là dịch vụ người giúp việc. Tuy nhiên, việc cung cấp sưởi ấm và ánh sáng, vệ sinh cầu thang và hành lang, cũng như thu gom rác là những dịch vụ thường được cung cấp nhằm tạo sự thuận tiện cho người ở.

Tiền thuê trả trước. Các khoản trả trước nhận được theo hợp đồng thuê mà không bị hạn chế việc hưởng hay sử dụng chúng là thu nhập trong năm bạn nhận được chúng. Điều này nói chung là luôn đúng cho dù bạn sử dụng phương pháp hay chu kỳ kế toán nào.

Tiền thuê trả thêm. Một khoản tiền trả thêm bạn nhận được từ người thuê khi họ thuê nhà là một khoản bổ sung vào tiền thuê. Gộp số tiền này vào doanh thu gộp của bạn trong năm nhận được.

Khoản thanh toán vì hủy hợp đồng thuê. Khai báo các khoản thanh toán bạn nhận được từ người thuê khi họ hủy hợp đồng thuê vào doanh thu gộp trong năm nhận được.

Khoản thanh toán cho bên thứ ba. Nếu người thuê của bạn thanh toán cho người khác theo một hợp đồng để trả các khoản nợ hoặc nghĩa vụ của bạn, tính khoản thanh toán này vào doanh thu gộp của bạn khi người thuê thực hiện việc thanh toán. Một ví dụ phổ biến của hình thức thu nhập này là việc người thuê thanh toán thuế tài sản của bạn đối với bất động sản cho thuê.

Khoản thanh toán dần xếp. Các khoản thanh toán mà bạn nhận được để giải quyết nghĩa vụ của bên thuê trong việc khôi phục tài sản cho thuê về tình trạng ban đầu là thu nhập tính cho số tiền mà các khoản thanh toán vượt quá trị giá cơ bản điều chỉnh của việc tu sửa tài sản cho thuê bị bên thuê phá hủy, làm hư hỏng, loại bỏ hoặc chia tách.

Cho thuê tài sản cá nhân

Nếu bạn đang kinh doanh cho thuê tài sản cá nhân (thiết bị, xe cộ, quần áo lễ phục, v.v.), bao gồm số tiền cho thuê bạn nhận được vào tổng doanh thu trong Bảng C (Mẫu 1040). Tiền thuê trả trước và các khoản thanh toán khác được mô tả trong *Cho thuê bất động sản* ở phần trước cũng có thể được nhận khi cho thuê tài sản cá nhân. Nếu bạn nhận được bất kỳ khoản

thanh toán nào trong số đó, tính chúng vào các khoản thu gộp của mình như được giải thích trong phần thảo luận đó.

Thu nhập từ cổ tức và tiền lãi

Tiền lãi và cổ tức có thể được coi là thu nhập từ hoạt động kinh doanh.

Tiền lãi. Tiền lãi nhận được trên các thương phiếu phải thu mà bạn đã chấp nhận trong quá trình kinh doanh thông thường là thu nhập từ hoạt động kinh doanh. Tiền lãi nhận được từ các khoản cho vay là thu nhập kinh doanh nếu bạn đang kinh doanh cho vay tiền.

Khoản cho vay không có khả năng thu hồi. Nếu một khoản vay phải trả cho bạn trở nên không thể thu hồi được trong niên thuế đồng thời bạn sử dụng phương pháp kế toán tích lũy, bạn phải tính vào tổng thu nhập khoản tiền lãi tích lũy đến thời điểm khoản vay trở nên không thể thu hồi. Nếu tiền lãi tích lũy sau đó không thể thu hồi được, bạn có thể được khấu trừ cho khoản nợ xấu. Xem [Nợ xấu](#) trong chương 8.

Tiền lãi không ghi trong hợp đồng và Giảm giá phát hành gốc (OID). Nếu ít hoặc không có tiền lãi được tính khi bán hàng hợp đồng trả góp, bạn có thể phải coi một phần của mỗi khoản thanh toán là tiền lãi không ghi trong hợp đồng. Xem *Unstated Interest and Original Issue Discount (OID)* (*Tiền lãi không ghi trong hợp đồng và Giảm giá phát hành gốc (OID)*) trong Ấn phẩm 537.

Cổ tức. Thông thường, cổ tức là thu nhập kinh doanh của người buôn bán chứng khoán. Tuy nhiên, đối với hầu hết các doanh nghiệp cá thể và nhân viên pháp định, cổ tức là thu nhập phi kinh doanh. Nếu bạn nắm giữ cổ phần như một khoản đầu tư cá nhân tách biệt với hoạt động kinh doanh của bản thân, cổ tức từ cổ phần là thu nhập phi kinh doanh.

Nếu nhận được cổ tức từ phí mua bảo hiểm kinh doanh mà bản thân đã khấu trừ trong một năm trước đó, bạn phải khai báo toàn bộ hoặc một phần cổ tức dưới dạng thu nhập kinh doanh trên tờ khai thuế của mình. Để biết số tiền bạn phải khai báo, xem

[Thu hồi các hạng mục đã khấu trừ trước đó](#) trong phần *Các thu nhập khác*, ở phần sau.

Nợ được hủy bỏ

Phần này giải thích quy tắc chung để tính khoản nợ được hủy bỏ vào thu nhập cũng như các trường hợp ngoại lệ đối với quy tắc chung.

Quy tắc tổng quát

Thông thường, nếu khoản nợ của bạn được hủy bỏ hoặc miễn trừ, ngoại trừ trường hợp đó là một quà tặng hoặc tài sản để lại, bạn phải gộp số tiền được hủy bỏ vào tổng thu nhập của mình cho mục tiêu thuế vụ. Khai báo số tiền được hủy bỏ trên dòng 6 của Bảng C (Mẫu 1040) nếu bạn phải chịu khoản nợ đó trong hoạt động kinh doanh của mình. Nếu là khoản nợ phi kinh doanh, khai báo số tiền được hủy bỏ trên dòng 8c của Bảng 1 (Mẫu 1040).

Trường hợp ngoại lệ

Phần thảo luận dưới đây bao gồm một số trường hợp ngoại lệ đối với quy tắc chung về khoản nợ được hủy bỏ.

Giảm giá sau khi mua. Nếu bạn nợ người bán một khoản cho một tài sản bạn mua và người bán giảm số tiền bạn nợ, bạn thường không có thu nhập từ việc giảm giá. Trừ khi bạn bị phá sản hoặc vỡ nợ, coi số tiền giảm giá như một khoản điều chỉnh giá mua và giảm trị giá cơ bản của bạn trong tài sản.

Nợ được khấu trừ. Bạn không thực nhận thu nhập từ một khoản nợ được hủy bỏ trong trường hợp khoản trả nợ đó sẽ dẫn đến việc khấu trừ.

Ví dụ. Bạn nhận được các dịch vụ kế toán cho hoạt động kinh doanh của mình theo hình thức mua chịu (chưa phải trả tiền). Sau đó, bạn gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ kinh doanh, nhưng không bị phá sản hay vỡ nợ. Kế toán viên của bạn miễn trừ một phần số tiền bạn nợ cho các dịch vụ kế toán. Cách bạn xử lý khoản nợ được hủy bỏ tùy thuộc vào phương pháp kế toán của mình.

- Phương pháp chi thu bằng tiền mặt — Bạn không tính khoản nợ được hủy bỏ vào thu nhập vì việc thanh toán khoản nợ sẽ được khấu trừ như một chi phí kinh doanh.
- Phương pháp kế toán tích lũy — Bạn tính khoản nợ được hủy bỏ vào thu nhập vì chi phí đã được khấu trừ tại thời điểm khoản nợ phát sinh.

Để nắm được thông tin về các phương pháp kế toán tích lũy và chi thu tiền mặt, xem [chương 2](#).

Các mục loại trừ

Không tính khoản nợ được hủy bỏ vào thu nhập trong các trường hợp sau. Tuy nhiên, bạn có thể được yêu cầu nộp Mẫu 982, Giảm thuế do được xóa nợ. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 982.

1. Việc hủy bỏ diễn ra trong một trường hợp phá sản theo Mục 11 của Bộ luật Hoa Kỳ (liên quan đến phá sản), nhưng chỉ khi doanh nghiệp của bạn thuộc thẩm quyền của tòa án phá sản và việc xóa nợ được tòa án chấp thuận theo một kế hoạch đã được tòa án phê duyệt. Xem Ấn phẩm 908, Hướng dẫn thuế khi phá sản.
2. Việc hủy bỏ diễn ra khi bạn vỡ nợ. Bạn có thể loại trừ khoản nợ được hủy bỏ trong trường hợp vỡ nợ. Xem Ấn phẩm 4681, Nợ được hủy, tịch biên, thu hồi, và bỏ đi.
3. Nợ được hủy bỏ là khoản nợ nông nghiệp đủ điều kiện có chủ nợ là một người đủ điều kiện. Xem chương 3 của Ấn phẩm 225, Hướng dẫn thuế cho Nông gia.
4. Khoản nợ được hủy bỏ là khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ điều kiện. Tình huống này được giải thích ở phần sau.
5. Khoản nợ được hủy là khoản nợ gốc liên quan đến nhà ở chính đủ điều kiện, được hủy sau năm 2006 và trước năm 2026 hoặc đã được diện thỏa thuận bằng văn bản trước năm 2026. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 982 để biết thêm thông tin về mục loại trừ này.

Nếu một khoản nợ được hủy bỏ được loại trừ khỏi thu nhập vì việc hủy bỏ phát sinh trong một trường hợp phá sản, thì các mục loại trừ trong các tình huống từ 2 đến 5 không được áp dụng. Nếu khoản nợ được hủy bỏ này phát sinh khi bạn vỡ nợ, thì các mục loại trừ trong tình huống 3 và 4 không được áp dụng cho trường hợp bạn vỡ nợ.

Nợ. Để phục vụ cho mục đích của phần thảo luận này, khoản nợ ở đây bao gồm bất kỳ khoản nợ nào mà bạn phải chịu hoặc gắn liền với tài sản bạn nắm giữ.

Khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ điều kiện. Bạn có thể chọn loại trừ (trong hạn mức nhất định) việc hủy bỏ khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ điều kiện. Nếu thực hiện lựa chọn này, bạn phải trừ đi số tiền được loại trừ vào trị giá cơ bản của bất động sản phải khấu hao của mình. Thực hiện phép giảm này vào đầu niên thuế ngay sau niên thuế diễn ra việc hủy bỏ. Tuy nhiên, nếu thanh lý tài sản trước thời điểm đó, thì bạn phải giảm trị giá cơ bản của tài sản ngay trước khi thanh lý.

Hủy bỏ khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ điều kiện. Khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ điều kiện là khoản nợ (không phải nợ nông nghiệp đủ điều kiện) đáp ứng tất cả các điều kiện sau.

1. Khoản nợ phát sinh hoặc được tiếp nhận liên quan đến bất động sản sử dụng trong thương mại hay kinh doanh. Bất động sản sử dụng trong thương mại hay kinh doanh không bao gồm bất động sản được xây dựng và nắm giữ chủ yếu để bán cho khách hàng trong quá trình kinh doanh thông thường.
2. Khoản nợ được bảo đảm bằng những bất động sản như vậy.
3. Khoản nợ phát sinh hoặc được tiếp nhận tại một trong hai thời điểm sau đây.
 - a. Trước ngày 1 tháng 1, 1993.
 - b. Sau ngày 31 tháng 12, 1992, nếu phát sinh hoặc được tiếp nhận để mua lại, xây dựng hoặc tu sửa phần lớn bất động sản đó.
4. Đó là khoản nợ mà bạn chọn áp dụng các quy tắc này.

Khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ điều kiện bao gồm việc tái tài trợ nợ được mô tả trong (3) ở trên, nhưng chỉ trong phạm vi không vượt quá khoản nợ được tái tài trợ.

TIP Nếu bạn là chủ sở hữu của một cơ quan không được xét (ví dụ: LLC một thành viên), xem Qualified Real Property Business Indebtedness (Nợ kinh doanh bất động sản đủ điều kiện) trong chương 1 của Ấn phẩm 4681 để xem liệu bạn có hội đủ điều kiện cho việc loại trừ này hay không.

Bạn không thể loại trừ nhiều hơn một trong số hai khoản tiền sau.

1. Sự vượt quá (nếu có) của:
 - a. Vốn gốc chưa trả của khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ điều kiện (ngay trước khi được hủy bỏ); so với
 - b. Giá cả phải chăng trên thị trường (ngay trước khi được hủy bỏ) của bất động sản kinh doanh mà bảo đảm cho khoản nợ, đã trừ đi vốn gốc chưa trả của bất

kỳ khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ điều kiện nào khác được bảo đảm bằng tài sản này ngay trước khi được hủy bỏ.

2. Tổng trị giá cơ bản điều chỉnh của bất động sản phải khấu hao mà bạn nắm giữ ngay trước khi hủy bỏ. Các trị giá cơ bản điều chỉnh này được xác định dựa theo bất kỳ mức giảm trị giá cơ bản nào do việc hủy bỏ do phá sản hoặc vỡ nợ, hoặc của các khoản nợ nông nghiệp đủ điều kiện. Không tính đến bất động sản phải khấu hao có được khi dự kiến hủy bỏ.

Lựa chọn. Để thực hiện lựa chọn này, hoàn thành Mẫu 982 và đính kèm vào tờ khai thuế thu nhập của bạn cho niên thuế diễn ra việc hủy bỏ. Bạn phải nộp tờ khai thuế trước ngày đến hạn (đã bao gồm thời gian gia hạn). Nếu kịp thời nộp tờ khai thuế trong năm mà không thực hiện lựa chọn, bạn vẫn có thể thực hiện lựa chọn bằng cách nộp tờ khai thuế sửa đổi trong vòng 6 tháng kể từ ngày đến hạn nộp đơn khai thuế (không bao gồm thời gian gia hạn). Để biết thêm thông tin, xem *Khi nào nộp* trong hướng dẫn của mẫu đơn.

Các thu nhập khác

Phần thảo luận sau đây giải thích cách xử lý các loại thu nhập kinh doanh khác mà bạn có thể nhận được.

Tài sản bị hạn chế. Tài sản bị hạn chế là tài sản có giá trị bị ảnh hưởng bởi một số hạn chế. Nếu bạn nhận được cổ phiếu hạn chế hoặc tài sản khác cho những dịch vụ đã thực hiện, phần giá cả phải chăng trên thị trường của tài sản vượt quá chi phí sẽ được gộp vào thu nhập của bạn trong Bảng C (Mẫu 1040) khi hạn chế được dỡ bỏ. Tuy nhiên, bạn có thể chọn bị đánh thuế vào năm nhận tài sản đó. Để biết thêm thông tin về việc gộp tài sản bị hạn chế vào thu nhập, xem Ấn phẩm 525, Thu nhập chịu thuế và không chịu thuế.

Lợi nhuận và lỗ. Không khai báo trong Bảng C (Mẫu 1040) lợi nhuận hoặc lỗ từ việc thanh lý tài sản không phải là hàng trữ trong kho để bán hoặc được nắm giữ chủ yếu để bán cho khách hàng. Thay vào đó, bạn phải khai báo những lợi nhuận và lỗ này trên các mẫu đơn khác. Để biết thêm thông tin, xem [chương 3](#).

Giấy khất nợ. Khai báo giấy khất nợ và các bằng chứng khác về khoản nợ đã phát hành cho bạn trong một giao dịch mua bán hoặc trao đổi tài sản là hàng trữ trong kho để bán hoặc được giữ chủ yếu để bán cho khách hàng trong Bảng C (Mẫu 1040). Thông thường, bạn khai báo chúng với số tiền gốc đã nêu trong hợp đồng của khoản vay (trừ đi bất kỳ khoản tiền lãi không ghi trong hợp đồng nào) hoặc giá phát hành (hoặc công cụ nợ với OID) khi nhận được chúng.

Các khoản thanh toán cho thu nhập bị mất. Nếu bạn giảm hoặc ngừng các hoạt động kinh doanh của mình, khai báo trong Bảng C (Mẫu 1040) bất kỳ khoản thanh toán nào cho thu nhập bị mất của hoạt động kinh doanh mà bạn nhận được từ bảo hiểm hoặc các nguồn khác. Khai báo khoản đó trong Bảng C (Mẫu 1040) ngay cả khi doanh nghiệp của bạn không hoạt động tại thời điểm được thanh toán.

Thiệt hại. Bạn phải gộp khoản bồi thường tổng thu nhập nhận được trong niên thuế đến từ bất kỳ lỗ nào sau đây liên quan đến doanh nghiệp của mình.

- Vi phạm bằng sáng chế.
- Vi phạm hợp đồng hoặc trách nhiệm ủy thác.
- Tổn thất từ việc chống độc quyền.

Tổn thất kinh tế. Bạn có quyền khấu trừ vào thu nhập nếu bạn nhận bồi thường cho khoản lỗ kinh tế thực tế. Khoản khấu trừ của bạn nhỏ hơn những khoản sau đây.

- Số tiền bạn nhận được hoặc tích lũy đối với thiệt hại trong niên thuế trừ đi số tiền bạn phải trả hoặc phải chịu trong niên thuế để thu hồi số tiền đó.
- Lỗ từ lỗ đó mà bạn chưa được khấu trừ.

Bồi thường trừng phạt. Bạn cũng phải gộp các khoản bồi thường trừng phạt vào thu nhập.

Tiền lại quả. Nếu bạn nhận được bất kỳ khoản tiền lại quả nào, gộp chúng vào thu nhập trong Bảng C (Mẫu 1040). Tuy nhiên, không gộp chúng vào thu nhập nếu bạn có thể hợp lý coi chúng như khoản giảm trừ của một khoản chi phí liên quan, một khoản chi cho đầu tư dài hạn hoặc giá vốn hàng bán.

Thu hồi các hạng mục đã khấu trừ trước đó. Nếu bạn thu hồi được một khoản nợ xấu hoặc bất kỳ khoản nào khác được khấu trừ trong năm trước, bao gồm cả khoản thu hồi đó vào thu nhập trong Bảng C (Mẫu 1040). Tuy nhiên, nếu tất cả hoặc một phần khoản khấu trừ trong những năm trước đó không làm giảm thuế của bạn, bạn có thể loại trừ phần không làm giảm thuế của mình. Nếu loại trừ một phần của khoản thu hồi khỏi thu nhập, bạn phải bao gồm trong tờ khai thuế của mình một phép tính cho thấy bạn đã tính toán khoản loại trừ như thế nào.

Ngoại lệ đối với khấu hao. Quy tắc này không áp dụng cho khấu hao. Bạn thu hồi khấu hao bằng cách sử dụng các quy tắc được giải thích ở phần tiếp theo.

Thu hồi khấu hao. Trong các trường hợp sau, bạn phải thu hồi khoản khấu trừ khấu hao. Điều này có nghĩa là bạn bao gồm trong thu nhập một phần hoặc toàn bộ khấu hao mà bạn đã khấu trừ trong những năm trước.

Tài sản được liệt kê. Nếu việc sử dụng tài sản được liệt kê trong công việc kinh doanh của bạn (được giải thích trong chương 8 ở phần [Khấu hao](#)) giảm xuống còn 50% hoặc thấp hơn trong một niên thuế sau niên thuế đưa tài sản này vào sử dụng, bạn có thể phải thu hồi một phần của khoản khấu trừ khấu hao. Bạn thực hiện điều này bằng cách gộp vào thu nhập trong Bảng C (Mẫu 1040) phần khấu hao bạn đã khấu trừ trong những năm trước. Sử dụng Phần IV của Mẫu 4797 để tính toán số tiền cần gộp vào trên Bảng C (Mẫu 1040). Để biết thêm thông tin, xem *What Is the Business-Use Requirement? (Yêu cầu của việc sử dụng cho mục đích kinh doanh là gì?)* trong chương 5 của Ấn phẩm 946. Chương này giải thích cách xác định xem tài sản có được sử dụng hơn 50% trong hoạt động kinh doanh của bạn hay không.

Tài sản theo đoạn 179. Nếu bạn thực hiện một khoản khấu trừ theo đoạn 179 (được giải thích trong chương 8 ở phần [Khấu hao](#)) đối với một tài sản và trước khi kết thúc thời

gian khấu hao của tài sản và tỷ lệ phần trăm sử dụng cho mục đích kinh doanh giảm xuống còn 50% hoặc ít hơn, bạn phải trừ một phần của khoản khấu trừ theo đoạn 179. Bạn thực hiện điều này bằng cách gộp vào thu nhập trong Bảng C (Mẫu 1040) một phần của khoản khấu trừ mà bạn đã thực hiện. Sử dụng Phần IV của Mẫu 4797 để xác định số tiền cần gộp vào trong Bảng C (Mẫu 1040). Xem Chương 2 của Ấn phẩm 946 để nắm được thời điểm thu hồi khoản khấu trừ.

Bán hay trao đổi tài sản phải khấu hao. Nếu bán hay trao đổi tài sản phải khấu hao mà có lãi, bạn có thể phải coi toàn bộ hoặc một phần khoản lãi do khấu hao là thu nhập thông thường. Bạn tính toán thu nhập từ việc thu hồi khấu hao trong Phần III của Mẫu 4797. Để biết thêm thông tin, xem chương 4 của Ấn phẩm 544.

Các khoản không phải thu nhập

Trong một số trường hợp, tài sản hoặc tiền bạn nhận được không phải là thu nhập.

Tăng giá trị. Sự tăng giá trị của tài sản của bạn không phải là thu nhập cho đến khi bạn thực nhận giá trị tăng thêm đó thông qua việc bán hoặc các hình thức thanh lý chịu thuế khác.

Ký gửi. Ký gửi hàng hóa cho người khác để bán thay cho bạn không phải là bán hàng. Quyền sở hữu hàng hóa vẫn thuộc về bạn (người ký gửi) ngay cả sau khi người nhận hàng đã sở hữu hàng hóa đó. Do đó, nếu vận chuyển hàng hóa theo diện ký gửi, bạn không có lợi nhuận hoặc lỗ cho đến khi người nhận hàng bán được hàng hóa đó. Hàng hóa mà bạn đã vận chuyển để ký gửi được tính vào hàng tồn kho của bạn cho đến khi được bán.

Không tính hàng hóa mà bạn nhận được theo hình thức ký gửi vào hàng tồn kho của bạn. Tính lợi nhuận hoặc tiền hoa hồng đối với hàng hóa được ký gửi cho bạn vào thu nhập của bản thân khi bạn bán hàng hóa đó hoặc khi bạn nhận được lợi nhuận hay hoa hồng của mình, tùy thuộc vào phương pháp kế toán mà bạn sử dụng.

Các khoản thanh toán miễn trừ Medicaid. Một số khoản thanh toán miễn trừ Medicaid được báo cáo cho bạn trên Mẫu 1099-MISC hoặc Mẫu 1099-NEC có thể không chịu thuế. Để biết thêm thông tin về cách khai báo các khoản thanh toán đó, xem Hướng dẫn cho Bảng C (Mẫu 1040).

Phụ cấp xây dựng. Nếu ký hợp đồng thuê sau ngày 5 tháng 8 năm 1997, bạn có thể loại trừ khỏi thu nhập khoản phụ cấp xây dựng nhận được (bằng tiền mặt hoặc hình thức giảm tiền thuê) từ chủ đất nếu nhận được phụ cấp với cả hai điều kiện sau.

- Theo hợp đồng thuê mặt bằng bán lẻ ngắn hạn.
- Với mục đích xây dựng hoặc cải tạo bất động sản dài hạn đủ điều kiện để sử dụng cho hoạt động kinh doanh của bạn tại mặt bằng bán lẻ đó.

Số tiền bạn có thể loại trừ. Bạn có thể loại trừ khoản phụ cấp xây dựng trong phạm vi không vượt quá số tiền bản thân đã chi cho việc xây dựng hoặc tu sửa.

Hợp đồng thuê ngắn hạn. Hợp đồng thuê ngắn hạn là hợp đồng cho thuê (hoặc thỏa thuận khác về việc sử dụng)

mặt bằng bán lẻ có thời hạn từ 15 năm trở xuống. Những quy tắc sau đây được áp dụng để xác định xem liệu hợp đồng thuê có thời hạn từ 15 năm trở xuống hay không.

- Tính đến các tùy chọn gia hạn khi xác định xem liệu hợp đồng thuê có thời hạn từ 15 năm trở xuống hay không. Tuy nhiên không tính đến bất kỳ tùy chọn nào để gia hạn theo giá cả phải chăng trên thị trường được xác định tại thời điểm gia hạn.
- Hai hoặc nhiều hợp đồng thuê liên tiếp mà là một phần của cùng một giao dịch (hoặc một loạt các giao dịch có liên quan) đối với mặt bằng bán lẻ giống nhau hoặc cơ bản giống nhau được xem là một hợp đồng thuê.

Mặt bằng bán lẻ. Mặt bằng bán lẻ là bất động sản được bạn cho thuê, hoặc sử dụng với tư cách là người thuê trong hoạt động kinh doanh bán động sản cá nhân thực hữu hoặc dịch vụ công cộng.

Bất động sản dài hạn đủ điều kiện. Bất động sản dài hạn đủ điều kiện là bất động sản không cư trú vốn là một phần của mặt bằng bán lẻ hoặc hiện hữu tại mặt bằng bán lẻ của bạn và sẽ được hoàn lại cho chủ đất khi hợp đồng thuê kết thúc.

Trao đổi tài sản cùng loại. Thông thường, nếu bạn trao đổi bất động sản được sử dụng cho kinh doanh hoặc được nắm giữ như một khoản đầu tư chỉ để đổi lấy bất động sản đầu tư hoặc kinh doanh khác thuộc cùng loại, thì không có lợi nhuận hoặc lỗ nào được ghi nhận. Điều này có nghĩa là lợi nhuận không phải chịu thuế và lỗ không được khấu trừ. Sau khi trao đổi tài sản, giá gốc được điều chỉnh để phản ánh khoản lãi hoặc lỗ được hoãn lại. Khoản lãi hoặc lỗ sẽ được ghi nhận khi tài sản được chuyển nhượng sau này. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8824.

Tu sửa tài sản cho thuê. Nếu người thuê xây dựng các tòa nhà hoặc tu sửa tài sản của bạn, thì phần gia tăng giá trị của tài sản đến từ việc tu sửa không phải là thu nhập đối với bạn. Tuy nhiên, nếu thực tế chỉ ra rằng việc tu sửa là một khoản tiền thuê thanh toán cho bạn, thì phần tăng giá trị sẽ là thu nhập.

Các khoản vay. Tiền được vay thông qua một khoản vay có thiện chí không phải là thu nhập.

Thuế tiêu thụ. Thuế tiêu thụ của tiểu bang và địa phương áp dụng đối với người mua, mà bạn phải thu và nộp cho chính quyền tiểu bang hoặc địa phương, không phải là thu nhập.

Hướng dẫn đối với các ngành nghề chọn lọc

Phần này cung cấp thông tin để xác định liệu thu nhập của bạn có cần được khai báo trên Bảng C (Mẫu 1040) hay không.

Người bán hàng trực tiếp. Bạn phải khai báo tất cả thu nhập nhận được với tư cách là người bán hàng trực tiếp trong Bảng C (Mẫu 1040). Điều này bao gồm bất kỳ khoản nào dưới đây.

- Thu nhập từ bán hàng — các khoản thanh toán nhận được từ khách hàng cho các sản phẩm họ mua từ bạn.

- Tiền hoa hồng, tiền thưởng hoặc phần trăm bạn nhận được cho doanh số bán hàng và doanh số bán hàng của những người khác làm việc dưới quyền mình.
- Giải thưởng, phần thưởng và quà tặng bạn nhận được từ doanh nghiệp bán hàng của mình.

Bạn phải khai báo khoản thu nhập này bất kể khoản thu nhập này có được khai báo cho bạn trong tờ khai thông tin hay không.

Bạn là người bán hàng trực tiếp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau.

1. Bạn đang tham gia vào một trong các hoạt động thương mại hay kinh doanh dưới đây.
 - a. Bán hoặc chào hàng các sản phẩm tiêu dùng tại nhà hoặc địa điểm khác mà không phải là cơ sở bán lẻ cố định hoặc cho bất kỳ người mua nào trên cơ sở mua-bán hoặc cơ sở tiền đặt cọc-tiền hoa hồng với mục đích bán lại tại nhà hoặc địa điểm kinh doanh khác mà không phải là cơ sở bán lẻ cố định.
 - b. Cung cấp hoặc phân phối báo hoặc tin tức mua sắm (bao gồm bất kỳ dịch vụ nào liên quan trực tiếp đến hoạt động thương mại hoặc kinh doanh đó).
2. Về cơ bản, tất cả các khoản thanh toán bạn nhận được (dù được trả bằng tiền mặt hay không) cho các dịch vụ được mô tả ở trên đều liên quan trực tiếp đến doanh số bán hàng hoặc sản lượng khác (bao gồm cả việc thực hiện dịch vụ) hơn là thời gian làm việc.
3. Những dịch vụ được bạn thực hiện theo một hợp đồng bằng văn bản giữa bạn và người mà bạn cung cấp dịch vụ, đồng thời hợp đồng quy định rằng bạn sẽ không được coi là một nhân viên cho mục tiêu thuế vụ liên bang.

Người thi hành hoặc quản trị viên. Nếu bạn quản lý tài sản của một người đã qua đời, các khoản phí của bạn được khai báo trong Bảng C (Mẫu 1040) nếu bạn làm một trong những nghề dưới đây.

1. Người được ủy thác quản lý chuyên nghiệp.
2. Người được ủy thác quản lý không chuyên (đại diện cá nhân) và cả hai điều sau đây đều được áp dụng.
 - a. Di sản bao gồm một hoạt động thương mại hoặc kinh doanh còn hoạt động mà bạn tích cực tham gia.
 - b. Khoản phí của bạn có liên quan đến hoạt động thương mại hay kinh doanh đó.
3. Người được ủy thác quản lý không chuyên đối với một di sản đơn lẻ mà đòi hỏi bạn phải có các hoạt động quản lý bao quát trong một thời gian dài, với điều kiện những hoạt động này đủ để được coi là hoạt động thương mại hay kinh doanh.

Nếu các khoản phí không đáp ứng các yêu cầu trên, khai báo chúng trong dòng 8z của Bảng 1 (Mẫu 1040).

Thuyền viên tàu cá. Nếu bạn là thành viên của thuyền đánh bắt cá hoặc những sinh vật sống dưới nước khác, thu nhập của bạn được khai báo trong Bảng C (Mẫu 1040) nếu đáp ứng tất cả các yêu cầu nêu trong chương 10 ở phần [Thuyền viên tàu cá](#).

Đại lý bảo hiểm, trước đây. Các khoản thanh toán chấm dứt hợp đồng mà bạn nhận được với tư cách là người đã từng là đại lý bảo hiểm tự kinh doanh từ một công ty bảo hiểm cho những dịch vụ bạn đã thực hiện cho công ty đó không được khai báo trong Bảng C (Mẫu 1040) nếu tất cả các điều kiện sau được đáp ứng.

- Bạn đã nhận được các khoản thanh toán sau khi thỏa thuận thực hiện dịch vụ cho công ty kết thúc.
- Bạn đã không thực hiện bất kỳ dịch vụ nào cho công ty sau khi thỏa thuận dịch vụ kết thúc và trước khi kết thúc năm bạn nhận được khoản thanh toán.
- Bạn đã ký một giao ước không cạnh tranh với công ty trong thời gian ít nhất 1 năm bắt đầu từ ngày thỏa thuận dịch vụ kết thúc.
- Số tiền thanh toán chủ yếu phụ thuộc vào các hợp đồng bảo hiểm do bạn bán hoặc được ghi có vào tài khoản của bạn trong năm cuối cùng của thỏa thuận dịch vụ hoặc phạm vi mà các hợp đồng bảo hiểm đó vẫn có hiệu lực trong một khoảng thời gian sau khi thỏa thuận dịch vụ kết thúc hoặc cả hai điều kiện trên.
- Số tiền thanh toán không phụ thuộc vào bất kỳ phạm vi nào trong thời gian thực hiện dịch vụ hoặc tổng thu nhập từ các dịch vụ đã thực hiện cho công ty (bất kể khả năng đủ điều kiện nhận các khoản thanh toán có phụ thuộc vào thời gian thực hiện dịch vụ hay không).

Đại lý bảo hiểm, đã nghỉ hưu. Thu nhập do công ty bảo hiểm trả cho một đại lý bảo hiểm tự kinh doanh đã nghỉ hưu dựa trên tỷ lệ phần trăm tiền hoa hồng nhận được trước khi nghỉ hưu được khai báo trong Bảng C (Mẫu 1040). Ngoài ra, tiền hoa hồng gia hạn cũng như tiền hoa hồng được hoãn đối với doanh số bán hàng có được trước khi nghỉ hưu cũng thường được khai báo trên Bảng C (Mẫu 1040).

Tuy nhiên, tiền hoa hồng gia hạn trả hợp đồng trả cho người sống sót của một đại lý bảo hiểm không được khai báo trong Bảng C (Mẫu 1040).

Người vận chuyển hoặc phân phát báo. Bạn là người bán hàng trực tiếp và thu nhập của bạn được khai báo trong Bảng C (Mẫu 1040) nếu tất cả các điều kiện sau được áp dụng.

- Bạn đang kinh doanh giao hoặc phát báo hoặc tin tức mua sắm (bao gồm các dịch vụ liên quan trực tiếp như mời chào khách hàng và thu thập hóa đơn).
- Về cơ bản, tất cả các khoản thanh toán mà bạn nhận được cho các dịch vụ này liên quan trực tiếp đến doanh số bán hàng hoặc sản lượng khác hơn là số giờ làm việc.
- Bạn thực hiện các dịch vụ theo một hợp đồng bằng văn bản tuyên bố rằng bạn sẽ không được coi là một nhân viên cho mục tiêu thuế vụ liên bang.

Quy tắc này được áp dụng cho dù bạn có thuê người khác giúp bạn giao hàng hay không. Quy tắc này cũng được áp dụng cho dù bạn mua báo từ nhà xuất bản hay được trả tiền dựa trên số lượng báo bạn giao được.

Chủ sạp báo hoặc tạp chí. Nếu bạn từ 18 tuổi trở lên và bán báo hoặc tạp chí, thu nhập của bạn được khai báo trong Bảng C (Mẫu 1040) nếu tất cả các điều kiện sau được áp dụng.

- Bạn bán báo hoặc tạp chí cho người tiêu dùng cuối cùng.

- Bạn bán chúng với một mức giá cố định.
- Thu nhập của bạn dựa trên chênh lệch giữa giá bán và giá vốn hàng bán của bạn.

Quy tắc này được áp dụng cho dù bạn có được bảo đảm số tiền thu nhập tối thiểu hay không. Quy tắc này cũng được áp dụng cho dù bạn nhận được khoản ghi có cho những tờ báo hoặc tạp chí chưa bán được mà bạn trả lại cho nhà cung cấp của mình hay không.

Công chứng viên. Những khoản phí bạn nhận được cho dịch vụ mà bản thân thực hiện với tư cách là một công chứng viên được khai báo trong Bảng C (Mẫu 1040). Các khoản thanh toán này không phải chịu thuế tự kinh doanh (xem Hướng dẫn cho Bảng SE (Mẫu 1040)).

Công chức. Công chức nhà nước nói chung không khai báo những gì họ kiếm được khi phục vụ tại công sở trong Bảng C (Mẫu 1040). Quy tắc này áp dụng cho các khoản thanh toán mà một nhân viên thu thuế được bầu nhận được từ ngân quỹ nhà nước trên cơ sở tỷ lệ phần trăm cố định của số thuế thu được. Công sở bao gồm bất kỳ văn phòng được bầu hoặc bổ nhiệm nào của Hoa Kỳ hoặc lãnh thổ của Hoa Kỳ, Đặc khu Columbia, một tiểu bang hoặc các phân khu chính trị của nó, hoặc một phương tiện hoàn toàn thuộc sở hữu của bất kỳ văn phòng nào trong số này.

Công chức nhà nước của chính phủ tiểu bang hoặc địa phương khai báo những khoản phí của họ trong Bảng C (Mẫu 1040) nếu họ chỉ được trả trên cơ sở các khoản phí và nếu dịch vụ của họ đủ điều kiện để hưởng (nhưng không được thanh toán bởi) an sinh xã hội theo một thỏa thuận liên bang-tiểu bang.

Đại lý bất động sản hoặc người bán hàng trực tiếp. Nếu bạn là đại lý bất động sản được cấp phép hoặc người bán hàng trực tiếp, thu nhập của bạn được khai báo trên Bảng C (Mẫu 1040) nếu cả hai điều sau được áp dụng.

- Về cơ bản, tất cả các khoản thanh toán mà bạn nhận được cho các dịch vụ với tư cách là đại lý bất động sản hoặc người bán hàng trực tiếp có liên quan trực tiếp đến doanh số bán hàng hoặc sản lượng khác hơn là số giờ làm việc.
- Bạn thực hiện các dịch vụ theo một hợp đồng bằng văn bản tuyên bố rằng bạn sẽ không được coi là một nhân viên cho mục tiêu thuế vụ liên bang.

Nhà thầu mua bán hợp đồng trong đoạn 1256. Nếu bạn là nhà thầu mua bán quyền chọn hoặc hàng hóa, thì lãi và lỗ của bạn khi mua bán hoặc đầu cơ theo các hợp đồng theo đoạn 1256 (hợp đồng kỳ hạn được quy định, hợp đồng ngoại tệ, quyền chọn phi vốn chủ sở hữu, quyền chọn vốn chủ sở hữu đại lý và hợp đồng kỳ hạn chứng khoán của đại lý) hoặc tài sản liên quan đến những hợp đồng đó (chẳng hạn như cổ phần được sử dụng để bảo đảm quyền chọn) được khai báo trong Bảng C (Mẫu 1040). Để biết thêm thông tin, xem đoạn 1256 và 1402(i).

Nhà đầu cơ chứng khoán hoặc hàng hóa. Bạn là một nhà đầu cơ chứng khoán hoặc hàng hóa nếu đang tham gia vào hoạt động kinh doanh mua và bán chứng khoán hoặc hàng hóa cho tài khoản của chính mình. Với tư cách là người giao dịch chứng khoán hoặc hàng hóa (kể cả nếu bạn thực hiện lựa

chọn đánh giá theo thị trường theo đoạn 475(f) với tư cách là người giao dịch chứng khoán hoặc hàng hóa), lãi hoặc lỗ của bạn từ việc xử lý chứng khoán hoặc hàng hóa không được báo cáo trong Bảng C (Mẫu 1040). Để biết thêm thông tin về nhà đầu cơ chứng khoán hoặc hàng hóa, xem Ấn phẩm 550, Thu nhập và chi phí đầu tư và [Chủ đề số 429, Người giao dịch chứng khoán](#).

Hạch toán thu nhập của bạn

Việc hạch toán thu nhập của bạn cho mục tiêu tính toán thuế thu nhập đôi khi có sự khác biệt so với hạch toán cho các mục đích tài chính. Đoạn này thảo luận về một số điểm khác biệt phổ biến hơn có thể ảnh hưởng đến các giao dịch kinh doanh.

Tính toán thu nhập kinh doanh của bạn trên cơ sở của một niên thuế và theo phương pháp kế toán thông thường của bạn (xem [chương 2](#)). Nếu việc bán sản phẩm là một yếu tố tạo ra thu nhập trong hoạt động kinh doanh của bạn, bạn thường phải sử dụng hàng tồn kho để trình bày thu nhập của mình một cách rõ ràng. Nhà thầu mua bán bất động sản không được phép sử dụng hàng tồn kho. Để biết thêm thông tin về hàng tồn kho, xem [chương 2](#).

Thu nhập thanh toán cho bên thứ ba. Tất cả thu nhập bạn kiếm được đều phải chịu thuế đối với bạn. Bạn không thể tránh thuế bằng cách thanh toán thu nhập cho bên thứ ba.

Ví dụ. Bạn cho thuê tài sản của mình và hợp đồng cho thuê chỉ định người thuê trả tiền thuê cho con trai bạn. Số tiền trả cho con trai của bạn là tổng thu nhập của bạn.

Chiết khấu tiền mặt. Đây là số tiền mà người bán cho phép bạn khấu trừ vào giá trên hóa đơn giao hàng khi bạn trả tiền sớm. Bạn có thể sử dụng một trong hai phương pháp sau để tính chiết khấu tiền mặt cho mục tiêu tính toán thuế thu nhập.

1. Khấu trừ chiết khấu tiền mặt vào chi phí mua hàng (xem [Đòng 36—Chi phí mua hàng trừ đi chi phí các mặt hàng được rút lại để sử dụng cho mục đích cá nhân](#) trong chương 6).
2. Ghi có chiết khấu tiền mặt vào tài khoản thu nhập chiết khấu.

Bạn phải sử dụng phương pháp đã chọn hàng năm cho tất cả các khoản chiết khấu mua hàng của mình.

Nếu bạn sử dụng phương pháp thứ hai, số dư có trong tài khoản vào cuối niên thuế của bạn là thu nhập kinh doanh. Theo phương pháp này, bạn không trừ các khoản chiết khấu tiền mặt mà bạn nhận được vào giá vốn hàng bán. Khi định giá hàng tồn kho cuối kỳ, bạn không thể trừ khoản chiết khấu trung bình hoặc ước tính nhận được đối với hàng hóa có sẵn tại thời điểm cuối niên thuế vào giá trên hóa đơn giao hàng của hàng hóa đó.

Chiết khấu thương mại. Đây là những khoản giảm trừ so với giá niêm yết hoặc giá trong ca-ta-lô và thường không được ghi vào hóa đơn giao hàng hoặc tính phí cho khách hàng. Không nhập những khoản chiết khấu này vào sổ sách kế toán của bạn. Thay vào đó, chỉ sử dụng số tiền thực làm giá vốn của hàng hóa đã mua. Để biết thêm thông tin, xem [Chiết khấu thương mại](#) trong chương 6.

Khoản thanh toán được đặt vào cơ sở trung gian giữ tiền bảo chứng. Nếu người mua tài sản của bạn đặt một phần hoặc toàn bộ giá mua vào cơ sở trung gian giữ tiền bảo chứng, bạn sẽ không tính bất kỳ phần nào của khoản tiền đó vào tổng doanh thu bán hàng cho đến khi thực sự hoặc được coi là đã nhận được nó. Tuy nhiên, sau khi hoàn thành các điều khoản của hợp đồng và thỏa thuận của cơ sở trung gian giữ tiền bảo chứng, bạn sẽ có thu nhập chịu thuế, ngay cả khi bạn chưa chấp nhận khoản tiền đó cho đến năm sau.

Hàng trả lại và khoản giảm giá khi bán. Các khoản ghi có mà bạn cho phép khách hàng có được đối với hàng hóa bị trả lại và bất kỳ khoản giảm giá nào khác được bạn thực hiện khi bán hàng đều là khoản khấu trừ vào tổng doanh thu bán hàng khi tính toán doanh thu thuần từ bán hàng.

Các khoản trả trước. Các quy tắc đặc biệt áp dụng với phương pháp kế toán tích lũy cho các khoản thanh toán nhận trước được thảo luận trong chương 2 trong phần [Phương pháp tích lũy](#).

Tiền bồi thường bảo hiểm. Nếu nhận được bảo hiểm hoặc một hình thức bồi hoàn trả cho một lỗ do tai họa hoặc trộm cắp, bạn phải trừ nó vào lỗ khi tính khoản khấu trừ của mình. Bạn không thể khấu trừ phần lỗ do tai họa hoặc trộm cắp mà đã được bồi hoàn.

Để nắm được thông tin về lỗ do tai họa hoặc trộm cắp, xem Ấn phẩm 547.

6.

Cách tính giá vốn hàng bán

Giới thiệu

Nếu sản xuất hoặc mua hàng hóa để bán, bạn có thể khấu trừ giá vốn hàng bán vào doanh thu gộp của mình trong Bảng C (Mẫu 1040). Tuy nhiên, để xác định các chi phí này, bạn phải định giá hàng tồn kho của mình vào đầu và cuối mỗi niên thuế.

Chương này áp dụng cho bạn nếu bạn là nhà sản xuất, bán buôn hoặc bán lẻ hoặc nếu bạn tham gia vào bất kỳ hoạt động kinh doanh nào mà sản xuất, mua hoặc bán hàng hóa để tạo ra thu nhập. Chương này không áp dụng cho kinh doanh dịch vụ cá nhân, chẳng hạn như nghề bác sĩ, luật sư, thợ mộc hoặc họa sĩ. Tuy nhiên, nếu bạn làm việc trong một cơ sở kinh doanh dịch vụ cá nhân và cũng bán hoặc tính phí các nguyên liệu và vật tư thường được sử dụng trong doanh nghiệp của mình, thì chương này áp dụng cho bạn.



Có ngoại lệ đối với người đóng thuế doanh nghiệp nhỏ mà có thể thay đổi cách bạn tính giá vốn hàng bán cho hoạt động kinh doanh của mình. Để biết thêm thông tin, xem [chương 2](#).

Tính giá vốn hàng bán trong Bảng C, Dòng 35 đến 42

Tính giá vốn hàng bán của bạn bằng cách điền vào dòng 35 đến 42 của Bảng C (Mẫu 1040). Những dòng này được mô tả lại ở dưới đây và được giải thích trong phần thảo luận sau đó.

- 35 Hàng tồn kho đầu năm. Nếu có sự chênh lệch so với hàng tồn kho vào cuối năm trước, đính kèm giải trình
- 36 Chi phí mua hàng trừ đi chi phí các mặt hàng được rút lại để sử dụng cho mục đích cá nhân
- 37 Chi phí lao động. Không bao gồm bất kỳ số tiền nào trả cho chính bạn
- 38 Nguyên liệu và vật tư
- 39 Các chi phí khác
- 40 Tổng từ dòng 35 đến dòng 39
- 41 Hàng tồn kho cuối năm
- 42 **Giá vốn hàng bán.** Lấy dòng 40 trừ đi dòng 41. Nhập kết quả vào đây và trên dòng 4

Dòng 35– Hàng tồn kho đầu năm

Nếu bạn là một thương gia, hàng tồn kho đầu kỳ là giá vốn của hàng hóa có sẵn vào đầu năm mà bạn sẽ bán cho khách hàng. Nếu bạn là chủ xí nghiệp hoặc nhà sản xuất, hàng tồn kho đầu kỳ bao gồm tổng chi phí của nguyên vật liệu thô, bán thành phẩm, thành phẩm cùng với nguyên liệu và vật tư được sử dụng để sản xuất hàng hóa (xem [Hàng tồn kho](#) trong chương 2).

Hàng tồn kho đầu kỳ thường sẽ giống với hàng tồn kho cuối kỳ của năm trước. Bạn phải giải thích bất kỳ mức chênh lệch nào trong một bảng được đính kèm cùng tờ khai thuế của mình.

Tặng biểu hàng tồn kho. Nếu bạn đóng góp hàng tồn kho (tài sản mà bạn bán trong quá trình kinh doanh của mình), số tiền bạn có thể yêu cầu như một khoản khấu trừ đóng góp sẽ là giá trị nhỏ hơn giữa giá cả phải chăng trên thị trường của nó vào ngày bạn đóng góp và trị giá cơ bản của nó. Giá gốc của hàng tồn kho được tặng biểu là bất kỳ chi phí nào phát sinh cho hàng tồn kho trong một năm trước đó mà nếu không tặng biểu sẽ được bạn tính vào hàng tồn kho đầu kỳ của mình cho năm đóng góp. Bạn phải loại bỏ số tiền khấu trừ đóng góp của mình khỏi hàng tồn kho đầu kỳ của mình. Nó không phải là một phần của giá vốn hàng bán.

Nếu chi phí của hàng tồn kho được tặng biểu không được tính vào hàng tồn kho đầu kỳ của bạn, thì trị giá cơ bản của hàng tồn kho là bằng 0, đồng thời bạn không thể yêu cầu khoản khấu trừ đóng góp từ thiện. Xử lý chi phí của hàng tồn kho như cách bạn thường xử lý theo phương pháp kế toán của mình. Ví dụ như gộp giá mua của hàng tồn kho được mua và tặng biểu trong cùng một năm vào giá vốn hàng bán của năm đó.

Một quy tắc đặc biệt có thể áp dụng cho một số hoạt động tặng biểu hàng tồn kho là thực phẩm. Xem Ấn phẩm 526, Đóng góp từ thiện.

Ví dụ 1. Bạn là người đóng thuế theo niên lịch sử dụng phương pháp kế toán tích lũy. Vào năm 2025, bạn đã đóng góp tài sản từ hàng tồn kho cho một nhà thờ. Tài sản đó có giá cả phải chăng trên thị trường là \$600. Hàng tồn kho cuối kỳ vào cuối năm 2024 đã bao gồm đúng \$400 chi phí mua tài sản đó, đồng thời vào năm 2024, bạn đã khấu trừ hợp lý \$50 chi phí quản lý và các chi phí khác có liên quan đến tài sản đó dưới dạng chi phí kinh doanh. Khoản đóng góp từ thiện được cho phép cho năm 2025 là \$400 (\$600 - \$200). \$200 là số tiền sẽ trở thành thu nhập thông thường nếu bạn đã bán hàng tồn kho đóng góp đó theo giá cả phải chăng trên thị trường vào ngày diễn ra việc tặng quà. Giá vốn hàng bán mà bạn sử dụng để xác định tổng thu nhập cho năm 2025 không được bao gồm khoản tiền \$400 này. Bạn loại bỏ số tiền đó khỏi hàng tồn kho đầu kỳ cho năm 2025.

Ví dụ 2. Nếu, trong [Ví dụ 1](#), bạn mua tài sản đã đóng góp vào năm 2025 với chi phí \$400, bạn sẽ bao gồm chi phí \$400 của tài sản này khi tính giá vốn hàng bán cho năm 2025, một khoản loại trừ thu nhập tương đương, và khấu trừ \$50 chi phí hành chính và những chi phí khác có liên quan đến tài sản này cho năm đó. Bạn sẽ không được phép yêu cầu bất kỳ khoản khấu trừ đóng góp từ thiện nào cho tài sản đã đóng góp.

Dòng 36—Chi phí mua hàng trừ đi chi phí các mặt hàng được rút lại để sử dụng cho mục đích cá nhân

Nếu bạn là thương gia, sử dụng chi phí của tất cả hàng hóa bạn đã mua để bán. Nếu bạn là chủ xí nghiệp hoặc nhà sản xuất, chi phí này bao gồm chi phí của tất cả các nguyên vật liệu thô hoặc các bộ phận được mua để sản xuất ra một sản phẩm hoàn chỉnh.

Chiết khấu thương mại. Sự chênh lệch giữa giá được nêu của các mặt hàng với giá thực tế bạn phải trả cho chúng được gọi là chiết khấu thương mại. Bạn phải sử dụng giá mà bản thân phải trả (không phải giá được nêu) để xác định chi phí mua hàng của mình. Không trình bày số tiền chiết khấu một cách riêng biệt như một khoản trong tổng thu nhập.

Một người buôn bán xe hơi phải ghi lại chi phí của một chiếc xe hơi tồn kho sau khi trừ đi bất kỳ khoản tiền hoàn lại nào của nhà sản xuất mà là chiết khấu thương mại.

Chiết khấu tiền mặt. Chiết khấu tiền mặt là số tiền mà nhà cung cấp của bạn cho phép bạn khấu trừ vào hóa đơn mua hàng của mình khi bạn trả tiền sớm. Có hai phương pháp kế toán đối với chiết khấu tiền mặt. Bạn có thể ghi có chúng vào một tài khoản chiết khấu riêng biệt hoặc khấu trừ chúng vào tổng chi phí mua hàng trong năm. Cho dù sử dụng phương pháp nào, bạn phải nhất quán. Nếu muốn thay đổi phương pháp tính toán chi phí hàng tồn kho, bạn phải nộp Mẫu 3115. Để biết thêm thông tin, xem [Thay đổi phương pháp kế toán](#) trong chương 2.

Nếu ghi có chiết khấu tiền mặt vào một tài khoản riêng, bạn phải tính số dư có này vào thu nhập kinh doanh của mình vào cuối niên thuế. Nếu bạn sử dụng phương pháp này, không trừ các khoản chiết khấu tiền mặt vào giá vốn hàng bán của bạn.

Hàng trả lại và khoản giảm giá khi mua. Bạn phải khấu trừ tất cả hàng trả lại và khoản giảm giá khi mua vào tổng số tiền mua hàng của mình trong năm.

Hàng hóa rút lại không bán. Nếu rút lại hàng hóa để sử dụng cho mục đích cá nhân hoặc gia đình, bạn phải loại trừ chi phí này khỏi tổng chi phí cho hàng hóa bạn đã mua để bán. Thực hiện điều này bằng cách ghi có vào tài khoản mua hàng hoặc bán hàng với chi phí cho hàng hóa mà bạn rút lại để sử dụng cho mục đích cá nhân. Bạn cũng phải tính số tiền này vào tài khoản rút tiền của mình.

Tài khoản rút tiền là một tài khoản riêng biệt mà bạn nên nắm giữ để ghi chép thu nhập kinh doanh mà bản thân rút ra để thanh toán cho các chi phí cá nhân và gia đình. Như đã nêu ở trên, bạn cũng sử dụng nó để ghi chép việc rút lại hàng hóa cho mục đích cá nhân hoặc gia đình. Tài khoản này còn được gọi là tài khoản rút tiền hoặc tài khoản cá nhân.

Dòng 37—Chi phí lao động

Chi phí lao động thường là một phần trong giá vốn hàng bán, nhưng điều này chỉ đúng trong doanh nghiệp sản xuất hoặc khai thác mỏ. Tiểu thương (bán buôn, bán lẻ, v.v.) thường không có chi phí lao động mà có thể được tính vào giá vốn hàng bán một cách hợp lý. Trong một doanh nghiệp sản xuất, chi phí lao động được phân bổ một cách hợp lý vào giá vốn hàng bán bao gồm cả lao động trực tiếp và lao động gián tiếp được sử dụng để chế tạo nguyên vật liệu thô thành sản phẩm hoàn chỉnh và có thể bán được.

Lao động trực tiếp. Chi phí lao động trực tiếp là lương bổng bạn trả cho những nhân viên toàn thời gian làm việc trực tiếp trên sản phẩm đang được sản xuất. Những chi phí này cũng bao gồm một phần lương bổng bạn trả cho nhân viên bán thời gian làm việc trực tiếp trên sản phẩm nếu bạn có thể xác định được phần lương bổng đó của họ.

Lao động gián tiếp. Chi phí lao động gián tiếp là lương bổng bạn trả cho nhân viên thực hiện một chức năng phổ thông của nhà máy vốn không có bất kỳ mối liên hệ trực tiếp hoặc tức thời nào với việc tạo ra sản phẩm có thể bán được, nhưng là một phần cần thiết của quá trình sản xuất.

Lao động khác. Các chi phí lao động khác không được tính vào giá vốn hàng bán có thể được trừ vào chi phí bán hàng hoặc chi phí quản lý doanh nghiệp. Thông thường, các loại chi phí lao động duy nhất có thể được tính hợp lý vào giá vốn hàng bán của bạn là chi phí lao động trực tiếp hoặc gián tiếp và một số chi phí khác mà được coi là chi phí chung được tính hợp lý vào quy trình sản xuất như đã được thảo luận tại [Dòng 39, Các chi phí khác](#).

Dòng 38—Nguyên liệu và vật tư

Nguyên liệu và vật tư, chẳng hạn như phần cứng và hóa chất, được sử dụng trong sản xuất hàng hóa được tính vào giá vốn hàng bán. Những thứ không được sử dụng trong quá trình sản xuất được coi là khoản phí trả chậm. Bạn khấu trừ chúng như một chi phí kinh doanh khi sử dụng chúng. Chi phí kinh doanh được thảo luận trong [Chương 8](#).

Dòng 39–Các chi phí khác

Dưới đây là ví dụ về các chi phí khác phát sinh trong quá trình sản xuất hoặc khai thác mỏ mà bạn tính vào giá vốn hàng bán của mình.

Hộp đựng. Những hộp đựng và bao bì vốn là một bộ phận cấu thành của sản phẩm được sản xuất ra chiếm một phần trong giá vốn hàng bán của bạn. Nếu chúng không phải là một bộ phận cấu thành của sản phẩm được sản xuất, thì chi phí của chúng là chi phí vận chuyển hoặc chi phí bán hàng.

Chi phí vận chuyển hàng mua. Chi phí vận chuyển, chuyển phát nhanh và chuyển phát đường bộ đối với nguyên liệu thô và vật tư bạn sử dụng trong sản xuất cũng như hàng hóa bạn mua để bán đều là một phần của giá vốn hàng bán.

Chi phí chung. Chi phí chung bao gồm các chi phí như tiền thuê, sưởi ấm, ánh sáng, điện, bảo hiểm, khấu hao, thuế, bảo trì, lao động và giám sát. Những chi phí chung bạn phải trả như chi phí trực tiếp và cần thiết của hoạt động sản xuất được tính vào giá vốn hàng bán của bạn.

Dòng 40–Tổng từ dòng 35 đến dòng 39

Tổng từ dòng 35 đến dòng 39 là giá vốn hàng bán của hàng hóa có sẵn để bán trong năm.

Dòng 41–Hàng tồn kho cuối năm

Lấy giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ của bạn (tính cả các phần có thể phân bổ của chi phí nguyên liệu và vật tư, lao động trực tiếp và chi phí chung nếu thích hợp) trừ vào dòng 40. Hàng tồn kho cuối năm còn được gọi là hàng tồn kho cuối kỳ. Hàng tồn kho cuối kỳ của bạn thường sẽ trở thành hàng tồn kho đầu kỳ trong niên thuế tiếp theo.

Dòng 42–Giá vốn hàng bán

Khi bạn lấy hàng tồn kho cuối kỳ (hàng tồn kho cuối năm) trừ vào giá vốn hàng bán có sẵn để bán, hiệu của phép tính này là giá vốn hàng bán của bạn trong niên thuế.

7.

Tính toán tổng lợi nhuận

Giới thiệu

Sau khi đã tính toán doanh thu gộp từ hoạt động kinh doanh của mình ([chương 5](#)) và giá vốn hàng bán ([chương 6](#)), bạn đã sẵn sàng để tính toán tổng lợi nhuận của mình. Bạn phải xác định lợi nhuận gộp trước khi có thể khấu trừ bất kỳ chi phí kinh doanh nào. Những chi phí này được thảo luận trong [chương 8](#).

Hoạt động kinh doanh bán sản phẩm. Tính lợi nhuận gộp của bạn bằng cách tính toán doanh thu thuần trước tiên. Tính toán doanh thu thuần (dòng 3) trong Bảng C (Mẫu 1040) bằng cách trừ đi bất kỳ hàng trả lại và khoản giảm giá nào (dòng 2) từ doanh thu gộp (dòng 1). Hàng trả lại và khoản giảm giá bao gồm các khoản bồi hoàn bằng tiền mặt hoặc ghi có mà bạn thực hiện cho khách hàng, tiền hoàn lại và các khoản giảm giá khác ngoài giá bán thực tế.

Tiếp theo, trừ giá vốn hàng bán (dòng 4) vào doanh thu thuần (dòng 3). Kết quả là lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh của bạn.

Hoạt động kinh doanh bán dịch vụ. Bạn không phải tính giá vốn hàng bán nếu việc bán hàng hóa không phải là yếu tố tạo ra thu nhập cho doanh nghiệp của bạn. Lợi nhuận gộp của bạn tương đương với doanh thu thuần (doanh thu gộp trừ đi bất kỳ khoản hoàn trả, tiền hoàn lại hay khoản giảm giá khác nào). Hầu hết các ngành nghề và hoạt động kinh doanh bán dịch vụ chứ không phải sản phẩm có thể tính toán lợi nhuận gộp trực tiếp từ doanh thu thuần theo cách này.

Ví dụ minh họa. Ví dụ minh họa về phần tổng lợi nhuận có trong khai báo thu nhập của một doanh nghiệp bán lẻ trình bày cách tính tổng lợi nhuận.

Báo cáo thu nhập kết thúc năm vào ngày 31 tháng 12, 2025

Tổng doanh thu	\$400.000
Trừ đi: hàng trả lại và khoản giảm giá	14.940
Doanh thu thuần	\$385.060
Trừ đi: giá vốn hàng bán	288.140
Tổng lợi nhuận	\$96.920

Giá vốn hàng bán của doanh nghiệp này được tính như sau.

Hàng tồn kho đầu năm	\$37.845
Cộng với: chi phí mua hàng	\$285.900
Trừ đi: các mặt hàng được rút lại để sử dụng cho mục đích cá nhân	2.650
Hàng hóa có sẵn để bán	\$321.095
Trừ đi: hàng tồn kho cuối năm	32.955
Giá vốn hàng bán	\$288.140

Các mục cần kiểm tra

Xem xét các mục sau đây trước khi tính toán lợi nhuận gộp của bạn.

Doanh thu gộp. Vào cuối mỗi ngày hoạt động kinh doanh, bảo đảm rằng sổ sách của bạn cân bằng với các khoản thu bằng tiền mặt và được ghi có thực tế trong ngày. Bạn có thể thấy hữu ích khi sử dụng máy tính tiền để theo dõi các khoản thu. Bạn cũng nên sử dụng hệ thống lập hóa đơn phù hợp và nắm giữ một tài khoản ngân hàng riêng cho doanh nghiệp của mình.

Thuế tiêu thụ đã thu. Kiểm tra để bảo đảm rằng văn kiện của bạn biểu diễn đúng khoản thuế tiêu thụ đã thu.

Nếu thu thuế tiêu thụ của tiểu bang và địa phương áp dụng cho bạn với tư cách là người bán hàng hóa hoặc dịch vụ từ

người mua, bạn phải bao gồm số tiền thu được trong doanh thu gộp.

Nếu được yêu cầu thu thuế của tiểu bang và địa phương áp dụng cho người mua và chuyển chúng cho chính phủ tiểu bang hoặc địa phương, bạn thường không tính những khoản này vào thu nhập.

Hàng tồn kho đầu năm. So sánh con số này với hàng tồn kho cuối kỳ của năm trước. Hai con số này thường phải giống nhau.

Chi phí mua hàng. Nếu bạn lấy bất kỳ mặt hàng nào trong kho để sử dụng cho mục đích cá nhân của mình (sử dụng cho bản thân, cung cấp cho gia đình hoặc làm quà tặng cá nhân, v.v.), bảo đảm loại bỏ chúng khỏi giá vốn hàng bán. Để nắm được chi tiết về cách điều chỉnh giá vốn hàng bán, xem [Hàng hóa rút lại không bán](#) trong chương 6.

Hàng tồn kho cuối năm. Kiểm tra để bảo đảm rằng những thủ tục của bạn kiểm kê hàng tồn kho là đầy đủ. Những thủ tục này phải bảo đảm tất cả các mặt hàng đã được tính vào hàng tồn kho và các kỹ thuật định giá phù hợp đã được sử dụng.

Sử dụng mẫu đơn cho hàng tồn kho và giấy cuộn máy cộng làm bằng chứng duy nhất cho hàng tồn kho của bạn. Mẫu đơn cho hàng tồn kho có sẵn tại các cửa hàng cung cấp thiết bị văn phòng. Các mẫu đơn này có các cột để ghi chép mô tả, số lượng, đơn giá và giá trị của từng mặt hàng tồn kho. Mỗi trang đều có khoảng trống để ghi lại ai là người thực hiện kiểm kê, người định giá các mặt hàng, người thực hiện phép tính nhân số lượng và đơn giá và người đã hiệu đính các phép tính. Các mẫu đơn này sẽ giúp bạn xác minh việc tổng chi phí cho hàng tồn kho được tính toán là chính xác. Chúng cũng sẽ cung cấp cho bạn một văn kiện bền vững nhằm củng cố giá trị pháp lý của nó.

[Hàng tồn kho](#) được thảo luận trong chương 2.

Kiểm tra độ chính xác của tổng lợi nhuận

Nếu đang kinh doanh bán lẻ hoặc bán buôn, bạn có thể kiểm tra tính chính xác của việc tính toán tổng lợi nhuận của mình. Đầu tiên, chia tổng lợi nhuận cho doanh thu thuần. Tỷ lệ phần trăm thu được là thước đo mức chênh lệch trung bình giữa giá vốn hàng bán và giá bán.

Tiếp theo, so sánh tỷ lệ phần trăm này với chính sách định mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của bạn. Việc không có chênh lệch hoặc có sự chênh lệch nhỏ giữa hai tỷ lệ phần trăm này cho thấy rằng con số tổng lợi nhuận của bạn là chính xác. Mức chênh lệch lớn giữa các tỷ lệ phần trăm này có thể cho thấy rằng bạn đã không tính toán chính xác doanh số bán hàng, chi phí mua hàng, hàng tồn kho hoặc các hạng mục chi phí khác. Bạn nên xác định lý do cho sự chênh lệch đó.

Ví dụ. Bạn điều hành một doanh nghiệp bán lẻ. Trung bình, bạn ấy định mức giá bán cao hơn giá vốn của hàng hóa sao cho tổng lợi nhuận thực nhận là 33¹/₃% doanh số bán hàng. Doanh thu thuần (tổng doanh thu trừ đi khoản hàng trả lại và khoản giảm giá) được thể hiện trên khai báo thu nhập của bạn là \$300.000. Giá vốn hàng bán của bạn là \$200.000. Điều này dẫn đến tổng lợi nhuận là \$100.000 (\$300.000 – \$200.000). Để kiểm tra độ chính xác của kết quả năm nay, bạn chia tổng

lợi nhuận (\$100.000) cho doanh thu thuần (300.000 đô la). Kết quả là 33¹/₃% xác nhận mức phần trăm định mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn là 33¹/₃% của bạn là chính xác.

Các khoản bổ sung vào tổng lợi nhuận

Nếu doanh nghiệp của bạn có thu nhập từ một nguồn khác với hoạt động kinh doanh thông thường của nó, nhập khoản thu nhập đó vào dòng 6 của Bảng C (Mẫu 1040) và cộng nó vào tổng lợi nhuận. Kết quả là tổng thu nhập kinh doanh. Một số ví dụ bao gồm thu nhập từ tài khoản séc trả lãi, thu nhập từ bán phế liệu, thu nhập từ một số khoản tín thuế và hoàn thuế nhiên liệu, cũng như số tiền được thu hồi từ các khoản nợ xấu.

8.

Chi phí kinh doanh

Giới thiệu

Bạn có thể khấu trừ chi phí điều hành hoạt động kinh doanh của mình. Những chi phí này được gọi là chi phí kinh doanh. Đây là những chi phí mà bạn không phải vốn hóa hoặc tính vào giá vốn hàng bán nhưng có thể khấu trừ trong năm hiện tại.

Để được khấu trừ, một khoản chi phí kinh doanh phải là cần thiết theo thông lệ. Một khoản chi phí thông thường là một khoản chi phổ biến và được chấp nhận trong lĩnh vực kinh doanh của bạn. Một khoản chi phí cần thiết là một khoản chi hữu ích và phù hợp với doanh nghiệp của bạn. Một khoản chi không nhất thiết phải mang tính bắt buộc để được coi là cần thiết.

Để biết thêm thông tin về các quy tắc chung cho việc khấu trừ chi phí kinh doanh, xem đoạn 162 và các quy định.



Nếu bạn có một khoản chi mà một phần của nó được dành cho hoạt động kinh doanh và một phần cho mục đích cá nhân, tách phần chi cho mục đích cá nhân ra khỏi phần kinh doanh. Phần chi phí cá nhân thông thường không được khấu trừ.

Các mục hữu ích

Bạn có thể muốn xem:

Ấn phẩm

- ☐ **463** Chi phí đi lại, quà tặng, và xe hơi
- ☐ **946** Cách khấu hao tài sản

Xem [chương 12](#) để nắm được thông tin về việc nhận các ấn phẩm và mẫu đơn.

Nợ xấu

Nếu có người nợ bạn một khoản tiền mà bạn không thể truy thu, bạn có một khoản nợ xấu. Có hai loại nợ xấu — nợ xấu kinh doanh và nợ xấu phi kinh doanh.

Nợ xấu kinh doanh nói chung là một khoản nợ đến từ hoạt động thương mại hay kinh doanh của bạn. Bạn có thể khấu trừ các khoản nợ xấu kinh doanh như một khoản chi phí trên tờ khai thuế kinh doanh của mình.

Nợ kinh doanh xấu. Một khoản nợ kinh doanh xấu là khoản lỗ phát sinh từ sự vô giá trị của một trong hai khoản nợ dưới đây.

1. Được tạo ra hoặc mua lại trong quá trình kinh doanh của bạn.
2. Liên quan mật thiết đến hoạt động kinh doanh của bạn tại thời điểm nó trở nên vô giá trị một phần hoặc toàn bộ.

Một khoản nợ có liên quan mật thiết đến hoạt động kinh doanh của bạn nếu động cơ chính khiến bạn phát sinh khoản nợ là một lý do về kinh doanh.

Nợ xấu kinh doanh chủ yếu là kết quả của việc bán chịu cho khách hàng. Nợ xấu kinh doanh cũng có thể là kết quả của các khoản vay cho nhà cung cấp, khách hàng, nhân viên hoặc nhà phân phối. Hàng hóa và dịch vụ mà khách hàng chưa thanh toán được trình bày trong sổ sách của bạn dưới dạng khoản phải thu hoặc thương phiếu phải thu. Nếu bạn không thể truy thu bất kỳ phần nào của những khoản phải thu hoặc thương phiếu phải thu này, phần không thể truy thu được là nợ xấu kinh doanh.



Bạn có thể khấu trừ khoản nợ xấu cho những khoản phải thu và thương phiếu phải thu này chỉ khi số tiền nợ được tính vào tổng thu nhập của bạn cho năm yêu cầu khấu trừ hoặc cho một năm trước đó.

Phương pháp tích lũy. Nếu sử dụng phương pháp kế toán tích lũy, thông thường bạn sẽ khai báo thu nhập khi kiểm được nó. Bạn có thể khấu trừ nợ xấu cho một khoản phải thu không thể thu hồi nếu đã gộp số tiền không thể truy thu vào thu nhập.

Phương pháp tiền mặt. Nếu sử dụng phương pháp chi thu bằng tiền mặt, bạn thường khai báo thu nhập khi nhận được khoản thanh toán. Bạn không thể khấu trừ nợ xấu cho những khoản nợ chưa nhận được và không thể truy thu nếu bạn chưa bao giờ tính những khoản đó vào thu nhập.

Các khoản nợ từ một doanh nghiệp cũ. Nếu bạn bán doanh nghiệp của mình nhưng vẫn giữ lại các khoản phải thu, những khoản nợ này là các khoản nợ kinh doanh vì chúng phát sinh từ thương mại hoặc kinh doanh của bạn. Nếu bất kỳ khoản phải thu nào sau đó trở nên vô giá trị, khoản lỗ vẫn là một khoản nợ kinh doanh xấu.

Nợ có được từ một người quá cố. Đặc tính của một khoản lỗ từ các khoản nợ của một doanh nghiệp có được từ người quá cố được xác định theo cách tương tự như các khoản nợ có được khi mua một doanh nghiệp. Người thi hành di sản của người quá cố coi bất kỳ tổn thất nào từ các khoản nợ như một khoản nợ kinh doanh xấu nếu các khoản nợ có

liên quan chặt chẽ đến thương mại hoặc kinh doanh của người quá cố khi chúng trở nên vô giá trị. Nếu không, một khoản lỗ từ những khoản nợ này sẽ trở thành một khoản nợ phi kinh doanh xấu đối với di sản của người quá cố.

Thanh lý. Nếu bạn thanh lý doanh nghiệp của mình và một số khoản phải thu mà bạn giữ lại trở nên vô giá trị, chúng sẽ bị coi là nợ kinh doanh xấu.

Các loại nợ kinh doanh xấu

Các khoản nợ kinh doanh xấu có thể là kết quả của những điều sau đây.

Cho khách hàng và nhà cung cấp vay. Nếu bạn vay tiền cho khách hàng, nhà cung cấp, nhân viên hoặc nhà phân phối vì lý do kinh doanh và bạn không thể thu khoản vay sau khi cố gắng làm như vậy, bạn có một khoản nợ kinh doanh xấu.

Các khoản nợ của các đảng chính trị. Nếu một đảng chính trị (hoặc tổ chức khác chấp nhận đóng góp hoặc chi tiền để ảnh hưởng đến bầu cử) nợ bạn tiền và khoản nợ trở nên vô giá trị, bạn chỉ có thể yêu cầu khấu trừ nợ xấu nếu tất cả các yêu cầu sau đây được đáp ứng.

1. Bạn sử dụng một phương pháp kế toán tích lũy.
2. Khoản nợ phát sinh từ việc bán hàng hóa hoặc dịch vụ trong quá trình thương mại hoặc kinh doanh thông thường của bạn.
3. Hơn 30% các khoản phải thu của bạn tích lũy trong năm bán là từ việc bán hàng cho các đảng chính trị.
4. Bạn đã thực hiện những nỗ lực đáng kể và liên tục để thu nợ.

Cho vay hoặc góp vốn. Bạn không thể yêu cầu khấu trừ nợ xấu cho khoản vay bạn đã thực hiện cho một công ty nếu, dựa trên thực tế và hoàn cảnh, khoản vay thực sự là một khoản đóng góp vào vốn.

Các khoản nợ của một đối tác mất khả năng thanh toán. Nếu đối tác kinh doanh của bạn tan vỡ và một trong những đối tác cũ của bạn mất khả năng thanh toán, bạn có thể phải trả nhiều hơn phần tỷ lệ phần nợ của đối tác. Nếu bạn trả bất kỳ phần nào trong phần nợ của đối tác mất khả năng thanh toán, bạn có thể yêu cầu khấu trừ nợ xấu cho số tiền bạn đã trả được quy cho phần của đối tác mất khả năng thanh toán.

Bảo lãnh cho vay kinh doanh. Nếu bạn đảm bảo một khoản nợ sau đó trở nên vô giá trị, khoản nợ có thể đủ điều kiện là nợ kinh doanh xấu nếu tất cả các yêu cầu sau đây được đáp ứng.

- Bạn đã đảm bảo trong quá trình giao dịch hoặc kinh doanh của bạn.
- Bạn có nghĩa vụ pháp lý để trả nợ.
- Bạn đã thực hiện bảo lãnh trước khi khoản nợ trở nên vô giá trị. Bạn đáp ứng yêu cầu này nếu bạn mong đợi một cách hợp lý rằng bạn sẽ không phải trả nợ mà không hoàn trả đầy đủ từ người vay.
- Bạn đã nhận được sự cân nhắc hợp lý để thực hiện bảo lãnh. Bạn đáp ứng yêu cầu này nếu bạn thực hiện bảo

lãnh theo thông lệ kinh doanh thông thường hoặc vì mục đích kinh doanh thiện chí.

Ví dụ. Finley Zayne sở hữu Công ty Dress Zayne. Finley đảm bảo thanh toán \$20.000 giấy nợ cho Elegant Fashions, một cửa hàng bán váy. Elegant Fashions là một trong những khách hàng lớn nhất của công ty. Elegant Fashions sau đó đã vỡ nợ khoản vay. Kết quả là, Finley đã trả toàn bộ số nợ còn lại của khoản vay cho ngân hàng.

Finley có thể yêu cầu khấu trừ nợ kinh doanh xấu chỉ cho số tiền Finley đã trả vì khoản bảo lãnh ấy được thực hiện trong quá trình giao dịch hoặc kinh doanh của Finley vì mục đích kinh doanh thiện chí. Finley được thúc đẩy bởi sự mong muốn giữ lại một trong những khách hàng tốt hơn của Finley và giữ một cửa hàng bán hàng.

Khấu trừ trong năm trả. Nếu bạn thực hiện thanh toán cho khoản vay mà bạn đảm bảo, bạn có thể khấu trừ nó trong năm được trả, trừ khi bạn có quyền đối với người vay.

Quyền đối với người vay. Khi bạn thanh toán cho khoản vay mà bạn đảm bảo, bạn có thể có quyền thay thế cho người cho vay. Số tiền được nợ sau đó là thuộc về bạn. Nếu bạn có quyền này, hoặc một số quyền khác để yêu cầu thanh toán từ người vay, bạn không thể yêu cầu khấu trừ nợ xấu cho đến khi các quyền này trở nên vô giá trị một phần hoặc hoàn toàn.

Nợ chung. Nếu hai hoặc nhiều người nợ cùng nợ bạn tiền, việc bạn không thể thu tiền từ một người nợ không cho phép bạn khấu trừ một số tiền tương xứng như một khoản nợ xấu.

Bán tài sản thế chấp. Nếu tài sản thế chấp hoặc cầm cố được bán với giá thấp hơn nợ, số dư chưa thanh toán, không thể thu được của khoản nợ là một khoản nợ xấu.

Khi một khoản nợ trở nên vô giá trị

Một khoản nợ trở nên vô giá trị khi không còn cơ hội số tiền nợ sẽ được thanh toán. Điều này có thể xảy ra vào ngày nợ đến hạn hoặc trước ngày đó.

Để chứng minh sự vô giá trị, bạn chỉ phải chứng minh rằng bạn đã thực hiện các bước hợp lý để thu nợ nhưng không thể làm như vậy.

Tài sản nhận được thế nợ. Nếu bạn nhận được tài sản để giải quyết một phần nợ, giảm nợ bằng giá thị trường của tài sản, nó trở thành giá gốc của tài sản. Bạn có thể khấu trừ khoản nợ còn lại như một khoản nợ xấu nếu và khi nó trở nên vô giá trị.

Nếu sau đó bạn bán tài sản với giá cao hơn giá gốc của nó, bất kỳ lợi nhuận nào từ việc bán là do sự đánh giá cao của tài sản. Nó không phải là việc thu hồi một khoản nợ xấu. Để biết thông tin về việc bán tài sản, xem Ấn phẩm 544.

Cách để kê khai một khoản nợ kinh doanh xấu

Có hai cách để kê khai một khoản nợ kinh doanh xấu.

- Phương pháp xóa sổ cụ thể.
- Phương pháp kinh nghiệm/không tích lũy.

Thông thường, bạn phải sử dụng phương pháp xóa sổ cụ thể. Tuy nhiên, bạn có thể sử dụng phương pháp kinh nghiệm/không tích lũy nếu bạn đáp ứng các yêu cầu thảo luận sau dưới phần [Phương pháp kinh nghiệm/không tích lũy](#).

Phương pháp xóa sổ cụ thể. Nếu bạn sử dụng phương pháp xóa sổ cụ thể, bạn có thể khấu trừ các khoản nợ kinh doanh xấu cụ thể trở nên vô giá trị một phần hoặc hoàn toàn trong năm tính thuế. Tuy nhiên, đối với các khoản nợ xấu không có giá trị một phần, khoản khấu trừ của bạn được giới hạn ở số tiền bạn đã tính vào sổ sách của mình trong năm.

Một phần nợ vô giá trị. Bạn có thể khấu trừ các khoản nợ xấu cụ thể mà một phần không thể thu được trong năm tính thuế. Khoản khấu trừ thuế của bạn được giới hạn ở số tiền bạn tính vào sổ sách của mình trong năm. Bạn không cần phải xóa sổ và khấu trừ các khoản nợ vô giá trị của mình hàng năm. Bạn có thể trì hoãn việc xóa sổ cho đến một năm sau đó. Tuy nhiên, bạn không thể khấu trừ bất kỳ phần nào của khoản nợ sau năm nó trở nên hoàn toàn vô giá trị.

Có hai quy tắc liên quan đến các khoản nợ được xóa sổ cần xem xét:

- **Nợ được điều chỉnh đáng kể.** Một ngoại lệ đối với quy tắc xóa sổ tồn tại đối với khoản nợ đã được điều chỉnh đáng kể và chủ sở hữu đã ghi nhận lợi nhuận. Để biết thêm thông tin, xem Quy định đoạn 1.166-3(a)(3).
- **Khấu trừ không được phép.** Thông thường, bạn có thể yêu cầu khấu trừ một phần nợ xấu chỉ trong năm bạn thực hiện xóa sổ trên sổ sách của mình. Nếu, trong quá trình kiểm xét, IRS không cho phép bạn khấu trừ và khoản nợ trở nên vô giá trị một phần trong một năm tính thuế sau đó, bạn có thể khấu trừ số tiền bạn đã tính trong năm đó cộng với số tiền không được phép được tính trong năm trước đó. Khoản xóa sổ trong năm trước đó, trừ khi được đảo lại trên sổ sách của bạn, đáp ứng yêu cầu xóa sổ cho năm sau đó.

Những khoản nợ hoàn toàn vô giá trị Nếu một khoản nợ trở nên hoàn toàn vô giá trị trong năm tính thuế hiện tại, bạn có thể khấu trừ toàn bộ số tiền trừ đi bất kỳ khoản nào được khấu trừ trong năm thuế trước đó khi khoản nợ chỉ vô giá trị một phần.

Bạn không cần phải thực hiện xóa sổ thực tế trên sổ sách của mình để yêu cầu khấu trừ nợ xấu cho một khoản nợ hoàn toàn vô giá trị. Tuy nhiên, bạn có thể muốn làm như vậy. Nếu bạn không làm như vậy và IRS sau đó quy định rằng khoản nợ chỉ vô giá trị một phần, bạn sẽ không được phép khấu trừ cho khoản nợ trong năm tính thuế đó vì việc khấu trừ một khoản nợ xấu không có giá trị một phần được giới hạn trong số tiền thực sự được tính. Xem [Một phần nợ vô giá trị](#), trước đó.

Nộp đơn yêu cầu hoàn tiền. Nếu bạn không khấu trừ một khoản nợ xấu trên tờ khai ban đầu của mình cho năm mà nó trở nên vô giá trị, bạn có thể nộp đơn yêu cầu tín thuế hoặc hoàn tiền. Nếu khoản nợ xấu hoàn toàn vô giá trị, bạn phải nộp đơn yêu cầu trước cuối những ngày sau.

- 7 năm kể từ ngày khai thuế ban đầu của bạn đến hạn (không bao gồm gia hạn).
- 2 năm kể từ ngày bạn trả tiền thuế.

Nếu yêu cầu cho một khoản nợ xấu không có giá trị một phần, bạn phải nộp đơn yêu cầu trước cuối những ngày sau.

- 3 năm kể từ ngày bạn nộp tờ khai ban đầu.
- 2 năm kể từ ngày bạn trả tiền thuế.

Bạn có thể có nhiều thời gian hơn để nộp đơn yêu cầu nếu bạn không thể quản lý các vấn đề tài chính của mình do khiếm khuyết về thể chất hoặc tinh thần. Sự suy giảm như vậy đòi hỏi bằng chứng về sự tồn tại.

Để biết chi tiết và thêm thông tin về việc nộp đơn yêu cầu, xem Ấn phẩm 556. Sử dụng một trong các mẫu sau để nộp yêu cầu. Để biết thêm thông tin, xem hướng dẫn cho mẫu áp dụng.

Bảng 8-1. Các mẫu được sử dụng để nộp yêu cầu

Nếu bạn khai thuế như một...	THì nộp...
doanh nghiệp cá thể hoặc nông dân	Mẫu 1040-X.
công ty cổ phần	Mẫu 1120-X.
công ty cổ phần S	Mẫu 1120-S và đánh dấu ô H (4).
hợp danh	Mẫu 1065-X nếu nộp bằng giấy hoặc Mẫu 1065 và đánh dấu ô G (5) nếu nộp bằng điện tử.

Phương pháp kinh nghiệm/không tích lũy

Thông thường, một người sử dụng kế toán tích lũy không bắt buộc phải tích lũy khoản phải thu do dịch vụ cung cấp mà kinh nghiệm cho thấy sẽ không thu được nếu:

- Dịch vụ được cung cấp là y tế, luật, kỹ thuật, kiến trúc, kế toán, khoa học tính toán, nghệ thuật biểu diễn hoặc tư vấn; hoặc
- Tổng thu nhập trung bình hàng năm của người đó cho tất cả các kỳ 3 năm thuế trước đó không vượt quá \$31 triệu (điều chỉnh cho lạm phát).

Xem đoạn 448 để biết chi tiết và ngoại lệ.

Phục hồi một khoản nợ xấu

Nếu bạn yêu cầu khấu trừ cho một khoản nợ xấu trên tờ khai thuế thu nhập của bạn và sau đó phục hồi (thu) toàn bộ hoặc một phần của khoản nợ đó, bạn có thể phải bao gồm tất cả hoặc một phần khoản phục hồi trong tổng thu nhập. Số tiền bạn bao gồm được giới hạn trong số tiền bạn thực sự khấu trừ. Tuy nhiên, bạn có thể loại trừ số tiền được khấu trừ mà không làm giảm thuế của bạn. Khai báo sự phục hồi dưới dạng “Thu nhập khác” trên mẫu đơn hoặc bảng kê khai doanh nghiệp thích hợp.

Xem *Recoveries (Phục hồi)* trong Ấn phẩm 525 để biết thêm thông tin.

NOL chuyển tiếp. Nếu khoản khấu trừ nợ xấu làm tăng NOL chuyển tiếp chưa hết hạn trước khi bắt đầu năm tính thuế mà việc thu hồi diễn ra, bạn coi khoản khấu trừ là đã giảm thuế của bạn. Khoản khấu trừ nợ xấu góp phần vào NOL giúp giảm

thuế trong năm mà bạn chuyển tiếp NOL. Để biết thêm thông tin về NOL cho cá nhân, xem Hướng dẫn cho Mẫu 172.

Thêm thông tin. Để biết thêm thông tin về các khoản nợ kinh doanh xấu, xem đoạn 166 và các quy định của nó.

Nợ phi kinh doanh xấu

Tất cả các khoản nợ xấu khác là nợ phi kinh doanh xấu và được khấu trừ dưới dạng lỗ vốn ngắn hạn trên Mẫu 8949 và Bảng D (Mẫu 1040). Để biết thêm thông tin về các khoản nợ phi kinh doanh xấu, xem đoạn 166 và các quy định của nó.

Chi phí xe hơi và xe tải

Nếu sử dụng xe hơi hoặc xe tải trong hoạt động kinh doanh của mình, bạn có thể được khấu trừ chi phí vận hành và bảo dưỡng xe. Bạn cũng có thể khấu trừ chi phí vận tải địa phương cũng như chi phí công tác xa nhà qua đêm khác.

Chi phí vận tải địa phương. Chi phí vận tải địa phương bao gồm những chi phí cần thiết theo thông lệ cho tất cả các hoạt động sau.

- Di chuyển từ nơi làm việc này đến nơi làm việc khác trong quá trình hoạt động kinh doanh hoặc làm việc khi đi lại trong phạm vi thành phố hoặc khu vực là nơi chọn để khai thuế của bạn. Nơi chọn để khai thuế được định nghĩa ở phần sau.
- Gặp mặt khách hàng hoặc người tiêu dùng.
- Đi lại để tham dự những cuộc họp kinh doanh ở xa nơi làm việc thường ngày của bạn.
- Đi từ nhà đến nơi làm việc tạm thời khi bạn có một hoặc nhiều nơi làm việc thường ngày. Những nơi làm việc tạm thời này có thể nằm trong hoặc nằm ngoài phạm vi nơi chọn để khai thuế của bạn.

Chi phí vận tải kinh doanh địa phương không bao gồm các chi phí phát sinh khi đi công tác xa nhà qua đêm. Những chi phí đó được khấu trừ như chi phí đi lại và được thảo luận ở phần sau trong mục [Đi lại và ăn uống](#). Tuy nhiên, nếu bạn sử dụng xe hơi khi đi công tác xa nhà qua đêm, sử dụng các quy tắc trong phần này để tính khoản khấu trừ chi phí xe hơi của mình.

Thông thường, nơi chọn để khai thuế là địa điểm kinh doanh thường ngày của bạn, bất kể nơi ở của gia đình bạn ở đâu. Nơi chọn để khai thuế bao gồm toàn bộ thành phố hoặc khu vực nói chung mà doanh nghiệp hoặc cơ quan của bạn đặt trụ sở.

Ví dụ. Bạn vận hành hoạt động kinh doanh in ấn tại một không gian văn phòng đi thuê. Bạn sử dụng xe van của mình để vận chuyển thành phẩm tới khách hàng. Bạn có thể khấu trừ chi phí vận chuyển khứ hồi giữa khách hàng và cửa hàng in ấn của mình.



Bạn không thể khấu trừ chi phí di chuyển giữa nhà ở với nơi làm việc chính hoặc thường ngày của mình bằng xe hơi hoặc xe tải. Những chi phí này là chi phí đi lại giữa nhà và nơi làm việc của riêng cá nhân. Tuy nhiên, bạn vẫn có thể được khấu trừ lãi trả cho khoản vay mua ô tô ngay cả khi sử dụng mức khấu trừ theo số dặm tiêu chuẩn. Xem [Lãi xe ô tô](#), ở phần sau.

Văn phòng tại nhà. Nơi làm việc có thể là nhà của bạn nếu bạn có một văn phòng trong nhà hội đủ điều kiện làm trụ sở chính cho hoạt động kinh doanh của mình. Để biết thêm thông tin, xem [Sử dụng nhà ở cho mục đích kinh doanh](#) ở phần sau.

Ví dụ. Bạn là một nhà thiết kế đồ họa. Bạn vận hành hoạt động kinh doanh có phạm vi nằm ngoài ngôi nhà của mình. Nhà của bạn hội đủ điều kiện làm trụ sở chính của một cơ sở kinh doanh. Đôi khi bạn phải lái xe để giao thành phẩm của mình cho khách hàng. Bạn có thể khấu trừ chi phí vận chuyển khứ hồi từ nhà ở đến khách hàng của mình.

Phương pháp khấu trừ chi phí xe hơi và xe tải

Đối với vận tải địa phương hoặc đi công tác qua đêm bằng xe hơi hoặc xe tải, bạn thường có thể sử dụng một trong các phương pháp sau để tính toán chi phí của mình.

- Mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường.
- Chi phí thực tế.

Mức vận phí tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường. Bạn có thể sử dụng mức vận phí tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường để tính chi phí được khấu trừ khi di chuyển bằng xe hơi, xe van, xe bán tải hoặc xe tải của mình cho mục đích kinh doanh. Mức vận phí tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường cho việc kinh doanh cho năm 2025 là 70 xu một dặm.



Nếu chọn sử dụng mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường trong một năm, bạn không thể khấu trừ chi phí thực tế của mình cho năm đó ngoại trừ phí đậu xe và lệ phí xa lộ có liên quan đến việc kinh doanh.

Lựa chọn mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường. Nếu muốn sử dụng mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường cho một chiếc xe hơi hoặc xe tải mà bản thân sở hữu, bạn phải chọn sử dụng mức đó trong năm đầu tiên chiếc xe đó có thể dùng trong hoạt động kinh doanh của mình. Trong những năm sau đó, bạn có thể chọn sử dụng mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường hoặc chi phí thực tế.

Nếu chọn sử dụng mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường cho một chiếc xe hơi mà bản thân thuê, bạn phải sử dụng nó cho toàn bộ thời gian thuê (bao gồm cả gia hạn).

Mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường không được cho phép. Không thể sử dụng mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường nếu bạn:

1. Vận hành 5 xe hơi trở lên cùng một lúc;
2. Đã yêu cầu một khoản khấu trừ khấu hao bằng cách sử dụng bất kỳ phương pháp nào khác ngoài phương pháp khấu hao đường thẳng, ví dụ như Hệ thống Phục hồi chi

phí tăng tốc (ACRS) hoặc Hệ thống Phục hồi giá tăng cao được sửa đổi (MACRS);

3. Đã yêu cầu một khoản khấu trừ theo đoạn 179 cho chiếc xe đó;
4. Đã yêu cầu khoản phụ cấp khấu hao đặc biệt cho chiếc xe đó;
5. Đã kê khai chi phí xe hơi thực tế cho một chiếc xe mà mình thuê; hoặc
6. Là một người đưa thư vùng nông thôn đã nhận được một khoản hoàn trả đủ điều kiện.

Lãi xe ô tô. Bạn có thể được khấu trừ khoản lãi đã trả cho khoản vay mua xe ngay cả khi bạn sử dụng mức khấu trừ theo số dặm tiêu chuẩn. Xem [Lãi vay mua ô tô](#), ở phần sau.

Phí đậu xe và lệ phí xa lộ. Ngoài việc sử dụng mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường, bạn có thể khấu trừ bất kỳ khoản phí đậu xe và lệ phí xa lộ nào liên quan đến việc kinh doanh. (Khoản phí bạn trả để đậu xe tại nơi làm việc là chi phí đi lại giữa nhà và nơi làm việc không được khấu trừ.)

Chi phí thực tế. Nếu không chọn sử dụng mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường, bạn có thể được khấu trừ chi phí thực tế cho xe hơi hoặc xe tải của mình.



Nếu bạn hội đủ điều kiện để sử dụng cả hai phương pháp, tính khoản khấu trừ của mình theo cả hai cách để xem cách nào mang lại khoản khấu trừ lớn hơn.

Chi phí xe hơi thực tế bao gồm chi phí cho các khoản sau đây.

Khấu hao	Tiền thuê	Đăng kiểm
Thuê ga-ra để xe	Giấy phép	Sửa chữa
Xăng	Dầu	Lốp xe
Bảo hiểm	Phí đậu xe	Lệ phí xa lộ

Nếu sử dụng phương tiện của mình cho cả mục đích kinh doanh và mục đích cá nhân, bạn phải phân chia chi phí của mình giữa hai mục đích sử dụng trên. Bạn có thể phân chia chi phí của mình dựa trên số dặm đường đã lái cho từng mục đích.

Ví dụ. Bạn là chủ sở hữu duy nhất của một cửa hàng hoa. Bạn đã lái chiếc xe van của mình 20.000 dặm trong năm. 16.000 dặm dành cho việc giao hoa cho khách hàng và 4.000 dặm dành cho mục đích cá nhân (bao gồm cả số dặm đi lại giữa nhà và nơi làm việc). Bạn chỉ có thể kê khai 80% (16.000 ÷ 20.000) chi phí vận hành xe van của mình như một chi phí kinh doanh.

Thêm thông tin. Để biết thêm thông tin về các quy tắc khi kê khai chi phí xe hơi và xe tải, xem Ấn phẩm 463. Xem [Lãi vay mua ô tô](#), ở phần sau.

Hoàn trả chi phí cho nhân viên của bạn

Thông thường, bạn có thể khấu trừ số tiền mà bản thân hoàn trả cho nhân viên của mình đối với chi phí xe hơi và xe tải. Khoản hoàn trả mà bạn khấu trừ và cách thức khấu trừ phụ thuộc một phần vào việc bạn hoàn trả các chi phí theo chương trình trách nhiệm hay chương trình không chịu trách nhiệm. Để biết thêm chi tiết, xem Ấn phẩm 15. Ấn phẩm này giải thích các

chương trình trách nhiệm cũng như chương trình không chịu trách nhiệm và cho bạn biết liệu có nên khai các khoản hoàn trả trong Mẫu W-2 của nhân viên của mình hay không.

Khấu hao

Nếu tài sản mà bạn mua để sử dụng trong hoạt động kinh doanh của mình được dự kiến sẽ tồn tại hơn 1 năm, bạn thường không thể khấu trừ toàn bộ chi phí như một khoản chi phí kinh doanh trong năm bạn mua tài sản đó. Bạn phải dàn trải chi phí trong hơn 1 niên thuế và khấu trừ một phần chi phí đó mỗi năm trong Bảng C (Mẫu 1040). Phương pháp khấu trừ giá trị tài sản kinh doanh này được gọi là khấu hao.

Sau đây là một cái nhìn tổng quan ngắn gọn. Bạn sẽ tìm thấy thêm thông tin về khấu hao trong Ấn phẩm 946.

Những tài sản nào có thể được khấu hao? Bạn có thể khấu hao tài sản nếu nó đáp ứng tất cả các yêu cầu sau.

- Tài sản đó phải thuộc sở hữu của bạn.
- Tài sản đó phải được sử dụng trong hoạt động kinh doanh hoặc được nắm giữ để tạo ra thu nhập. Bạn không bao giờ có thể khấu hao hàng tồn kho (đã được giải thích trong [chương 2](#)) vì nó không được nắm giữ để sử dụng trong hoạt động kinh doanh của bạn.
- Tài sản đó phải có thời gian sử dụng kéo dài đáng kể sau năm được đưa vào sử dụng.
- Tài sản đó phải có thời gian sử dụng có thể xác định, có nghĩa là tài sản này phải là thứ có khả năng bị hao mòn, mục nát, bị sử dụng hết, trở nên lỗi thời hoặc mất giá trị do các nguyên nhân tự nhiên. Bạn không bao giờ có thể khấu hao giá đất vì đất không bị hao mòn, lỗi thời hoặc bị sử dụng đến kiệt quệ.
- Tài sản đó không phải là tài sản bị loại trừ. Mục này bao gồm tài sản được đưa vào sử dụng và được thanh lý trong cùng một năm.

Sửa chữa. Thông thường, bạn không khấu hao chi phí sửa chữa hoặc bảo trì nếu những chi phí này không cải tiến tài sản của bạn. Thay vào đó, bạn khấu trừ những số tiền này ở dòng 21 của Bảng C (Mẫu 1040). Chi phí cải tiến là số tiền được trả cho những cải tiến đối với tài sản, phục hồi tài sản hoặc công việc khiến tài sản của bạn trở nên phù hợp với mục đích sử dụng mới hoặc khác.

Lựa chọn vốn hóa chi phí sửa chữa và bảo trì, với điều kiện chúng không cải tiến tài sản của bạn. Bạn có thể đưa ra lựa chọn coi một số sửa chữa hoặc thay thế nhất định trong hoạt động thương mại hay kinh doanh của mình là những cải tiến phải khấu hao. Lựa chọn này có thể được thực hiện nếu bạn coi số tiền này là khoản chi cho đầu tư dài hạn trên sổ sách và hồ sơ thường xuyên được sử dụng để tính toán thu nhập và chi phí của mình.

Phương pháp khấu hao. Phương pháp áp dụng cho việc khấu hao hầu hết các tài sản đầu tư và kinh doanh được đưa vào sử dụng sau năm 1986 được gọi là Hệ thống Phục hồi giá tăng cao được sửa đổi (MACRS). MACRS được thảo luận chi tiết trong Ấn phẩm 946.

Khoản khấu trừ theo đoạn 179. Bạn có thể lựa chọn khấu trừ một số tiền có hạn mức đối với giá cả của một tài sản phải khấu hao trong năm bạn đưa tài sản này vào sử dụng. Khoản khấu trừ này được gọi là khoản khấu trừ theo đoạn 179. Số tiền tối đa bạn có thể chọn để khấu trừ trong năm 2025 thường là \$2.500.000.

Hạn mức này thường được trừ đi số tiền dư ra khi chi phí của tài sản được đưa vào sử dụng trong niên thuế vượt quá \$4.000.000. Tổng số tiền khấu hao (bao gồm khoản khấu trừ theo đoạn 179) mà bạn có thể tính cho một chiếc xe ô-tô chở khách sử dụng trong hoạt động kinh doanh của mình và đưa vào sử dụng lần đầu tiên vào năm 2025 là \$12.200 (\$20.200 nếu bạn tính cả phụ cấp khấu hao đặc biệt cho những chiếc xe ô-tô chở khách đủ điều kiện được đưa vào phục vụ năm 2025). Các quy tắc đặc biệt áp dụng cho xe tải và xe van. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 946. Ấn phẩm này giải thích tài sản nào đủ điều kiện để được khấu trừ, những hạn mức nào áp dụng cho khoản khấu trừ, cũng như khi nào và làm cách nào để thu hồi khoản khấu trừ.



Lựa chọn theo đoạn 179 của bạn cho chi phí của xe thể thao đa dụng (SUV) và một số loại xe khác được giới hạn ở mức \$31.300. Để biết thêm thông tin, xem Hướng dẫn cho Mẫu 4562 hoặc Ấn phẩm 946.

Tài sản được liệt kê. Bạn phải tuân theo các quy tắc và những yêu cầu về sổ sách kế toán đặc biệt khi khấu hao tài sản được liệt kê. Tài sản được liệt kê bao gồm bất kỳ mục nào sau đây.

- Hầu hết các loại xe ô-tô chở khách.
- Hầu hết những tài sản được sử dụng vào việc vận chuyển khác.
- Bất kỳ tài sản nào thường được sử dụng vào việc giải trí, vui chơi hoặc tiêu khiển.

Để biết thêm thông tin về tài sản được liệt kê, xem Ấn phẩm 946.

Mẫu 4562. Sử dụng Mẫu 4562, Khấu Hao Tài Sản Cố Định Hữu Hình và Khấu Hao Tài Sản Cố Định Vô Hình, nếu bạn yêu cầu bất kỳ khoản nào dưới đây.

- Khoản khấu hao đối với tài sản được đưa vào sử dụng trong niên thuế hiện hành.
- Một khoản khấu trừ theo đoạn 179.
- Khoản khấu hao đối với bất kỳ tài sản được liệt kê nào (bất kể thời điểm nó được đưa vào sử dụng).

Khoản chi trả cho nhân viên

Bạn thường có thể khấu trừ trong Bảng C (Mẫu 1040) khoản chi trả mà bạn chi trả cho nhân viên của mình đối với những dịch vụ mà họ đã thực hiện cho doanh nghiệp. Khoản chi trả có thể bằng tiền mặt, tài sản hoặc dịch vụ.

Để được khấu trừ, khoản chi trả cho nhân viên của bạn phải là một khoản chi phí cần thiết theo thông lệ, đồng thời bạn phải chi trả hoặc phải chịu khoản chi trả đó trong niên thuế. Ngoài ra, khoản chi trả phải đáp ứng cả hai điều kiện sau đây.

- Khoản chi trả phải hợp lý.

- Khoản chi trả phải là cho những dịch vụ đã thực hiện.

Bạn không thể khấu trừ lương bổng của chính mình hoặc bất kỳ khoản rút tiền nào từ hoạt động kinh doanh của mình cho mục đích cá nhân. Với tư cách là doanh nghiệp cá thể, bạn không phải là nhân viên của doanh nghiệp.

Các hình thức chi trả. Một số cách bạn có thể chi trả cho nhân viên của mình được liệt kê dưới đây.

- Phần thưởng.
- Tiền thưởng.
- Chi phí giáo dục.
- Quyền lợi phụ (được thảo luận ở phần sau).
- Các khoản cho vay hoặc ứng trước mà bạn không mong đợi nhân viên sẽ trả lại nếu chúng được dành cho các dịch vụ cá nhân đã thực sự được thực hiện.
- Tài sản bạn chuyển giao cho một nhân viên như một khoản chi trả cho các dịch vụ.
- Các khoản hoàn trả cho chi phí công việc của nhân viên.
- Tiền lương trả khi nghỉ bệnh.
- Tiền lương nghỉ phép.

Quyền lợi phụ. Quyền lợi phụ là một hình thức chi trả cho việc thực hiện dịch vụ. Sau đây là những ví dụ về quyền lợi phụ.

- Những quyền lợi được hưởng theo các chương trình quyền lợi của nhân viên đủ điều kiện.
- Bữa ăn và chỗ ở.
- Sử dụng một chiếc xe hơi.
- Các chuyến bay.
- Giảm giá tài sản hoặc dịch vụ.

Các chương trình quyền lợi của nhân viên bao gồm những mục sau đây.

- Gói bảo hiểm y tế và tai nạn.
- Hỗ trợ nhận con nuôi.
- Chương trình phúc lợi tự chọn “cafeteria”.
- Hỗ trợ chăm sóc người phụ thuộc.
- Hỗ trợ giáo dục.
- Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn.
- Quỹ trợ cấp phúc lợi.

Thông thường, bạn có thể khấu trừ chi phí của những quyền lợi phụ mà bản thân cung cấp trong Bảng C (Mẫu 1040) bất kể chi phí này thuộc loại nào. Ví dụ như, nếu bạn cho phép nhân viên sử dụng xe hơi hoặc tài sản khác mà bản thân thuê, khấu trừ giá thuê dưới dạng chi phí thuê. Nếu bạn sở hữu tài sản, bao gồm khoản khấu trừ cho nguyên giá hoặc trị giá cơ bản khác của tài sản đó như một khoản khấu trừ theo đoạn 179 hoặc khoản khấu trừ khấu hao.

TIP *Bạn có thể loại trừ khỏi lương bổng của nhân viên tất cả hoặc một phần những quyền lợi phụ mà bản thân cung cấp. Để biết thêm thông tin về quyền lợi phụ và loại trừ quyền lợi, xem Ấn phẩm 15-B.*

Bảo hiểm

Thông thường, bạn có thể khấu trừ phí mua bảo hiểm mà bạn thanh toán cho các loại bảo hiểm liên quan đến doanh nghiệp của mình dưới đây.

1. Bảo hiểm hỏa hoạn, trộm cắp, lũ lụt, hoặc các loại bảo hiểm tương tự.
2. Bảo hiểm tín dụng bao gồm lỗi từ nợ xấu kinh doanh.
3. Bảo hiểm y tế và khám chữa bệnh tập thể cho nhân viên, bao gồm cả bảo hiểm chăm sóc dài hạn.
4. Bảo hiểm trách nhiệm.
5. Bảo hiểm rủi ro nghề nghiệp bao gồm trách nhiệm cá nhân của bạn đối với sơ suất nghề nghiệp dẫn đến thương tích hoặc thiệt hại cho bệnh nhân hoặc khách hàng.
6. Khoản bảo hiểm bồi thường cho người lao động do luật pháp ở tiểu bang quy định bảo hiểm cho bất kỳ yêu cầu bồi thường nào đối với thương tích cơ thể hoặc bệnh tật liên quan đến công việc mà nhân viên trong doanh nghiệp của bạn phải chịu, bất kể sai sót dẫn đến sự cố là gì.
7. Các khoản đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp của tiểu bang được khấu trừ dưới dạng thuế nếu chúng được coi là thuế theo luật tiểu bang.
8. Khoản bảo hiểm tổng thể trả cho những chi phí chung trong kinh doanh mà bạn phải chịu trong thời gian dài bị thương tật do ốm đau hoặc thương tích.
9. Khoản bảo hiểm xe hơi và các phương tiện khác bảo hiểm cho các phương tiện được sử dụng trong hoạt động kinh doanh của bạn trước trách nhiệm pháp lý, thiệt hại và những lỗi khác. Nếu bạn sử dụng một phương tiện một phần cho mục đích cá nhân, chỉ khấu trừ phần phí mua bảo hiểm tương ứng với việc sử dụng xe cho mục đích kinh doanh. Nếu sử dụng mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường để tính toán chi phí xe hơi của mình, bạn không thể khấu trừ bất kỳ khoản phí mua bảo hiểm xe hơi nào.
10. Bảo hiểm nhân thọ dành cho nhân viên nếu bạn không phải trực tiếp hoặc gián tiếp là người thụ hưởng theo hợp đồng.
11. Bảo hiểm gián đoạn kinh doanh thanh toán cho lợi nhuận bị mất nếu doanh nghiệp của bạn buộc phải ngừng hoạt động do hỏa hoạn hoặc nguyên nhân khác.

Phí mua bảo hiểm không được khấu trừ. Bạn không thể khấu trừ phí mua bảo hiểm cho các loại bảo hiểm sau đây.

1. Quỹ dự phòng tự bảo hiểm. Bạn không thể khấu trừ số tiền được ghi có vào khoản dự phòng được thiết lập cho mục đích tự bảo hiểm. Điều này được áp dụng ngay cả khi bạn không thể nhận được bảo hiểm kinh doanh cho một số rủi ro kinh doanh. Tuy nhiên, các lỗi thực tế của bạn có thể được khấu trừ. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 547.
2. Mất thu nhập. Bạn không thể khấu trừ phí mua bảo hiểm cho một hợp đồng thanh toán cho khoản thu nhập bị mất

của bản thân do ốm đau hoặc thương tật. Tuy nhiên, xem mục 8 trong danh sách trước.

3. Một số bảo hiểm nhân thọ và niên kim.

- Đối với các hợp đồng được ban hành trước ngày 9 tháng 6, 1997, bạn không thể khấu trừ phí mua bảo hiểm vào hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của bản thân hoặc nhân viên hay bất kỳ người nào có quyền lợi tài chính trong doanh nghiệp của mình nếu bạn trực tiếp hoặc gián tiếp là người thụ hưởng hợp đồng đó. Bạn có khả năng nằm trong số những người thụ hưởng hợp đồng nếu chủ sở hữu hợp đồng có nghĩa vụ hoàn trả khoản vay từ bạn bằng số tiền thu được từ hợp đồng. Một người có quyền lợi tài chính trong doanh nghiệp của bạn nếu người đó là chủ sở hữu hay người đồng sở hữu của doanh nghiệp hoặc đã cho doanh nghiệp vay tiền.
 - Đối với các hợp đồng được ban hành sau ngày 8 tháng 6, 1997, bạn thường không được khấu trừ phí mua bảo hiểm trên bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp hoặc hợp đồng bảo hiểm niên kim nếu bản thân trực tiếp hoặc gián tiếp là người thụ hưởng. Việc bác bỏ được áp dụng mà không liên quan đến đối tượng của hợp đồng.
4. Bảo hiểm đảm bảo khoản vay. Nếu ký một hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho bản thân hoặc một người khác với quyền lợi tài chính trong doanh nghiệp để nhận hoặc bảo đảm một khoản vay kinh doanh, bạn không thể khấu trừ phí mua bảo hiểm dưới dạng chi phí kinh doanh. Bạn cũng không thể khấu trừ phí mua bảo hiểm dưới dạng tiền lãi của các khoản vay kinh doanh hoặc chi phí của các khoản vay tài trợ. Trong trường hợp qua đời, số tiền thu được từ hợp đồng không bị đánh thuế như thu nhập ngay cả khi chúng được sử dụng để thanh lý khoản nợ.

Khoản khấu trừ bảo hiểm y tế tự kinh doanh. Bạn có thể khấu trừ số tiền đã thanh toán cho bảo hiểm y tế và nha khoa cũng như bảo hiểm chăm sóc dài hạn đủ điều kiện cho bản thân và gia đình.

Cách tính khoản khấu trừ. Thông thường, bạn có thể sử dụng tờ lược toán trong Hướng dẫn cho Mẫu 1040 để tính khoản khấu trừ của mình. Tuy nhiên, nếu bất kỳ điều nào dưới đây được áp dụng, bạn phải sử dụng Mẫu 7206.

- Bạn có nhiều hơn một nguồn thu nhập phải chịu thuế tự kinh doanh.
- Bạn đã nộp Mẫu 2555 (liên quan đến thu nhập kiếm được ở nước ngoài).
- Bạn đang sử dụng số tiền đã trả cho bảo hiểm chăm sóc dài hạn đủ điều kiện để tính toán khoản khấu trừ.

Xem Mẫu 8962 và hướng dẫn riêng của mẫu và dùng Ấn phẩm 974 nếu chương trình bảo hiểm mà được xác lập, hoặc được coi là đã được xác lập, trong hoạt động kinh doanh của bạn được tiếp nhận thông qua Thị Trường Bảo Hiểm Sức Khỏe, đồng thời bạn đang yêu cầu tín thuế bảo phí.

Trả trước. Bạn không thể khấu trừ trước các chi phí trả trước, ngay cả khi đã trả trước. Quy tắc này được áp dụng cho bất kỳ khoản chi phí nào được thanh toán trước đủ sớm để, về cơ

bản, tạo ra một tài sản có thời gian sử dụng kéo dài đáng kể sau khi kết thúc niên thuế hiện hành.

Ví dụ. Năm 2025, bạn ký hợp đồng bảo hiểm 3 năm. Mặc dù đã đóng phí mua bảo hiểm cho các năm 2025, 2026 và 2027 khi ký hợp đồng, nhưng bạn chỉ có thể khấu trừ phí mua bảo hiểm cho năm 2025 trên tờ khai thuế năm 2025 của mình. Bạn có thể khấu trừ vào năm 2026 và 2027 phí mua bảo hiểm được dùng cho những năm đó.

Tiền lãi

Thông thường, bạn có thể khấu trừ dưới dạng chi phí kinh doanh một số hoặc tất cả tiền lãi mà bản thân thanh toán hoặc tích lũy trong niên thuế đối với các khoản nợ liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình. Tiền lãi liên quan đến hoạt động kinh doanh của bạn nếu bạn sử dụng khoản vay để thanh toán chi phí kinh doanh. Không quan trọng khoản vay đó được đảm bảo bởi loại tài sản nào. Bạn chỉ có thể khấu trừ tiền lãi của một khoản nợ nếu đáp ứng tất cả các yêu cầu sau.

- Bạn phải chịu trách nhiệm pháp lý về khoản nợ đó.
- Cả bạn và người cho vay tiền đều có ý định rằng khoản nợ phải được trả.
- Bạn và người cho vay thực sự có mối quan hệ bên vay-bên cho vay.

Một số người đóng thuế được yêu cầu giới hạn khoản khấu trừ chi phí tiền lãi kinh doanh của họ. Đối với các năm tính thuế bắt đầu từ năm 2025, việc tính toán thu nhập chịu thuế đã điều chỉnh bao gồm yêu cầu cộng thêm vào thu nhập chịu thuế các khoản khấu hao, trả dần và hao mòn để có được số tiền được sử dụng để xác định xem chi phí lãi vay của bạn có bị giới hạn hay không. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 8990 để xác định xem liệu bạn có được yêu cầu giới hạn khoản khấu trừ chi phí tiền lãi kinh doanh của mình hay không, ai được yêu cầu nộp Mẫu 8990 và cách một số doanh nghiệp có thể lựa chọn không giới hạn chi phí tiền lãi kinh doanh.

Khoản vay cá nhân. Bạn không thể khấu trừ trên Bảng C (Mẫu 1040) tiền lãi đã trả cho khoản vay cá nhân. Nếu khoản vay vừa mang tính chất kinh doanh vừa mang tính chất cá nhân, bạn phải chia tiền lãi giữa phần vay cá nhân và phần vay kinh doanh.

Lãi vay mua ô tô. Nếu bạn là người tự kinh doanh và sử dụng xe của mình cho công việc kinh doanh, bạn có thể khấu trừ phần tiền lãi tương ứng với việc sử dụng xe cho mục đích kinh doanh trên Bảng C (Mẫu 1040). Ngoài ra, bạn cũng có thể được khấu trừ phần tiền lãi tương ứng với việc sử dụng xe cho mục đích cá nhân trên Bảng 1-A (Mẫu 1040) như lãi vay mua xe đủ điều kiện. Nếu bạn sử dụng xe cho cả mục đích kinh doanh và cá nhân, và bạn yêu cầu khấu trừ vào năm 2025 trên Bảng 1-A (Mẫu 1040) cho lãi vay mua xe được phân bổ cho mục đích sử dụng cá nhân, thì bạn không thể yêu cầu khấu trừ cho cùng một khoản tiền lãi đó trên Bảng C (Mẫu 1040). Xem Hướng dẫn cho Bảng 1-A (Mẫu 1040), được bao gồm trong Hướng dẫn cho Mẫu 1040, để biết thêm thông tin.

Ví dụ. Vào năm 2025, bạn đã trả \$600 tiền lãi cho một khoản vay mua xe hơi. Trong năm 2025, bạn đã sử dụng chiếc xe với tỉ lệ 60% cho mục đích kinh doanh và 40% cho mục đích

cá nhân. Bạn đang kê khai chi phí thực tế cho chiếc xe. Bạn có thể khấu trừ \$360 (60% (0,60) × \$600) cho năm 2025 trên Bảng C (Mẫu 1040) (hoặc nếu khoản lãi này cũng là lãi vay mua xe ô tô đủ điều kiện, thì ghi vào Bảng 1-A). Số tiền lãi \$240 còn lại có thể được khấu trừ như lãi vay mua xe ô tô đủ điều kiện trên Bảng 1-A (Mẫu 1040). Xem [Lãi xe ô tô](#), ở phần trước.

Thêm thông tin. Các mục bổ sung cần xem xét được hiển thị bên dưới.

- Cách phân bổ tiền lãi giữa mục đích cá nhân và mục đích kinh doanh.
- Giới hạn tiền lãi kinh doanh.
- Thời điểm khấu trừ tiền lãi.
- Các quy tắc cho khoản vay có lãi suất thấp hơn so với thị trường. (Đây thường là một khoản cho vay không lãi suất hoặc có lãi suất với tỷ lệ thấp hơn lãi suất liên bang hiện hành.)

Chi phí pháp lý và chi phí dịch vụ chuyên môn

Chi phí pháp lý và chi phí dịch vụ chuyên môn, chẳng hạn như phí trả cho kế toán viên, là những chi phí cần thiết theo thông lệ liên quan trực tiếp đến việc vận hành hoạt động kinh doanh của bạn được khấu trừ trong Bảng C (Mẫu 1040). Tuy nhiên, bạn thường không thể khấu trừ các khoản chi phí pháp lý dành cho việc mua lại tài sản kinh doanh. Cộng các khoản phí này vào trị giá cơ bản của tài sản.

Nếu khoản phí bao gồm các khoản thanh toán cho công việc mang tính chất cá nhân (chẳng hạn như lập di chúc), bạn chỉ có thể khấu trừ như chi phí kinh doanh đối với phần của khoản phí có liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình.

Phí khai thuế. Bạn có thể khấu trừ trong Bảng C (Mẫu 1040) chi phí chuẩn bị phần đó trên tờ khai thuế liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình với tư cách là doanh nghiệp cá thể hoặc nhân viên pháp định.

Theo đoạn 62(a), bạn có thể khấu trừ các chi phí thông thường và cần thiết đã trả cho các nguồn công nghệ phần mềm kinh doanh để khai thuế, ví dụ như phần mềm khai thuế chuyên nghiệp, nếu chúng không được khấu hao hoặc ghi nhận là chi phí theo đoạn 179. Thời gian sử dụng không được vượt quá 1 năm. Chi phí này được khấu trừ nếu chỉ được sử dụng cho mục đích kinh doanh. Nếu được sử dụng cho cả mục đích cá nhân và kinh doanh, chỉ được khấu trừ phần mềm được sử dụng cho mục đích kinh doanh. Chi phí này được khai báo trên dòng 48, Bảng C (Mẫu 1040).

Bạn cũng có thể khấu trừ trong Bảng C (Mẫu 1040) số tiền phải trả hoặc phải chịu khi giải quyết số tiền thuế thiếu đã được xác nhận cho doanh nghiệp của mình với tư cách là doanh nghiệp cá thể hoặc nhân viên pháp định.

Chương trình hưu trí

Bạn có thể thiết lập và duy trì các chương trình hưu trí cho doanh nghiệp quy mô nhỏ dưới đây cho bản thân cũng như nhân viên của mình.

- Chương Trình SEP (Hưu trí nhân viên đơn giản).
- Chương Trình SIMPLE (Khuyến khích tiết kiệm tương ứng cho Nhân viên).
- Chương trình đủ điều kiện (bao gồm chương trình Keogh hoặc H.R. 10).

Chương trình SEP và SIMPLE cũng như chương trình đủ điều kiện cung cấp cho bạn và nhân viên của mình một phương thức được ưu đãi về thuế để tiết kiệm cho việc nghỉ hưu. Bạn có thể khấu trừ những khoản đóng góp của bản thân cho chương trình dành cho nhân viên của mình tại dòng 19 của Bảng C (Mẫu 1040). Nếu là doanh nghiệp cá thể, bạn có thể khấu trừ các khoản đóng góp của bản thân cho chương trình dành cho chính mình tại dòng 16 của Bảng 1 (Mẫu 1040). Bạn cũng có thể khấu trừ các khoản phí của người được ủy thác nếu chúng không được tính vào những khoản đóng góp cho chương trình. Thu nhập từ những khoản đóng góp thường được miễn thuế cho đến khi bạn hoặc nhân viên của bạn nhận được các khoản phân phối từ chương trình. Bạn cũng có thể yêu cầu một khoản tín thuế nếu khởi động một chương trình phúc lợi được xác định hoặc chương trình đóng góp được xác định đủ điều kiện (bao gồm chương trình 401(k)), chương trình SIMPLE hoặc chương trình SEP. Để biết chi tiết về khoản tín thuế này và các khoản tín thuế cho việc đăng ký tự động và sự tham gia của vợ/chồng trong quân đội, xem Mẫu 8881 và các hướng dẫn riêng của nó.

Theo một số chương trình nhất định, nhân viên có thể yêu cầu bạn đóng góp những khoản tiền có giới hạn mà là một phần trong số tiền chưa tính thuế mà họ trả cho một chương trình. Những số tiền này (và thu nhập từ chúng) thường được miễn thuế cho đến khi nhân viên của bạn nhận được khoản phân phối từ chương trình.

Để biết thêm thông tin về chương trình hưu trí cho doanh nghiệp nhỏ, xem Ấn phẩm 560.

TIP Ấn phẩm 590-A, Đóng góp vào Quỹ Hưu trí Cá nhân (IRA), thảo luận về những phương thức khác được ưu đãi về thuế để tiết kiệm cho thời kỳ nghỉ hưu.

Chi phí tiền thuê

Tiền thuê là bất kỳ số tiền nào bạn trả cho việc sử dụng tài sản mà bản thân không sở hữu. Thông thường, bạn chỉ có thể khấu trừ tiền thuê như một chi phí kinh doanh nếu khoản tiền thuê đó là cho tài sản bạn sử dụng trong hoạt động kinh doanh của mình. Nếu sở hữu tài sản hoặc sẽ nhận vốn sở hữu hay quyền sở hữu đối với tài sản đó, bạn không thể khấu trừ tiền thuê.

Tiền thuê không hợp lý. Bạn không thể khấu trừ tiền thuê cho những khoản tiền thuê không hợp lý. Thông thường, vấn đề về tính hợp lý chỉ nảy sinh khi bạn và người cho thuê có quan hệ liên quan với nhau. Khoản tiền thuê trả cho một người

có quan hệ liên quan là hợp lý nếu nó bằng với số tiền bạn sẽ trả cho một người lạ để sử dụng cùng một tài sản đó. Tiền thuê không được xem là không hợp lý chỉ vì nó được tính theo tỷ lệ phần trăm của doanh thu gộp.

Những người có quan hệ liên quan bao gồm các thành viên trong gia đình trực hệ, bao gồm anh chị em (cùng hoặc khác cha hoặc mẹ), vợ/chồng của bạn, bố mẹ, ông bà, cụ kị, và hậu duệ trực hệ của bạn. Để nắm được danh sách những người có quan hệ liên quan khác, xem đoạn 267 của Luật Thuế Vụ.

Tiền thuê nhà của chính bạn. Nếu thuê nhà và sử dụng một phần ngôi nhà của chính mình làm địa điểm kinh doanh, bạn có thể khấu trừ tiền thuê nhà phải trả cho phần đó. Bạn phải đáp ứng các yêu cầu của việc sử dụng nhà cho mục đích kinh doanh. Để biết thêm thông tin, xem [Sử dụng nhà cho mục đích kinh doanh](#) ở phần sau.

Tiền thuê trả trước. Thông thường, tiền thuê được thanh toán trong hoạt động kinh doanh của bạn được khấu trừ vào năm mà khoản tiền đó được trả hoặc tích lũy. Nếu trả trước tiền thuê, bạn chỉ có thể khấu trừ số tiền áp dụng cho việc sử dụng tài sản thuê của mình trong niên thuế. Bạn chỉ có thể khấu trừ phần còn lại của khoản thanh toán của mình trong khoảng thời gian áp dụng cho khoản tiền này.

Thuế

Bạn có thể khấu trừ trong Bảng C (Mẫu 1040) các loại thuế liên bang, tiểu bang, địa phương cũng như thuế đánh trên thu nhập kiếm được từ nước ngoài mà được gán trực tiếp cho hoạt động kinh doanh của mình.

Thuế thu nhập. Bạn có thể khấu trừ trong Bảng C (Mẫu 1040) một loại thuế của tiểu bang đối với tổng thu nhập (phân biệt với thu nhập ròng) được gán trực tiếp cho hoạt động kinh doanh của mình. Bạn có thể khấu trừ thuế thu nhập khác của tiểu bang và địa phương trong Bảng A (Mẫu 1040) nếu liệt kê các khoản khấu trừ của mình. Không khấu trừ thuế thu nhập liên bang.

Thuế việc làm. Bạn có thể khấu trừ các khoản thuế an sinh xã hội, thuế Medicare, và thuế FUTA mà bản thân đã thanh toán từ quỹ riêng của mình với tư cách là chủ lao động. Thuế lao động được thảo luận ngắn gọn trong [chương 1](#). Bạn cũng có thể khấu trừ các khoản thanh toán mà bản thân đã thực hiện với tư cách là chủ lao động vào quỹ bồi thường thất nghiệp của tiểu bang hoặc vào quỹ phúc lợi tàn tật của chương trình nghỉ phép có lương cho gia đình và y tế của tiểu bang. Xem Phán quyết Thuế vụ 2025-4 và Thông báo 2026-6 để biết thêm thông tin..

Thuế SE. Bạn có thể khấu trừ một nửa thuế tự kinh doanh của mình tại dòng 15 của Bảng 1 (Mẫu 1040). Thuế tự kinh doanh được thảo luận trong [chương 1](#) và [chương 10](#).

Thuế tài sản cá nhân. Bạn có thể khấu trừ trong Bảng C (Mẫu 1040) bất kỳ loại thuế nào do chính quyền tiểu bang hoặc địa phương áp đặt đối với tài sản cá nhân được sử dụng trong hoạt động kinh doanh của mình.

Bạn cũng có thể khấu trừ phí đăng ký quyền sử dụng tài sản trong phạm vi của một tiểu bang hoặc khu vực địa phương.

Ví dụ. Bạn và vợ/chồng bạn đã di chuyển 7.000 dặm bằng xe của bạn cho mục đích kinh doanh trên tổng số 10.000 dặm. Bạn và vợ/chồng bạn phải trả \$25 hàng năm cho biển số xe của tiểu bang và \$20 cho nhãn dán đăng kiểm của thành phố của mình. Bạn và vợ/chồng bạn cũng đã trả \$235 tiền thuế đánh trên giá trị của các loại động sản của thành phố cho chiếc xe, tổng cộng là \$280. Bạn và vợ/chồng bạn đang kê khai chi phí xe hơi thực tế của mình. Do đã sử dụng chiếc xe 70% cho mục đích kinh doanh, bạn và vợ/chồng bạn có thể khấu trừ 70% của \$280, tức là \$196, dưới dạng chi phí kinh doanh.

Thuế bất động sản. Bạn có thể khấu trừ trong Bảng C (Mẫu 1040) thuế bất động sản mà bạn thanh toán cho tài sản kinh doanh của mình. Thuế bất động sản có thể khấu trừ là bất kỳ khoản thuế nào của tiểu bang, địa phương hoặc thuế đánh trên thu nhập kiếm được từ nước ngoài áp dụng cho bất động sản được dành cho phúc lợi công nói chung. Cơ quan thuế phải định mức các loại thuế này một cách thống nhất trên cùng một tỉ lệ đối với mọi bất động sản thuộc thẩm quyền của mình đồng thời số tiền thu được phải dành cho những mục đích chung của cộng đồng hoặc chính phủ.

Thuế tiêu thụ. Coi bất kỳ khoản thuế tiêu thụ nào mà bạn phải trả cho một dịch vụ hoặc cho việc mua hay sử dụng tài sản như một phần chi phí của dịch vụ hoặc tài sản đó. Nếu dịch vụ hoặc chi phí hay việc sử dụng tài sản là một khoản chi phí kinh doanh có thể khấu trừ, bạn có thể khấu trừ thuế như một phần của dịch vụ hoặc chi phí đó. Nếu tài sản là hàng hóa được mua để bán lại, thuế tiêu thụ là một phần chi phí của hàng hóa đó. Nếu tài sản đó có thể khấu hao, cộng thuế tiêu thụ vào trị giá cơ bản để tính khấu hao. Để nắm được thông tin về trị giá cơ bản của tài sản, xem Ấn phẩm 551.



Không khấu trừ khoản thuế tiêu thụ của tiểu bang và địa phương được đánh vào người mua mà bạn phải truy thu và nộp cho tiểu bang hoặc chính quyền địa phương. Không tính các khoản thuế này vào doanh thu gộp hoặc tổng doanh thu bán hàng.

Thuế gián thu. Bạn có thể khấu trừ trong Bảng C (Mẫu 1040) tất cả những thuế gián thu mà là chi phí cần thiết theo thông lệ để triển khai hoạt động kinh doanh của mình. Thuế gián thu được thảo luận ngắn gọn trong [chương 1](#).

Thuế nhiên liệu. Thuế đánh vào xăng, dầu diezen và các nhiên liệu cho động cơ khác mà bạn sử dụng trong hoạt động kinh doanh của mình thường gộp vào như một phần của chi phí nhiên liệu. Không khấu trừ các khoản thuế này theo từng khoản riêng biệt.

Bạn có thể được trả một khoản tín dụng hoặc hoàn thuế cho thuế gián thu liên bang mà bản thân đã trả cho nhiên liệu được sử dụng cho một số mục đích cụ thể. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 510.

Đi lại và bữa ăn

Phần này giải thích ngắn gọn các loại chi phí đi lại và ăn uống mà bạn có thể khấu trừ trong Bảng C (Mẫu 1040).

Chi phí đi lại. Đây là những chi phí cần thiết theo thông lệ khi đi công tác xa nhà phục vụ cho hoạt động kinh doanh của bạn. Bạn được xem là đang đi công tác xa nhà nếu đáp ứng đủ cả hai điều kiện sau.

1. Nhiệm vụ của bạn yêu cầu bạn phải ở xa khu vực của nơi chọn để khai thuế của mình (được xác định ở phần sau) lâu hơn đáng kể so với một ngày làm việc bình thường.
2. Bạn cần ngủ hoặc nghỉ ngơi để đáp ứng nhu cầu công việc khi công tác xa nhà.

Thông thường, **nơi chọn để khai thuế** là địa điểm kinh doanh thường ngày của bạn, bất kể nơi ở của gia đình bạn ở đâu. Nơi chọn để khai thuế bao gồm toàn bộ thành phố hoặc khu vực lân cận mà doanh nghiệp của bạn đặt trụ sở. Xem Ấn phẩm 463 để biết thêm thông tin.

Dưới đây là một phần thảo luận ngắn gọn về các chi phí mà bạn có thể khấu trừ.

Vận tải. Bạn có thể khấu trừ chi phí đi lại bằng máy bay, tàu hỏa, xe buýt hoặc xe hơi giữa nhà và địa điểm hoạt động kinh doanh của mình.

Taxi, xe buýt đưa đón và xe limousine. Bạn có thể khấu trừ tiền vé cho những loại phương tiện này cũng như các loại khác khi di chuyển giữa sân bay hay nhà ga và khách sạn, hoặc giữa khách sạn và địa điểm làm việc xa nhà của mình.

Hành lý và vận chuyển. Bạn có thể khấu trừ chi phí vận chuyển hành lý và vật liệu mẫu hoặc vật liệu trưng bày giữa các địa điểm làm việc thường xuyên và tạm thời của mình.

Xe hơi hoặc xe tải. Bạn có thể khấu trừ chi phí vận hành và bảo dưỡng phương tiện khi đi công tác xa cho mục đích kinh doanh. Bạn có thể khấu trừ chi phí thực tế hoặc mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường (được thảo luận ở phần trước trong [Chi phí xe hơi và xe tải](#)), cũng như lệ phí xa lộ và đậu xe liên quan đến kinh doanh. Tuy nhiên, nếu bạn chọn mức phí theo số dặm tiêu chuẩn, bạn có thể được khấu trừ tiền lãi đã trả cho xe ô tô đủ điều kiện. Xem [Lãi xe ô tô](#), ở phần trước. Nếu thuê một chiếc xe hơi khi đi công tác xa nhà cho mục đích kinh doanh, bạn chỉ có thể khấu trừ phần chi phí sử dụng cho mục đích kinh doanh.

Bữa ăn và chỗ ở. Bạn có thể khấu trừ chi phí ăn uống và chỗ ở nếu chuyến công tác là qua đêm hoặc đủ dài mà bản thân cần dừng lại ngủ hoặc nghỉ ngơi để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Bạn có thể sử dụng chi phí thực tế hoặc phụ cấp ăn uống tiêu chuẩn để tính khoản khấu trừ của mình. Trong hầu hết các trường hợp, bạn chỉ có thể khấu trừ 50% chi phí ăn uống của mình.

Giặt là. Bạn có thể khấu trừ chi phí giặt khô và giặt ướt khi đi công tác.

Gọi điện thoại. Bạn có thể khấu trừ chi phí của các cuộc gọi mang tính chất công việc khi đang đi công tác, bao gồm cả việc liên lạc về công việc bằng máy fax hoặc các thiết bị liên lạc khác.

Tiền boa. Bạn có thể khấu trừ tiền boa bản thân phải trả cho bất kỳ khoản chi phí nào trong danh sách này.

Thêm thông tin. Để biết thêm thông tin về chi phí đi lại, xem Ấn phẩm 463.

Hoàn trả chi phí cho nhân viên của bạn. Thông thường, bạn có thể khấu trừ số tiền bản thân hoàn trả cho nhân viên của mình đối với chi phí đi lại và ăn uống. Khoản hoàn trả mà bạn khấu trừ và cách thức khấu trừ phụ thuộc một phần vào việc bạn hoàn trả các chi phí theo chương trình trách nhiệm hay chương trình không chịu trách nhiệm. Để biết thêm chi tiết, xem Ấn phẩm 15. Ấn phẩm này giải thích các chương trình trách nhiệm cũng như chương trình không chịu trách nhiệm và cho bạn biết liệu có nên khai báo khoản hoàn trả trong Mẫu W-2 của nhân viên của mình hay không.

Sử dụng nhà ở cho mục đích kinh doanh

Để khấu trừ chi phí liên quan đến phần nhà của bạn được sử dụng cho mục đích kinh doanh, bạn phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể. Ngay cả khi đó, khoản khấu trừ của bạn có thể bị hạn chế.

Nếu muốn hội đủ điều kiện để kê khai chi phí cho việc sử dụng nhà cho mục đích kinh doanh, bạn phải đáp ứng những tiêu chuẩn cứu xét dưới đây.

1. Việc sử dụng nhà ở cho mục đích kinh doanh của bạn phải có tính:
 - a. Độc quyền (tuy nhiên, xem [Ngoại lệ đối với việc sử dụng độc quyền](#) ở phần sau),
 - b. Thường xuyên và
 - c. Phục vụ hoạt động kinh doanh của bạn.
2. Phần nhà ở của bạn được sử dụng cho mục đích kinh doanh phải là:
 - a. Địa điểm kinh doanh chính của bạn (được định nghĩa ở phần sau);
 - b. Nơi bạn gặp gỡ hoặc giao dịch với bệnh nhân, khách hàng hoặc người tiêu dùng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường của mình; hoặc
 - c. Một cấu trúc riêng biệt (không gắn liền với nhà của bạn) được bạn sử dụng liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình.

Sử dụng độc quyền. Để hội đủ điều kiện dựa theo tiêu chuẩn cứu xét về sử dụng độc quyền, bạn phải sử dụng một khu vực cụ thể trong nhà của mình chỉ dành cho việc buôn bán hoặc kinh doanh của bản thân. Khu vực được sử dụng cho mục đích kinh doanh có thể là một căn phòng hoặc không gian được tách biệt một cách rõ ràng khác. Không gian đó không nhất thiết phải luôn được chia tách ra bằng vách ngăn.

Bạn không đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn cứu xét về sử dụng độc quyền nếu sử dụng khu vực không rõ ràng cho cả mục đích kinh doanh và mục đích cá nhân.

Ví dụ. Bạn là một luật sư và sử dụng một căn phòng nhỏ trong nhà mình để viết hồ sơ pháp lý cũng như chuẩn bị tờ

khai thuế cho khách hàng. Gia đình bạn cũng sử dụng căn phòng đó để giải trí. Căn phòng đó không được sử dụng riêng cho nghề nghiệp của bạn, vì vậy bạn không thể yêu cầu khấu trừ chi phí kinh doanh cho việc sử dụng nó.

Ngoại lệ đối với việc sử dụng độc quyền. Bạn không nhất thiết phải đáp ứng tiêu chuẩn cứu xét về sử dụng độc quyền trong trường hợp sử dụng một phần ngôi nhà của mình theo một trong hai cách sau đây.

1. Sử dụng để lưu trữ hàng tồn kho hoặc mẫu sản phẩm (đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ hoặc bán buôn mà không có địa điểm cố định nào khác).
2. Sử dụng như một cơ sở chăm sóc trẻ em.

Để được giải thích về những ngoại lệ này, xem Ấn phẩm 587, Sử Dụng Nhà cho Mục Đích Kinh Doanh.

Sử dụng thường xuyên. Để hội đủ điều kiện dựa theo tiêu chuẩn cứu xét về sử dụng thường xuyên, bạn phải thường xuyên sử dụng một khu vực cụ thể trong nhà cho mục đích kinh doanh. Bạn không đạt tiêu chuẩn cứu xét này nếu việc sử dụng cho mục đích kinh doanh của khu vực đó chỉ là thỉnh thoảng hoặc ngẫu nhiên, ngay cả khi bạn không sử dụng khu vực đó cho bất kỳ mục đích nào khác.

Trụ sở chính của một cơ sở kinh doanh. Bạn có thể có nhiều địa điểm hoạt động kinh doanh, bao gồm cả nhà của bản thân, cho duy nhất một hoạt động thương mại hay kinh doanh. Nếu muốn hội đủ điều kiện để khấu trừ chi phí cho việc sử dụng nhà cho mục đích kinh doanh dựa theo tiêu chuẩn cứu xét về trụ sở chính của một cơ sở kinh doanh, nhà của bạn phải là địa điểm kinh doanh chính của hoạt động kinh doanh đó. Để xác định địa điểm hoạt động kinh doanh chính của mình, bạn phải xem xét tất cả các dữ kiện và hoàn cảnh.

Văn phòng tại gia của bạn sẽ hội đủ điều kiện để được khấu trừ chi phí cho việc sử dụng như địa điểm kinh doanh chính nếu bạn đáp ứng các yêu cầu sau.

- Bạn sử dụng nó thường xuyên và chỉ dành riêng cho các hoạt động quản lý hoặc hành chính trong quá trình kinh doanh của mình.
- Bạn không có địa điểm cố định nào khác để tiến hành các hoạt động quản lý hoặc hành chính quan trọng trong quá trình kinh doanh mình.

Ngoài ra, nếu bạn sử dụng nhà thường xuyên và dành riêng cho hoạt động kinh doanh của mình, nhưng văn phòng tại gia của bạn không hội đủ điều kiện để được xem là địa điểm kinh doanh chính dựa trên các quy tắc trước, xác định địa điểm kinh doanh chính của mình dựa trên các yếu tố sau.

- Mức độ quan trọng tương đối của các hoạt động được thực hiện tại mỗi địa điểm.
- Nếu yếu tố mức độ quan trọng tương đối không xác định địa điểm kinh doanh chính của bạn, bạn cũng có thể xét tới thời gian dành cho từng địa điểm.

Nếu sau khi xem xét các địa điểm kinh doanh của mình, nhà của bạn không thể được xác định là địa điểm kinh doanh chính của bạn, thì bạn không thể khấu trừ chi phí văn phòng tại gia. Tuy nhiên, để nắm được những cách khác để hội đủ điều kiện khấu trừ chi phí văn phòng tại gia, xem Ấn phẩm 587.

Hạn mức khấu trừ. Nếu có tổng thu nhập từ việc sử dụng nhà cho mục đích kinh doanh bằng hoặc vượt quá tổng chi phí kinh doanh (bao gồm cả khấu hao), bạn có thể khấu trừ tất cả các chi phí kinh doanh liên quan đến việc sử dụng nhà của mình. Nếu tổng thu nhập của bạn từ việc sử dụng cho mục đích kinh doanh nhỏ hơn tổng chi phí kinh doanh, thì khoản khấu trừ của bạn cho một số chi phí cho việc sử dụng nhà của bản thân sẽ bị hạn chế.

Khoản khấu trừ cho những chi phí không thể khấu trừ khác của bạn, chẳng hạn như bảo hiểm, các tiện ích công cộng và khấu hao (với khấu hao được áp dụng sau cùng), mà có thể phân bổ cho hoạt động kinh doanh được giới hạn trong tổng thu nhập có được từ việc sử dụng nhà cho mục đích kinh doanh trừ đi tổng của các khoản sau đây.

1. Phần sử dụng cho mục đích kinh doanh của những chi phí mà bạn có thể khấu trừ ngay cả khi bản thân không sử dụng nhà của mình để kinh doanh (chẳng hạn như tiền lãi khoản thế chấp, thuế bất động sản và lỗ do tai họa và trộm cắp được cho phép dưới dạng các khoản khấu trừ được liệt kê trong Bảng A (Mẫu 1040)).
2. Những chi phí kinh doanh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhà (ví dụ, gọi điện thoại với mục đích kinh doanh, vật tư và khấu hao thiết bị), nhưng không liên quan đến việc sử dụng chính ngôi nhà đó.

Không tính vào (2) ở trên khoản khấu trừ cho một nửa thuế tự kinh doanh của bạn.

Sử dụng Mẫu 8829, Chi phí sử dụng nhà ở cho mục đích kinh doanh để tính toán khoản khấu trừ của bạn.

Phương pháp đơn giản hóa. IRS cung cấp một phương pháp đơn giản hóa để xác định chi phí của bạn cho việc sử dụng nhà cho mục đích kinh doanh. Phương pháp đơn giản hóa là một phương pháp thay thế cho việc tính toán và chứng minh các chi phí thực tế. Trong hầu hết các trường hợp, bạn sẽ tính toán khoản khấu trừ của mình bằng cách nhân \$5 với phần diện tích nhà được sử dụng thường xuyên và độc quyền cho mục đích kinh doanh đủ điều kiện. Diện tích mà bạn sử dụng để tính toán khoản khấu trừ của mình được giới hạn ở 300 feet vuông. Để biết thêm thông tin, xem Hướng dẫn cho Bảng C (Mẫu 1040).

Thêm thông tin. Để biết thêm thông tin về việc khấu trừ chi phí của việc sử dụng nhà cho mục đích kinh doanh, xem Ấn phẩm 587.

Cảng an toàn cực tiểu đối với Tài sản hữu hình

Thông thường, bạn phải vốn hóa các chi phí để có được hoặc sản xuất bất động sản hoặc động sản cá nhân thực hữu mà được sử dụng trong hoạt động thương mại hay kinh doanh của mình, chẳng hạn như các tòa nhà, thiết bị hoặc đồ nội thất. Tuy nhiên, nếu lựa chọn sử dụng quy định cảng an toàn cực tiểu cho tài sản hữu hình, bạn có thể khấu trừ số tiền cực tiểu đã trả để có được hoặc sản xuất một số tài sản hữu hình nếu những khoản tiền này được bạn khấu trừ cho mục đích kế toán tài chính hoặc nhằm lưu giữ sổ sách và hồ sơ.

Nếu có bản tường trình tài chánh thích hợp, bạn có thể sử dụng quy định cảng an toàn này để khấu trừ số tiền trả cho tài

sản hữu hình lên đến \$5.000 cho mỗi món hàng hoặc hóa đơn. Nếu không có bản tường trình tài chính khả dụng, bạn có thể sử dụng quy định căng an toàn cực tiểu để khấu trừ số tiền trả cho tài sản hữu hình lên đến \$2.500 cho mỗi món hàng hoặc hóa đơn.

Các khoản tiền đủ điều kiện theo quy định căng an toàn cực tiểu này nên được bao gồm như các chi phí khác trong Phần V của Bảng C (Mẫu 1040) (Mẫu 1040).

Thêm thông tin. Để nắm được chi tiết về việc thực hiện lựa chọn này cũng như các yêu cầu đối với việc sử dụng quy định căng an toàn cực tiểu cho tài sản hữu hình, xem [IRS.gov/Tangible-Property-Regulations \(tiếng Anh\)](#).

Những chi phí khác có thể khấu trừ

Bạn cũng có thể khấu trừ các chi phí dưới đây.

- Quảng cáo.
- Lệ phí ngân hàng.
- Quyên góp cho các tổ chức kinh doanh.
- Chi phí giáo dục.
- Chi phí liên quan đến hư hỏng.
- Phụ cấp chi phí phòng vắng.
- Phí giấy phép và phí luật định.
- Di chuyển máy móc.
- Dịch vụ hỗ trợ tìm việc mới cho nhân viên.
- Các khoản xử phạt và tiền phạt mà bạn phải trả cho việc thực hiện chậm trễ hoặc không thực hiện hợp đồng.
- Sửa chữa và bảo trì bất động sản hoặc động sản cá nhân thực hữu.
- Hoàn trả thu nhập.
- Vật tư và nguyên liệu.
- Các tiện ích công cộng.

Chi phí bạn không thể khấu trừ

Bạn thường không thể khấu trừ những khoản sau đây dưới dạng chi phí kinh doanh.

- Hối lộ và tiền lại quả.
- Đóng góp từ thiện.
- Chi phí hoặc lỗ do phá dỡ.
- Lệ phí của hội kinh doanh, xã hội, thể thao, tiệc trưa, thể thao, hàng không và khách sạn.
- Chi phí giải trí.
- Chi phí cải tiến bất động sản hoặc động sản cá nhân thực hữu. Chi phí cải tiến là số tiền thanh toán cho những cải tiến đối với tài sản, phục hồi tài sản hoặc việc chỉnh sửa lại tài sản sao cho phù hợp với cách sử dụng mới hoặc khác.
- Chi phí vận động hành lang.

- Các khoản xử phạt và tiền phạt mà bạn phải trả cho cơ quan chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền do bản thân đã vi phạm pháp luật.
- Chi phí cá nhân, sinh hoạt và gia đình.
- Đóng góp chính trị.
- Những hoạt động thanh toán hoặc dàn xếp liên quan đến quấy rối hoặc lạm dụng tình dục nếu việc dàn xếp hoặc thanh toán đó tuân theo một thỏa thuận không được tiết lộ. Bạn cũng không thể khấu trừ phí thuê luật sư liên quan đến những hoạt động dàn xếp hoặc thanh toán như vậy.

9.

Tính toán lợi nhuận hoặc lỗ ròng

Giới thiệu

Sau khi tính toán thu nhập kinh doanh và chi phí kinh doanh của mình, bạn đã sẵn sàng tính toán lợi nhuận ròng hoặc lỗ ròng từ hoạt động kinh doanh. Bạn thực hiện việc này bằng cách lấy thu nhập kinh doanh trừ đi chi phí kinh doanh. Nếu chi phí của bạn nhỏ hơn thu nhập, khoản chênh lệch là lợi nhuận ròng và trở thành một phần thu nhập trên dòng 3 của Bảng 1 (Mẫu 1040). Nếu chi phí của bạn lớn hơn thu nhập, khoản chênh lệch là lỗ ròng. Bạn thường có thể khấu trừ khoản lỗ đó vào tổng thu nhập trên dòng 3 của Bảng 1 (Mẫu 1040). Tuy nhiên trong một số tình huống, khoản lỗ của bạn bị giới hạn. Chương này giải thích ngắn gọn ba trong số những tình huống đó. Các tình huống khác có thể hạn chế khoản lỗ của bạn được giải thích trong hướng dẫn cho Bảng C (Mẫu 1040), dòng G và dòng 32.



Nếu có nhiều hoạt động kinh doanh, bạn phải tính toán lợi nhuận hoặc lỗ ròng của mình cho từng hoạt động một cách riêng biệt trên từng Bảng C (Mẫu 1040).

Giới hạn lỗ kinh doanh vượt mức. Lỗ từ thương mại hoặc kinh doanh của bạn có thể bị giới hạn. Sử dụng Mẫu 461 để xác định số lỗ kinh doanh vượt mức, nếu có. Khoản lỗ kinh doanh vượt quá của bạn sẽ được tính vào thu nhập trên dòng 8p của Bảng 1 (Mẫu 1040) và được coi là NOL mà bạn phải chuyển tiếp và khấu trừ trong năm tính thuế tiếp theo.

Để biết thêm thông tin về giới hạn lỗ kinh doanh vượt mức, xem hướng dẫn của Mẫu 461.

Lỗ hoạt động ròng (NOL)

Nếu có các khoản khấu trừ trong năm lớn hơn thu nhập của bản thân trong năm đó, bạn có thể có lỗ hoạt động ròng. Bạn có thể sử dụng một khoản lỗ hoạt động ròng bằng cách khấu

trừ nó vào thu nhập của bản thân trong một hoặc nhiều năm khác.

Ví dụ về các lỗ điển hình có thể tạo ra lỗ hoạt động ròng bao gồm, nhưng không giới hạn ở các lỗ phát sinh từ những mục dưới đây.

- Hoạt động thương mại hay kinh doanh của bạn.
- Tai họa hoặc trộm cắp gây ra bởi thiên tai được liên bang tuyên bố.
- Tài sản cho thuê.

Khoản lỗ từ việc vận hành một hoạt động kinh doanh là lý do phổ biến nhất dẫn đến một khoản lỗ hoạt động ròng.

Để nắm được chi tiết về các khoản lỗ hoạt động, xem Hướng dẫn cho Mẫu 172. Hướng dẫn này giải thích cách tính NOL, khi nào sử dụng NOL, cách yêu cầu khấu trừ NOL và cách tính toán một khoản NOL chuyển sang.

Các hoạt động không nhằm mục đích thu lợi nhuận

Nếu bạn không tiếp tục hoạt động kinh doanh của mình để tạo ra lợi nhuận thì sẽ có một hạn mức đối với các khoản khấu trừ mà bạn có thể thực hiện. Bạn thông thường không thể sử dụng khoản lỗ từ hoạt động này để bù đắp cho thu nhập khác. Các hoạt động bạn thực hiện như một sở thích, hoặc chủ yếu cho mục đích thể thao hoặc giải trí, đều có hạn mức này.

Để nắm được chi tiết về các hoạt động không nhằm mục đích thu lợi nhuận, xem [IRS.gov/newsroom/Hobby-or-business-here's-what-to-know-about-that-side-hustle](https://www.irs.gov/newsroom/Hobby-or-business-here's-what-to-know-about-that-side-hustle).

10.

Thuế tự kinh doanh (SE)



Các quy tắc về thuế SE được áp dụng bất kể bạn bao nhiêu tuổi và ngay cả khi bạn đang nhận được phúc lợi an sinh xã hội cũng như phúc lợi Medicare.

Ai phải trả thuế SE?

Thông thường, bạn phải nộp thuế SE cùng với Bảng SE (Mẫu 1040) nếu thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh của bản thân là \$400 trở lên. Sử dụng Bảng SE để tính thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh.

Doanh nghiệp cá thể và nhà thầu độc lập. Nếu tự kinh doanh với tư cách là doanh nghiệp cá thể hoặc nhà thầu độc lập, bạn thường sử dụng Bảng C (Mẫu 1040) để tính toán thu nhập chịu thuế tự kinh doanh của mình.

Tỷ suất thuế SE. Thuế suất tự kinh doanh năm 2025 đối với thu nhập ròng là 15,3% (12,4% thuế an sinh xã hội cộng với 2,9% thuế Medicare).

Thu nhập tối đa chịu thuế SE. Chỉ \$176.100 đầu tiên trong tổng lương bổng, tiền hoa và thu nhập ròng của bạn vào năm 2025 phải chịu bất kỳ sự kết hợp nào của phần an sinh xã hội chiếm 12,4% thuế SE, thuế an sinh xã hội hoặc phần Bậc 1 trong thuế hưu trí ngành đường sắt.

Tổng tất cả lương bổng, tiền hoa và thu nhập ròng của bạn vào năm 2025 phải chịu bất kỳ sự kết hợp nào của phần Medicare chiếm 2,9% thuế SE, thuế Medicare, hoặc phần Medicare trong thuế hưu trí ngành đường sắt.

Nếu lương bổng và tiền hoa của bạn phải chịu thuế an sinh xã hội hoặc phần Bậc 1 trong thuế hưu trí ngành đường sắt, hoặc cả hai, và tổng cộng ít nhất là \$176.100, không nộp phần an sinh xã hội chiếm 12,4% thuế SE đối với bất kỳ khoản thu nhập ròng nào của bạn. Tuy nhiên, bạn phải nộp phần Medicare chiếm 2,9% thuế SE cho toàn bộ thu nhập ròng của mình.

Thuế Medicare bổ sung. Thuế Medicare bổ sung 0,9% có thể áp dụng cho bạn nếu thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh vượt quá số tiền giới hạn (dựa trên tư cách khai thuế của bạn). Để biết thêm thông tin, xem [Thuế tự kinh doanh \(SE\)](#) trong chương 1 và Mẫu 8959 cùng hướng dẫn đi kèm.

Các quy tắc đặc biệt và ngoại lệ

Người nước ngoài. Thông thường, thường trú nhân người nước ngoài phải trả thuế tự kinh doanh theo các quy tắc tương tự được áp dụng cho công dân Hoa Kỳ. Người nước ngoài tạm trú không phải chịu thuế tự kinh doanh trừ khi một thỏa thuận an sinh xã hội quốc tế (còn được gọi là hiệp định toàn diện) về cơ bản xác định rằng họ được bảo hiểm theo hệ thống an sinh xã hội của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, thường trú nhân của Quần đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ, Puerto Rico, Guam, Khối Thịnh Vượng Chung của Quần Đảo Bắc Mariana, hoặc Samoa của Mỹ phải chịu thuế SE, vì họ được coi là thường trú nhân Hoa Kỳ cho mục đích thuế SE. Để biết thêm thông tin về ngoại nhân, xem Ấn phẩm 519, Hướng dẫn thuế Hoa Kỳ cho Người nước ngoài.

Con cái làm việc cho cha mẹ. Bạn không phải chịu thuế SE nếu dưới 18 tuổi và đang làm việc cho cha hoặc mẹ của mình.

Nhân viên nhà thờ. Nếu làm việc cho một nhà thờ hoặc một tổ chức do nhà thờ kiểm soát đủ điều kiện (không phải là mục sư, thành viên của một dòng tu hoặc người hành nghề của giáo phái Christian Science) mà đã chọn được miễn thuế an sinh xã hội và thuế Medicare, bạn phải chịu thuế SE nếu nhận \$108.28 hoặc nhiều hơn tiền lương từ nhà thờ hoặc tổ chức này. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 517, An sinh Xã hội và những thông tin khác cho thành viên giới Tăng lữ và Người làm việc liên quan đến Tôn giáo.

Thuyền viên tàu cá. Nếu bạn là thành viên của thủy thủ đoàn trên thuyền đánh bắt cá hoặc những loại thủy hải sản khác, thu nhập của bạn phải chịu thuế SE nếu tất cả các điều kiện sau đây được áp dụng.

1. Bạn không nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào cho công việc ngoài phần đánh bắt của mình hoặc một phần tiền thu được từ việc bán sản phẩm đánh bắt, ngoại trừ trường hợp khoản thanh toán đó đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây.

- a. Khoản thanh toán đó không vượt quá \$100 cho mỗi chuyến đi.
 - b. Khoản thanh toán đó chỉ được nhận nếu có mức đánh bắt tối thiểu.
 - c. Khoản thanh toán đó chỉ dành cho các nhiệm vụ bổ sung (chẳng hạn như trợ lý, kỹ sư hoặc đầu bếp) mà việc trả thêm tiền mặt là thông lệ trong ngành đánh bắt cá.
2. Bạn nhận được một phần sản phẩm đánh bắt hoặc một phần tiền thu được từ việc bán sản phẩm đánh bắt.
 3. Phần của bạn phụ thuộc vào số lượng đánh bắt được.
 4. Số lượng thủy thủ đoàn của tàu cá thường ít hơn 10 người. (Một đội ngũ thủy thủ đoàn được xem là thường có ít hơn 10 người nếu số lượng trung bình của đoàn trong các chuyến đi được thực hiện trong 4 quý lịch vừa qua ít hơn 10.)

Công chứng viên. Phí nhận được cho những dịch vụ mà bạn thực hiện với tư cách là một công chứng viên được khai báo trên Bảng C (Mẫu 1040) nhưng không phải chịu thuế SE (xem Hướng dẫn cho Bảng SE (Mẫu 1040)).

Nhân viên làm việc cho chính phủ địa phương hoặc tiểu bang. Bạn phải chịu thuế SE nếu bản thân là nhân viên làm việc cho chính phủ tiểu bang hoặc địa phương, chỉ được trả lương dựa theo phí thu được, đồng thời dịch vụ của bạn không được bao gồm trong thỏa thuận an sinh xã hội liên bang-tiểu bang.

Nhân viên làm việc cho chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế. Bạn phải chịu thuế SE nếu cả hai điều kiện sau đều đúng.

1. Bạn là công dân Hoa Kỳ được thuê làm việc tại Hoa Kỳ, Puerto Rico, Guam, Samoa của Mỹ, Khối Thịnh Vượng Chung của Quần Đảo Bắc Mariana hoặc Quần Đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ bởi:
 - a. Một chính phủ nước ngoài,
 - b. Cơ quan thuộc toàn quyền sở hữu của một chính phủ nước ngoài, hoặc
 - c. Một tổ chức quốc tế.
2. Chủ lao động của bạn không bắt buộc phải khấu trừ thuế an sinh xã hội và thuế Medicare từ lương bổng của bạn.

Công dân Hoa Kỳ hoặc người nước ngoài thường trú sống ở nước ngoài. Nếu là công dân Hoa Kỳ hoặc người nước ngoài thường trú tự kinh doanh sống bên ngoài Hoa Kỳ, trong hầu hết các trường hợp, bạn phải trả thuế SE. Thu nhập kiếm được ở nước ngoài từ việc tự kinh doanh không thể được giảm bởi loại trừ của thu nhập kiếm được từ nước ngoài khi tính thuế tự kinh doanh của bạn.

Trường hợp ngoại lệ. Hoa Kỳ có các thỏa thuận an sinh xã hội với nhiều quốc gia nhằm loại trừ khả năng đánh thuế hai lần theo hai hệ thống an sinh xã hội. Theo các thỏa thuận này, bạn thường chỉ phải trả các khoản thuế an sinh xã hội và thuế Medicare cho quốc gia mà mình sinh sống. Quốc gia mà bạn phải nộp thuế sẽ cấp chứng nhận chứng minh về việc miễn thuế an sinh xã hội ở quốc gia kia.

Để biết thêm thông tin, xem Hướng dẫn cho Bảng SE (Mẫu 1040).

Nhiều hơn một công việc kinh doanh

Nếu có thu nhập chịu thuế SE từ nhiều hoạt động thương mại, kinh doanh hay nghề nghiệp, bạn phải kết hợp lợi nhuận (hoặc lỗ) ròng của mọi hoạt động nhằm xác định tổng thu nhập chịu thuế SE của mình. Lỗ từ một hoạt động kinh doanh thông thường sẽ làm giảm lợi nhuận của bạn từ một hoạt động kinh doanh khác.

Thu nhập từ tài sản chung

Nếu bất kỳ thu nhập nào từ hoạt động thương mại hay kinh doanh, không phải từ một công ty hợp doanh, là thu nhập từ tài sản chung của vợ chồng theo luật pháp của tiểu bang, thì thu nhập đó được gộp vào thu nhập chịu thuế SE của vợ/chồng của bạn điều hành hoạt động thương mại hoặc kinh doanh này.

Lãi hoặc Lỗ

Không tính vào thu nhập chịu thuế SE khoản lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý tài sản không phải là hàng trữ trong kho để bán hoặc không được nắm giữ chủ yếu để bán cho khách hàng. Điều này không phụ thuộc vào việc thanh lý là mua bán, trao đổi hay chuyển đổi không tự nguyện.

Các khoản thanh toán cho thu nhập bị mất

Nếu bạn tự kinh doanh và giảm hoặc ngừng các hoạt động kinh doanh của mình, bất kỳ khoản thanh toán nào nhận được từ bảo hiểm hoặc các nguồn khác cho thu nhập kinh doanh mất đi đều được tính vào thu nhập chịu thuế SE. Nếu bạn đang không làm việc tại thời điểm nhận được khoản thanh toán, khoản thanh toán đó vẫn liên quan đến hoạt động kinh doanh của bạn và được tính vào thu nhập chịu thuế SE, mặc dù hoạt động kinh doanh đó đang tạm thời không được tiến hành.

Tính toán thu nhập chịu thuế SE

Phương pháp tính toán thu nhập ròng

Có ba cách để tính thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh.

1. Phương pháp thông thường.
2. Phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp.
3. Phương pháp tùy chọn nông nghiệp.

Bạn phải sử dụng phương pháp thông thường trong trường hợp không sử dụng một hoặc cả hai phương pháp tùy chọn.

Tại sao sử dụng phương pháp tùy chọn? Bạn có thể muốn sử dụng phương pháp tùy chọn (sẽ thảo luận ở phần sau) khi chịu một khoản lỗ hoặc một khoản lợi nhuận ròng nhỏ đồng thời bất kỳ mục nào sau đây được áp dụng.

- Bạn muốn nhận tín thuế cho bảo hiểm phúc lợi an sinh xã hội.

- Bạn phải chịu chi phí chăm nuôi con cái hoặc người sống phụ thuộc mà do đó có thể yêu cầu một khoản tín thuế. (Phương pháp tùy chọn có thể làm tăng thu nhập kiểm được của bạn, điều này có thể làm tăng tín thuế.)
- Bạn được hưởng tín thuế thu nhập kiểm được. (Phương pháp tùy chọn có thể làm tăng thu nhập kiểm được của bạn, điều này có thể làm tăng tín thuế.)
- Bạn được hưởng tín thuế trẻ em bổ sung. (Phương pháp tùy chọn có thể làm tăng thu nhập kiểm được của bạn, điều này có thể làm tăng tín thuế.)

Ảnh hưởng của việc sử dụng phương pháp tùy chọn. Sử dụng phương pháp tùy chọn có thể làm tăng thuế SE của bạn. Việc đóng thuế SE nhiều hơn có thể dẫn đến việc bạn được hưởng phúc lợi cao hơn khi nghỉ hưu.

Việc sử dụng phương pháp tùy chọn cũng có thể làm giảm AGI của bạn do khấu trừ một nửa thuế SE trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng đủ điều kiện của bạn để nhận các khoản tín thuế, khoản khấu trừ hoặc các khoản khác vốn phải phụ thuộc vào hạn mức AGI. Tính toán AGI của bạn có và không sử dụng phương pháp tùy chọn để xem liệu phương pháp tùy chọn có mang lại lợi ích cho bạn hay không.

Nếu sử dụng một trong hai hoặc cả hai phương pháp tùy chọn, bạn phải tính và nộp thuế SE đến hạn theo các phương pháp này ngay cả khi có mức thuế nhỏ hơn hoặc không có thuế khi sử dụng phương pháp thông thường.

Phương pháp tùy chọn có thể chỉ được sử dụng để tính thuế SE của bạn. Để tính thuế thu nhập của mình, tính thu nhập thực tế của bạn vào tổng thu nhập, bất kể bạn sử dụng phương pháp nào để xác định thuế SE.

Phương pháp thông thường

Để tính thu nhập ròng bằng phương pháp thông thường, nhân thu nhập tự kinh doanh của bạn với 92,35% (0,9235). Để tính thu nhập ròng của bạn theo phương pháp thông thường, xem dòng 4a của Bảng SE (Mẫu 1040).

Thu nhập ròng được tính theo phương pháp thông thường còn được gọi là thu nhập ròng thực tế.

Phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp

Chỉ sử dụng phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp cho các khoản thu nhập không đến từ nông nghiệp. Bạn có thể sử dụng phương pháp này nếu đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn cứu xét dưới đây.

1. Bạn đang tự kinh doanh một cách thường xuyên. Điều này đồng nghĩa với việc thu nhập ròng thực tế của bạn từ công việc tự kinh doanh là \$400 trở lên trong ít nhất 2 trong số 3 năm thuế trước năm mà bạn sử dụng phương pháp này. Với mục đích này, thu nhập ròng của năm trước có thể đến từ thu nhập nông nghiệp hay phi nông nghiệp hoặc cả hai.
2. Bạn đã sử dụng phương pháp này chưa đến 5 năm. (Có hạn mức trọn đời là 5 năm.) Những năm này không nhất thiết phải nối tiếp nhau.
3. Lợi nhuận ròng phi nông nghiệp của bạn:

- a. Thấp hơn \$7.840 và
- b. Thấp hơn 72,189% tổng thu nhập phi nông nghiệp của mình.

Lợi nhuận ròng phi nông nghiệp. Thông thường lợi nhuận ròng phi nông nghiệp là tổng số tiền lấy từ:

- Dòng 31 của Bảng C (Mẫu 1040); và
- Ô 14, mã A, Bảng K-1 (Mẫu 1065) (kiếm được từ công ty hợp doanh phi nông nghiệp).

Tuy nhiên, bạn có thể cần phải điều chỉnh số tiền được khai báo trong Bảng K-1 (Mẫu 1065) nếu là người góp nhiều vốn nhất hoặc nếu đó là một khoản lỗ.

Tổng thu nhập phi nông nghiệp. Thông thường tổng thu nhập phi nông nghiệp là tổng số tiền từ:

- Dòng 7 của Bảng C (Mẫu 1040); và
- Ô 14, mã C, Bảng K-1 (Mẫu 1065) (kiếm được từ công ty hợp doanh phi nông nghiệp).

Tính toán thu nhập ròng phi nông nghiệp

Nếu bạn đáp ứng 3 tiêu chuẩn cứu xét được giải thích ở phần trước, sử dụng bảng dưới đây để tính thu nhập ròng phi nông nghiệp của mình từ công việc tự kinh doanh theo phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp.

Bảng 10-1. Tính toán thu nhập ròng phi nông nghiệp

NẾU tổng thu nhập phi nông nghiệp của bạn là...	THÌ thu nhập ròng của bạn bằng...
\$10.860 hoặc ít hơn	hai phần ba tổng thu nhập phi nông nghiệp của bạn.
nhiều hơn \$10.860	\$7.840.

Thu nhập ròng tùy chọn nhỏ hơn thu nhập ròng thực tế. Bạn không thể sử dụng phương pháp này để khai báo số tiền thấp hơn thu nhập ròng phi nông nghiệp thực tế của mình từ công việc tự kinh doanh. Thu nhập ròng phi nông nghiệp thực tế của bạn là thu nhập ròng phi nông nghiệp được tính theo phương pháp thông thường, như đã được giải thích ở phần trước.

Tổng thu nhập phi nông nghiệp từ \$10.860 trở xuống. Các ví dụ sau đây minh họa cách tính thu nhập ròng khi tổng thu nhập phi nông nghiệp là \$10.860 trở xuống.

Ví dụ 1. Lợi nhuận ròng phi nông nghiệp thấp hơn \$7.840 và thấp hơn 72,189% tổng thu nhập phi nông nghiệp. Bạn điều hành một hoạt động kinh doanh thủ công nghiệp. Thu nhập ròng thực tế của bạn từ công việc tự kinh doanh là \$800 vào năm 2023 và \$900 vào năm 2024. Bạn thường xuyên đáp ứng tiêu chuẩn cứu xét về việc tự kinh doanh. Bạn đã sử dụng phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp chưa đến 5 năm. Dưới đây là tổng thu nhập và lợi nhuận ròng của bạn vào năm 2025.

Tổng thu nhập phi nông nghiệp	\$5.400
Lợi nhuận ròng phi nông nghiệp	\$1.200

Thu nhập ròng thực tế của bạn cho năm 2025 là \$1.108 (\$1.200 x 0,9235). Vì lợi nhuận ròng thấp hơn \$7.840 và thấp hơn 72,189% tổng thu nhập của mình, bạn có thể sử dụng phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp để tính thu nhập ròng là \$3.600 ($\frac{2}{3}$ x \$5.400). Vì thu nhập ròng này cao hơn thu nhập ròng thực tế của bạn nên bạn có thể khai báo thu nhập ròng là \$3.600 cho năm 2025.

Ví dụ 2. Lợi nhuận ròng phi nông nghiệp thấp hơn \$7.840 nhưng không thấp hơn 72,189% tổng thu nhập phi nông nghiệp. Giả sử rằng trong *Ví dụ 1* tổng thu nhập của bạn là \$1.200 và lợi nhuận ròng của bạn là \$900. Bạn phải sử dụng phương pháp thông thường để tính thu nhập ròng của mình. Bạn không thể sử dụng phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp vì lợi nhuận ròng của bạn không thấp hơn 72,189% tổng thu nhập.

Ví dụ 3. Lỗ ròng do hoạt động kinh doanh phi nông nghiệp. Giả sử rằng trong *Ví dụ 1* Bạn có một khoản lỗ ròng là \$700. Bạn có thể sử dụng phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp và khai báo khoản tiền \$3.600 ($\frac{2}{3}$ x \$5.400) là thu nhập ròng của mình.

Ví dụ 4. Thu nhập ròng phi nông nghiệp thấp hơn \$400. Giả sử rằng trong *Ví dụ 1* Bạn có tổng thu nhập là \$525 và lợi nhuận ròng là \$175. Trong trường hợp này, bạn sẽ không phải nộp bất kỳ khoản thuế SE nào theo phương pháp thông thường hay phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp vì thu nhập ròng của bạn theo cả hai phương pháp đều thấp hơn \$400.

Tổng thu nhập phi nông nghiệp cao hơn \$10.860. Các ví dụ sau đây minh họa cách tính thu nhập ròng khi tổng thu nhập phi nông nghiệp cao hơn \$10.860.

Ví dụ 1. Lợi nhuận ròng phi nông nghiệp thấp hơn \$7.840 và thấp hơn 72,189% tổng thu nhập phi nông nghiệp. Bạn điều hành một cửa hàng sửa chữa thiết bị. Thu nhập ròng thực tế của bạn từ công việc tự kinh doanh là \$10.500 vào năm 2023 và \$9.500 vào năm 2024. Bạn thường xuyên đáp ứng tiêu chuẩn cứu xét về việc tự kinh doanh. Bạn đã sử dụng phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp chưa đến 5 năm. Dưới đây là tổng thu nhập và lợi nhuận ròng của bạn vào năm 2025.

Tổng thu nhập phi nông nghiệp	\$12.000
Lợi nhuận ròng phi nông nghiệp	\$1.200

Thu nhập ròng thực tế của bạn cho năm 2025 là \$1.108 (\$1.200 x 0,9235). Vì lợi nhuận ròng thấp hơn \$7.840 và thấp hơn 72,189% tổng thu nhập của mình, bạn có thể sử dụng phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp để tính thu nhập ròng là \$7.240. Vì những khoản thu nhập ròng này cao hơn thu nhập ròng thực tế của mình nên bạn có thể khai báo thu nhập ròng là \$7.240 cho năm 2025.

Ví dụ 2. Lợi nhuận ròng phi nông nghiệp không thấp hơn \$7.840. Giả sử rằng trong *Ví dụ 1* Lợi nhuận ròng của John là \$8.900. Bạn phải sử dụng phương pháp thông thường. Bạn không thể sử dụng phương pháp tùy chọn phi

nông nghiệp vì lợi nhuận ròng phi nông nghiệp của bạn không thấp hơn \$7.840.

Ví dụ 3. Lỗ ròng do hoạt động kinh doanh phi nông nghiệp. Giả sử rằng trong *Ví dụ 1* John có một khoản lỗ ròng là \$700. Bạn có thể sử dụng phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp và khai báo \$7.240 là thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh.

Phương pháp tùy chọn nông nghiệp

Chỉ sử dụng phương pháp tùy chọn nông nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh nông nghiệp. Xem Ấn phẩm 225 để nắm được thông tin về phương pháp này.

Sử dụng cả hai phương pháp tùy chọn

Nếu có cả thu nhập nông nghiệp và phi nông nghiệp, bạn có thể sử dụng cả hai phương pháp tùy chọn để xác định thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh của mình.

Để tính toán thu nhập ròng bằng cách sử dụng cả hai phương pháp tùy chọn, bạn phải thực hiện những điều dưới đây.

- Tính riêng thu nhập ròng nông nghiệp và phi nông nghiệp của bạn theo từng phương pháp. Không kết hợp thu nhập nông nghiệp với thu nhập phi nông nghiệp để tính thu nhập ròng của bạn theo một trong hai phương pháp.
- Cộng các khoản thu nhập ròng được tính theo từng phương pháp để có được thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh.

Bạn có thể khai báo thấp hơn tổng thu nhập ròng thực tế của cả hai loại nông nghiệp và phi nông nghiệp nhưng không thấp hơn thu nhập ròng phi nông nghiệp thực tế. Nếu sử dụng cả hai phương pháp tùy chọn, bạn có thể khai báo không quá \$7.240 là thu nhập ròng kết hợp từ công việc tự kinh doanh của mình.

Ví dụ. Bạn là một nông dân tự kinh doanh. Bạn cũng điều hành một cửa hàng tạp hóa bán lẻ. Tổng thu nhập, thu nhập ròng thực tế từ công việc tự kinh doanh, cùng với thu nhập ròng nông nghiệp và phi nông nghiệp tùy chọn từ công việc tự kinh doanh được biểu diễn trong Bảng 10-2.

Bảng 10-2. Ví dụ – Thu nhập Nông Nghiệp và Phi Nông Nghiệp

Thu nhập và lợi nhuận	Nông nghiệp	Phi nông nghiệp
Tổng thu nhập	\$4.500	\$6.000
Thu nhập ròng thực tế	\$900	\$500
Thu nhập ròng tùy chọn ($\frac{2}{3}$ trong tổng thu nhập)	\$3.000	\$4.000

Bảng 10-3 biểu diễn 4 phương pháp hoặc sự kết hợp giữa các phương pháp mà bạn có thể sử dụng để tính thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh bằng cách sử dụng tổng thu

nhập nông nghiệp và phi nông nghiệp cùng với thu nhập ròng thực tế được hiển thị trong Bảng 10-2.

- Phương pháp 1. Sử dụng phương pháp thông thường cho cả thu nhập nông nghiệp và phi nông nghiệp.
- Phương pháp 2. Sử dụng phương pháp tùy chọn cho thu nhập nông nghiệp và phương pháp thông thường cho thu nhập phi nông nghiệp.
- Phương pháp 3. Sử dụng phương pháp thông thường cho thu nhập nông nghiệp và phương pháp tùy chọn cho thu nhập phi nông nghiệp.
- Phương pháp 4. Sử dụng phương pháp tùy chọn cho cả thu nhập nông nghiệp và phi nông nghiệp.

Ghi chú: Thu nhập ròng thực tế sẽ giống với thu nhập ròng được tính theo phương pháp thông thường.

Bảng 10-3. Ví dụ – Thu nhập ròng

Thu nhập ròng	1	2	3	4
Thực tế nông nghiệp	\$ 900		\$ 900	
Tùy chọn nông nghiệp		\$ 3.000		\$ 3.000
Thực tế phi nông nghiệp	\$ 500	\$ 500		
Tùy chọn phi nông nghiệp			\$4.000	\$4.000
Số tiền bạn có thể khai báo:	\$1.400	\$3.500	\$4.900	\$7.240*

* Bị giới hạn ở mức \$7.240 vì bạn đã sử dụng cả hai phương pháp tùy chọn.

Người khai thuế theo lịch tài chính

Nếu sử dụng niên thuế khác với niên lịch, bạn phải sử dụng tỷ suất thuế và hạn mức thu nhập tối đa có hiệu lực tại thời điểm bắt đầu niên thuế của mình. Ngay cả khi tỷ suất thuế hoặc hạn mức thu nhập tối đa thay đổi trong niên thuế của bạn, tiếp tục sử dụng cùng một tỷ suất thuế và hạn mức đó trong suốt niên thuế của mình.

Khai báo thuế SE

Sử dụng Bảng SE (Mẫu 1040) để tính toán và khai báo thuế SE của bạn. Nếu bạn nộp Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, nộp thuế SE tại dòng 4 của Bảng 2 (Mẫu 1040) và đính kèm Bảng

SE vào mẫu của bạn. Nếu bạn nộp Mẫu 1040-SS, nộp thuế SE vào dòng 3, và đính kèm Bảng SE vào mẫu của bạn.



Nếu bạn cần trả tiền thuế SE, bạn phải nộp Mẫu 1040, 1040-SR, hoặc 1040-SS, nếu áp dụng (với Bảng SE đính kèm) ngay cả khi bản thân không phải nộp tờ khai thuế thu nhập liên bang.

Khai thuế chung. Ngay cả khi khai thuế chung, bạn cũng không thể nộp chung một Bảng SE. Điều này đúng cho dù một hay cả hai vợ/chồng của bạn có thu nhập chịu thuế SE. Nếu cả hai người đều có thu nhập chịu thuế SE, mỗi người trong số bạn phải hoàn thành riêng một Bảng SE. Đính kèm cả hai bảng vào tờ khai thuế chung.

Nhiều hơn một công việc kinh doanh. Nếu có nhiều hơn một hoạt động thương mại hay kinh doanh, bạn phải kết hợp khoản lợi nhuận ròng (hoặc lỗ ròng) từ mỗi hoạt động kinh doanh để tính thuế SE của mình. Một khoản lỗ từ một hoạt động kinh doanh thông thường sẽ làm giảm lợi nhuận của bạn từ một hoạt động kinh doanh khác. Nộp một Bảng SE biểu thị thu nhập từ công việc tự kinh doanh, tuy nhiên nộp một Bảng C (Mẫu 1040) hoặc F riêng cho từng hoạt động kinh doanh.

Ví dụ. Bạn là doanh nghiệp cá thể điều hành hai hoạt động kinh doanh riêng biệt. Bạn điều hành một nhà hàng tạo ra khoản lợi nhuận ròng là \$25.000. Bạn cũng có một doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ có khoản lỗ ròng là \$500. Bạn phải nộp một Bảng C (Mẫu 1040) biểu thị khoản lợi nhuận ròng là \$25.000 đối với nhà hàng và một Bảng C (Mẫu 1040) khác biểu thị khoản lỗ ròng là \$500 đối với doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ. Bạn nộp một Bảng SE biểu thị tổng thu nhập chịu thuế SE là \$24.500.

11.

Quyền hạn của Người đóng thuế

Chương này giải thích các quá trình kiểm tra, khiếu nại, truy thu và hoàn thuế.

Kiểm tra, Kháng cáo, Truy thu và Hoàn thuế

Kiểm tra (kiểm xét). Chúng tôi chấp nhận hầu hết các tờ khai thuế đã nộp của người đóng thuế. Nếu chúng tôi điều tra tờ khai thuế của bạn hoặc chọn nó để kiểm tra, điều đó không có nghĩa là bạn không trung thực. Việc điều tra hoặc kiểm tra có thể có hoặc không dẫn đến tăng thuế. Chúng tôi có thể đóng hồ sơ của bạn mà không có thay đổi gì hoặc bạn có thể nhận được tiền hoàn thuế.

Quá trình lựa chọn một tờ khai thuế để kiểm tra bắt đầu bằng một trong hai cách. Một cách là dùng lập trình vi tính để xác định những tờ khai thuế mà có thể có số tiền không chính

xác. Các lập trình này có thể dựa trên tờ khai thông tin, chẳng hạn như Mẫu 1099 và W-2; trong các nghiên cứu về những lần kiểm tra trước đây; hoặc về một số vấn đề được xác định từ các dự án đặc biệt. Một cách khác là sử dụng thông tin từ các nguồn bên ngoài cho biết rằng một tờ khai thuế có thể có số tiền không chính xác. Những nguồn này có thể bao gồm báo chí, văn kiện công khai và các cá nhân. Nếu xác định rằng thông tin này chính xác và đáng tin cậy, chúng tôi có thể sử dụng thông tin đó để chọn kiểm tra một tờ khai thuế.

Ấn phẩm 556, Kiểm tra Tờ khai, Quyền kháng cáo, và Yêu cầu hoàn thuế, giải thích các quy tắc và quy trình mà chúng tôi tuân theo trong các hoạt động kiểm tra. Các phần sau đây cung cấp một cái nhìn tổng quan về cách chúng tôi tiến hành các hoạt động kiểm tra.

Qua đường bưu điện. Chúng tôi xử lý nhiều công việc kiểm tra và điều tra qua đường bưu điện. Chúng tôi sẽ gửi cho bạn một lá thư với yêu cầu cung cấp thêm thông tin hoặc lý do tại sao chúng tôi tin rằng có thể cần thay đổi tờ khai thuế của bạn. Bạn có thể trả lời qua thư hoặc yêu cầu một cuộc phỏng vấn cá nhân với thẩm tra viên. Nếu bạn gửi cho chúng tôi thông tin được yêu cầu qua đường bưu điện hoặc cung cấp lời giải thích, chúng tôi có thể đồng ý hoặc không đồng ý đồng thời sẽ giải thích lý do cho bất kỳ thay đổi nào. Nếu có bất kỳ vấn đề gì bạn không hiểu, xin đừng ngần ngại viết thư cho chúng tôi.

Bằng cách phỏng vấn. Nếu chúng tôi thông báo tới bạn về việc tiến hành kiểm tra thông qua phỏng vấn cá nhân, hoặc bạn yêu cầu một cuộc phỏng vấn như vậy, bạn có quyền đưa ra thời gian và địa điểm phỏng vấn hợp lý và thuận tiện cho cả bạn và IRS. Nếu thẩm tra viên của chúng tôi đề xuất bất kỳ thay đổi nào đối với tờ khai thuế của bạn, họ sẽ giải thích lý do thay đổi. Bạn có thể gặp người giám sát của thẩm tra viên nếu không đồng ý với những thay đổi này.

Kiểm tra nhiều lần. Nếu chúng tôi đã kiểm tra tờ khai của bạn về những điều khoản giống nhau vào một trong hai năm trước đó và không có đề xuất thay đổi trách nhiệm trả thuế của bạn, liên lạc với chúng tôi càng sớm càng tốt để chúng tôi cân nhắc việc ngừng kiểm tra.

Kháng cáo. Nếu không đồng ý với những thay đổi được đề xuất từ phía thẩm tra viên, bạn có thể nộp đơn khiếu nại lên Văn phòng Kháng cáo Độc lập của IRS. Hầu hết bất đồng đều có thể được giải quyết mà không cần đến các phiên tòa xét xử gây tốn kém và mất thời gian. Quyền khiếu nại của bạn được giải thích chi tiết trong cả Ấn phẩm 5, Quyền Kháng cáo của bạn và cách chuẩn bị Kháng nghị nếu bạn không đồng ý, và Ấn phẩm 556.

Nếu không muốn giải quyết thông qua Văn phòng Kháng cáo hoặc không đồng ý với phán quyết của văn phòng này, bạn có thể đưa vụ việc của mình lên Tòa án Thuế vụ Hoa Kỳ, Tòa án Kháng cáo Liên bang Hoa Kỳ, hoặc Tòa án Quận Hoa Kỳ tại nơi bạn sinh sống. Nếu bạn đưa vụ việc của mình ra tòa, IRS sẽ có trách nhiệm đưa ra những dữ kiện về việc liệu bạn đã lưu giữ hồ sơ đầy đủ nhằm thể hiện trách nhiệm trả thuế của mình, hợp tác với IRS cũng như đáp ứng một số điều kiện khác hay chưa. Nếu tòa đồng ý với bạn về hầu hết các vấn đề trong vụ việc và nhận thấy phần lớn quan điểm của chúng tôi là không hợp lý, bạn có thể được bồi thường một số chi phí hành chính và kiện tụng. Bạn sẽ không đủ điều kiện để thu hồi các chi phí này trừ khi đã cố gắng giải quyết vụ việc của mình

về mặt hành chính, bao gồm cả việc thông qua hệ thống khiếu nại, cũng như cung cấp cho chúng tôi thông tin cần thiết để giải quyết vụ việc.

Truy thu. Ấn phẩm 594, Quá trình truy thu của IRS, trình bày quyền hạn và trách nhiệm của bạn liên quan đến việc thanh toán thuế liên bang. Ấn phẩm này bao gồm những điều sau đây.

- Phải làm gì khi nợ thuế. Ấn phẩm cho biết những việc cần làm khi nhận được hóa đơn tính thuế hay khi bạn nghĩ rằng hóa đơn của mình không chính xác. Ấn phẩm cũng đề cập đến việc thanh toán trả góp, trì hoãn truy thu thuế và đề trình một đề nghị thỏa hiệp.
- Hành động truy thu thuế của IRS. Ấn phẩm này đề cập đến quyền sai áp tài sản để thế nợ, giải tỏa quyền sai áp, quyền tịch thu tài sản để thế nợ, giải tỏa quyền tịch thu tài sản, tịch thu, bán và giải chấp tài sản.
- Chứng nhận của IRS gửi lên Bộ Ngoại giao về một khoản nợ thuế quá hạn có tính chất nghiêm trọng, mà thường dẫn đến việc từ chối đơn xin cấp hộ chiếu và có thể dẫn đến việc thu hồi hộ chiếu.

Quyền khiếu nại về truy thu thuế của bạn được trình bày chi tiết trong Ấn phẩm 1660, Quyền kháng cáo truy thu.

Miễn cho vợ/chồng vô can. Thông thường, cả bạn cùng với vợ/chồng của bạn đều phải chịu trách nhiệm, cả chung lẫn riêng, về việc thanh toán toàn bộ số tiền thuế, tiền lãi hoặc tiền phạt đến hạn trên tờ khai thuế chung của hai người. Nếu muốn được miễn khoản nợ phải trả liên quan đến vợ/chồng của bạn (hoặc vợ/chồng cũ), bạn phải yêu cầu bằng cách nộp Mẫu 8857, Yêu cầu miễn cho Người vợ/chồng vô can. Trong một số trường hợp, Mẫu 8857 có thể cần phải được nộp trong vòng 2 năm kể từ ngày IRS lần đầu tiên cố gắng thu thuế từ bạn. Không nộp Mẫu 8857 cùng với Mẫu 1040 hoặc Mẫu 1040-SR. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 971, Miễn cho Vợ/Chồng vô can và Mẫu 8857, hoặc bạn có thể gọi cho văn phòng Người vợ/chồng vô can theo số điện thoại miễn phí 855-851-2009.

Liên lạc với bên thứ ba tiềm năng. Thông thường, IRS sẽ giải quyết trực tiếp với bạn hoặc đại diện được ủy quyền hợp pháp của bạn. Tuy nhiên, chúng tôi cũng có thể trao đổi với những người khác nếu cần thông tin mà bạn không thể cung cấp hoặc để xác minh thông tin chúng tôi đã nhận được. Chúng tôi sẽ thông báo trước cho bạn trước khi liên hệ với những người khác. Nếu chúng tôi có liên lạc với những người khác, chẳng hạn như hàng xóm, ngân hàng, chủ lao động hoặc nhân viên, chúng tôi thường sẽ cần cho họ biết một số thông tin giới hạn, chẳng hạn như tên của bạn. Luật pháp nghiêm cấm chúng tôi tiết lộ bất kỳ thông tin nào quá mức cần thiết để thu thập hoặc xác minh thông tin đang tìm kiếm. Nhu cầu liên lạc với những người khác có thể tiếp tục nếu vụ việc của bạn còn đang tiếp diễn. Nếu chúng tôi liên lạc với người khác, thông thường bạn có quyền yêu cầu được biết danh sách những người được liên lạc. Yêu cầu của bạn có thể được thực hiện qua điện thoại, bằng văn bản hoặc trong quá trình phỏng vấn cá nhân.

Tiền hoàn thuế. Bạn có thể nộp đơn yêu cầu hoàn thuế nếu cho rằng mình đã trả quá nhiều thuế. Thường thì bạn phải nộp đơn này trong vòng 3 năm kể từ ngày bạn nộp tờ khai thuế

gốc, hoặc 2 năm kể từ ngày đóng thuế, tùy vào ngày nào trễ hơn.

Nếu bạn được tiền hoàn thuế nhưng không khai thuế, thì bạn phải nộp tờ khai yêu cầu hoàn thuế trong vòng 2 năm kể từ ngày tiền thuế đã trả để nhận được khoản tiền hoàn thuế đó. Luật pháp thông thường cho phép trả lãi trên số tiền hoàn thuế nếu nó không được hoàn lại trong vòng 45 ngày kể từ ngày bạn nộp yêu cầu hoàn thuế. Ấn phẩm 556 cung cấp thêm thông tin về tiền hoàn thuế.

12.

Cách lấy thêm thông tin

Phần này trình bày sự trợ giúp mà IRS và các cơ quan liên bang khác cung cấp cho người đóng thuế điều hành hoạt động kinh doanh của riêng họ.

Cách nhận trợ giúp về thuế

Nếu bạn có thắc mắc về một vấn đề thuế, cần hỗ trợ chuẩn bị tờ khai thuế, hoặc muốn tải xuống các ấn phẩm, mẫu đơn hoặc hướng dẫn miễn phí, truy cập [IRS.gov](https://www.irs.gov) và tìm các tài nguyên có thể hỗ trợ ngay cho bạn.

Cải cách thuế. Luật cải cách thuế tác động đến thuế liên bang, tín thuế và khấu trừ đã được ban hành trong P.L. 119-21, thường được gọi là Một Đạo luật To Đẹp, vào ngày 4 tháng 7, 2025. Truy cập [IRS.gov/OBBB](https://www.irs.gov/OBBB) (tiếng Anh) để biết thêm thông tin và cập nhật về cách luật này ảnh hưởng đến thuế của bạn.

Chuẩn bị và nộp tờ khai thuế. Sau khi nhận được tất cả các bảng báo cáo lương và thu nhập (Mẫu W-2, W-2G, 1099-R, 1099-MISC, 1099-NEC, v.v.); báo cáo bồi thường thất nghiệp (qua thư hoặc dưới dạng điện tử) hoặc các báo cáo thanh toán khác của chính phủ (Mẫu 1099-G); và báo cáo tiền lãi, cổ tức và lương hưu từ các ngân hàng và công ty đầu tư (Mẫu 1099), bạn có một số lựa chọn để chuẩn bị và nộp tờ khai thuế. Bạn có thể tự chuẩn bị tờ khai thuế, xem liệu mình có đủ điều kiện được khai thuế miễn phí hay không, hoặc thuê một chuyên gia để chuẩn bị tờ khai.

Các tùy chọn miễn phí để khai thuế. Các lựa chọn của bạn để chuẩn bị và nộp tờ khai trực tuyến hoặc tại cộng đồng địa phương, nếu bạn đủ điều kiện, bao gồm những điều sau.

- **Free File.** Chương trình này cho phép bạn chuẩn bị và nộp tờ khai thuế thu nhập cá nhân liên bang miễn phí bằng cách sử dụng phần mềm hoặc Mẫu đơn Free File tự điền. Tuy nhiên, việc chuẩn bị thuế tiểu bang có thể không được thực hiện thông qua Free File. Truy cập [IRS.gov/FreeFile](https://www.irs.gov/FreeFile) để xem bạn có đủ điều kiện để được chuẩn bị tờ khai thuế liên bang trực tuyến miễn phí, e-file, và ký gửi trực tiếp hoặc tùy chọn thanh toán.
- **VITA.** Chương trình Tình nguyện hỗ trợ thuế thu nhập (VITA) hỗ trợ miễn phí về thuế cho người có thu nhập từ

thấp đến trung bình, người khuyết tật và người đóng thuế có tiếng Anh giới hạn cần được giúp chuẩn bị tờ khai thuế của chính họ. Truy cập [IRS.gov/VITA](https://www.irs.gov/VITA), tải xuống ứng dụng miễn phí IRS2Go hoặc gọi số 800-906-9887 để biết thông tin về dịch vụ chuẩn bị tờ khai thuế miễn phí.

- **TCE.** Chương trình Tư vấn thuế cho Người cao niên (TCE) hỗ trợ miễn phí về thuế cho tất cả những người đóng thuế, đặc biệt là những người từ 60 tuổi trở lên. Tình nguyện viên của TCE chuyên giải đáp các câu hỏi về hưu bổng và các vấn đề liên quan đến hưu trí dành riêng cho người cao niên. Truy cập [IRS.gov/TCE](https://www.irs.gov/TCE) (tiếng Anh) hoặc tải xuống ứng dụng miễn phí IRS2Go để biết thông tin về dịch vụ chuẩn bị tờ khai thuế miễn phí.
- **MilTax.** Các thành viên của Lực lượng Vũ trang Hoa Kỳ và các cựu chiến binh đủ điều kiện có thể sử dụng MilTax, một dịch vụ thuế miễn phí do Bộ Quốc phòng cung cấp thông qua Military OneSource. Để biết thêm thông tin, truy cập [MilitaryOneSource](https://www.irs.gov/MilitaryOneSource) (tiếng Anh) (MilitaryOneSource.mil/MilTax (tiếng Anh))

Ngoài ra, IRS cung cấp các Mẫu đơn Free File tự điền, có thể điền trực tuyến và sau đó e-file bất kể thu nhập.

Sử dụng công cụ trực tuyến để giúp chuẩn bị tờ khai thuế. Truy cập [IRS.gov/Tools](https://www.irs.gov/Tools) để tìm các nội dung sau.

- **Trợ lý Tín thuế Thu nhập kiểm được** ([IRS.gov/EITCAssistant](https://www.irs.gov/EITCAssistant)) sẽ xác định xem bạn có đủ điều kiện nhận tín thuế thu nhập kiểm được (EIC) hay không.
- **Đơn xin EIN trực tuyến** ([IRS.gov/EIN](https://www.irs.gov/EIN)) giúp bạn lấy mã số thuế của chủ lao động (EIN) miễn phí.
- **Công cụ Ước tính Khấu lưu thuế** ([IRS.gov/W4App](https://www.irs.gov/W4App)) giúp bạn dễ dàng ước tính thuế thu nhập liên bang mà bạn muốn chủ lao động khấu lưu từ tiền lương của mình. Đây là khoản khấu lưu thuế. Xem khoản khấu lưu của bạn ảnh hưởng như thế nào đến khoản tiền hoàn thuế, tiền lương mang về nhà hoặc tiền thuế phải trả của bạn.
- **Công cụ tính khấu trừ Thuế tiêu thu** (tiếng Anh) ([IRS.gov/SalesTax](https://www.irs.gov/SalesTax) (tiếng Anh)) tính số tiền bạn có thể khấu trừ nếu bạn khấu trừ từng khoản trên Bảng A (Mẫu 1040).



Nhận giải đáp cho các thắc mắc về thuế của bạn.

Trên IRS.gov, bạn có thể nhận được thông tin cập nhật về các sự kiện hiện hành và những thay đổi trong luật thuế.

- **IRS.gov/Help:** Nhiều loại công cụ giúp bạn có câu trả lời cho một số thắc mắc phổ biến nhất về thuế.
- **IRS.gov/ITA** (tiếng Anh): Trợ lý thuế tương tác, công cụ sẽ đưa ra câu hỏi cho bạn, và dựa vào đầu vào của bạn, cung cấp câu trả lời về một số chủ đề thuế.
- **IRS.gov/Forms** (tiếng Anh): Tìm kiếm các mẫu đơn, hướng dẫn và ấn phẩm. Bạn sẽ tìm thấy thông tin chi tiết về những thay đổi hiện tại và đường dẫn tương tác để giúp bạn tìm câu trả lời cho những câu hỏi của mình.
- Bạn cũng có thể truy cập thông tin thuế trong phần mềm khai thuế điện tử của mình.

Cần một người để khai thuế giúp bạn? Có nhiều loại người khai thuế khác nhau, bao gồm đại diện đã đăng ký, kế toán viên được chứng nhận (CPA), kế toán viên và nhiều

người khác không có chứng chỉ chuyên môn. Nếu bạn lựa chọn thuê người khác khai thuế giúp mình, chọn người khai thuế đó một cách khôn ngoan. Người khai thuế được trả tiền là:

- Người chịu trách nhiệm chính về tính chính xác thực chất tổng thể của tờ khai thuế của bạn,
- Bắt buộc phải ký vào tờ khai thuế, và
- Bắt buộc phải ghi kèm Mã số thuế của Người khai thuế (PTIN) của họ.



Mặc dù người khai thuế luôn ký vào tờ khai nhưng cuối cùng bạn phải chịu trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin cần thiết để người khai thuế chuẩn bị chính xác tờ khai của bạn và đảm bảo tính chính xác của mọi mục được khai báo trên tờ khai. Bất kỳ ai được trả tiền để khai thuế cho người khác đều phải có hiểu biết thấu đáo về các vấn đề thuế. Để biết thêm thông tin về cách chọn người khai thuế, truy cập [Meo chọn người khai thuế](https://www.irs.gov) trên IRS.gov.

Chủ lao động có thể đăng ký sử dụng Dịch vụ cho Doanh nghiệp trực tuyến. Sở An sinh Xã hội (SSA) cung cấp dịch vụ trực tuyến tại [SSA.gov/employer](https://ssa.gov/employer) (tiếng Anh) với các tùy chọn nộp mẫu W-2 nhanh chóng, miễn phí và bảo mật cho CPA, kế toán viên, đại diện đã đăng ký và những người xử lý các Mẫu W-2, Báo cáo Tiền lương và thuế, và Mẫu W-2c, Báo cáo Tiền lương và thuế được chỉnh sửa.

Tài khoản thuế doanh nghiệp. Nếu bạn là doanh nghiệp cá thể, công ty hợp danh, công ty cổ phần S, công ty cổ phần C, hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn (LLC) một thành viên, bạn có thể xem thông tin thuế của mình được lưu trong hồ sơ của IRS và làm nhiều việc hơn với tài khoản thuế doanh nghiệp. Truy cập [IRS.gov/BusinessAccount](https://irs.gov/BusinessAccount) để biết thêm thông tin.

Truyền thông xã hội của IRS. Truy cập [IRS.gov/SocialMedia](https://irs.gov/SocialMedia) (tiếng Anh) để xem các công cụ truyền thông xã hội khác nhau mà IRS sử dụng để chia sẻ thông tin mới nhất về các thay đổi về thuế, cảnh báo lừa đảo, sáng kiến, sản phẩm và dịch vụ. Tại IRS, quyền riêng tư và bảo mật là ưu tiên hàng đầu của chúng tôi. Chúng tôi sử dụng các công cụ này để chia sẻ thông tin công khai với bạn. Vui lòng **không** đăng số an sinh xã hội hay thông tin bảo mật khác của bạn lên các trang mạng xã hội. Luôn bảo vệ danh tính của mình khi sử dụng bất kỳ trang mạng xã hội nào.

Các kênh YouTube sau của IRS có các video thông tin ngắn gọn về các chủ đề khác nhau liên quan đến thuế bằng tiếng Anh và ASL.

- [Youtube.com/irsvideos](https://www.youtube.com/irsvideos) (tiếng Anh).
- [Youtube.com/irsvideosASL](https://www.youtube.com/irsvideosASL) (tiếng Anh).

Dịch vụ Thông dịch qua điện thoại (OPI). IRS cung cấp dịch vụ OPI cho người đóng thuế cần phiên dịch ngôn ngữ. Dịch vụ OPI có sẵn tại các Trung tâm Hỗ trợ Người đóng thuế (TAC), hầu hết các văn phòng của IRS và mọi địa điểm khai thuế của VITA/TCE. Dịch vụ này có sẵn bằng tiếng Tây Ban Nha, Quan Thoại, Quảng Đông, Hàn, Việt, Nga và Haiti Creole.

Đường dây trợ năng sẵn có cho người đóng thuế khuyết tật. Người đóng thuế cần thông tin về dịch vụ trợ năng có thể gọi 833-690-0598. Đường dây trợ năng có thể trả lời các câu

hỏi liên quan đến các sản phẩm và dịch vụ trợ năng hiện tại và tương lai sẵn có ở các định dạng phương tiện thay thế (ví dụ, chữ nổi, chữ in lớn, âm thanh v.v.). Đường dây trợ năng không có khả năng truy cập tài khoản IRS của bạn. Để được trợ giúp về luật thuế, hoàn thuế, hoặc vấn đề liên quan đến tài khoản, truy cập [IRS.gov/LetUsHelp](https://irs.gov/LetUsHelp)

Phương tiện thay thế ưa chuộng. Mẫu 9000, Phương tiện thay thế ưa chuộng, hoặc Mẫu 9000(SP) cho phép bạn chọn nhận một số thư từ hoặc văn bản ở các định dạng sau

- Bản in tiêu chuẩn.
- Bản in khổ lớn.
- Chữ nổi Braille.
- Âm thanh (MP3).
- Tập văn bản thuần túy (TXT).
- Tập chữ nổi sẵn sàng (BRF).

Thiên tai. Truy cập [IRS.gov/DisasterRelief](https://irs.gov/DisasterRelief) (tiếng Anh) để xem miễn giảm thuế do thiên tai có sẵn.

Lấy các mẫu đơn và ấn phẩm thuế. Truy cập [IRS.gov/Forms](https://irs.gov/Forms) (tiếng Anh) để xem, tải xuống hoặc in tất cả các mẫu đơn, hướng dẫn và ấn phẩm cần thiết. Hoặc bạn có thể truy cập [IRS.gov/OrderForms](https://irs.gov/OrderForms) để đặt hàng.

Các mẫu thân thiện với thiết bị di động. Bạn sẽ cần một Tài khoản trực tuyến của IRS (OLA) để hoàn thành các mẫu thân thiện với thiết bị di động có yêu cầu chữ ký. Bạn sẽ có tùy chọn gửi mẫu trực tuyến hoặc tải xuống bản sao để gửi qua đường bưu điện. Bạn sẽ cần bản quét các tài liệu của mình để hỗ trợ việc nộp mẫu. Truy cập [IRS.gov/MobileFriendlyForms](https://irs.gov/MobileFriendlyForms) (tiếng Anh) để biết thêm thông tin.

Lấy các ấn phẩm và hướng dẫn về thuế ở định dạng eBook. Tải xuống và xem hầu hết các ấn phẩm và hướng dẫn thuế phổ biến (bao gồm Hướng dẫn cho Mẫu 1040) trên thiết bị di động bằng eBook tại [IRS.gov/eBooks](https://irs.gov/eBooks) (tiếng Anh).

eBook của IRS đã được kiểm tra bằng cách sử dụng iBooks cho iPad của Apple. eBook của chúng tôi chưa được kiểm tra trên các eBook chuyên dụng khác, và chức năng eBook có thể không hoạt động như ý định.

Truy cập tài khoản trực tuyến của bạn (chỉ áp dụng cho cá nhân đóng thuế). Truy cập [IRS.gov/Account](https://irs.gov/Account) để truy cập an toàn thông tin về tài khoản thuế liên bang của bạn.

- Xem số tiền bạn nợ và phân tích theo năm thuế.
- Xem chi tiết kế hoạch thanh toán hoặc đăng ký kế hoạch thanh toán mới.
- Thực hiện thanh toán hoặc xem lịch sử thanh toán trong 5 năm và bất kỳ khoản thanh toán nào đang chờ xử lý hoặc đã lên lịch.
- Truy cập hồ sơ thuế của bạn, bao gồm dữ liệu chính từ tờ khai thuế gần đây nhất, và bản ghi.
- Xem bản sao điện tử của các thông báo chọn lọc của IRS.
- Phê duyệt hoặc từ chối các yêu cầu ủy quyền từ các chuyên gia thuế.

Lấy bản ghi của tờ khai thuế. Với tài khoản trực tuyến, bạn có thể truy cập nhiều thông tin khác nhau để trợ giúp bạn trong mùa thuế. Bạn có thể lấy bản ghi, xem lại tờ khai thuế đã nộp gần đây nhất và lấy được tổng thu nhập được điều chỉnh của mình. Tạo hoặc truy cập tài khoản trực tuyến của bạn tại [IRS.gov/Account](https://irs.gov/Account).

Tài khoản Chuyên gia thuế. Công cụ này cho phép chuyên gia thuế của bạn gửi ủy quyền yêu cầu truy cập OLA của IRS của cá nhân đóng thuế. Để biết thêm thông tin, truy cập [IRS.gov/TaxProAccount](https://irs.gov/TaxProAccount) (tiếng Anh).

Sử dụng ký gửi trực tiếp. Cách an toàn và dễ dàng nhất để nhận tiền hoàn thuế là *e-file* và chọn ký gửi trực tiếp, việc này sẽ chuyển trực tiếp tiền hoàn thuế vào tài khoản tài chính của bạn một cách an toàn bằng phương thức điện tử. Ký gửi trực tiếp cũng giúp tránh khả năng thất lạc, mất cắp, phá hủy, hoặc chuyển trả lại séc gửi không thành công về IRS. Tám trong 10 người đóng thuế chọn hình thức ký gửi trực tiếp để nhận tiền hoàn thuế. Nếu bạn không có tài khoản ngân hàng, truy cập [IRS.gov/DirectDeposit](https://irs.gov/DirectDeposit) để biết thêm thông tin về nơi tìm ngân hàng hoặc công đoàn tín dụng để mở tài khoản trực tuyến.

Báo cáo và giải quyết vấn đề trộm cắp danh tính liên quan đến thuế.

- Hành vi trộm cắp danh tính liên quan đến thuế xảy ra khi ai đó đánh cắp thông tin cá nhân của bạn để thực hiện hành vi gian lận thuế. Thuế của bạn có thể bị ảnh hưởng nếu SSN của bạn được sử dụng để khai báo gian lận hoặc để yêu cầu hoàn lại tiền hoặc tín thuế.
- IRS không chủ động liên lạc với người đóng thuế bằng thư điện tử, gọi điện thoại, tin nhắn văn bản (bao gồm cả đường dẫn rút ngắn) hay các kênh truyền thông xã hội để yêu cầu cung cấp hoặc xác minh thông tin cá nhân hoặc tài chính. Điều này bao gồm các yêu cầu về số nhận dạng cá nhân (PIN), mật khẩu hoặc thông tin tương tự đối với thẻ tín dụng, ngân hàng hoặc các tài khoản tài chính khác.
- Truy cập [IRS.gov/IdentityTheft](https://irs.gov/IdentityTheft), trang mạng của IRS về Trung tâm về trộm cắp danh tính, để biết thông tin về hành vi trộm cắp danh tính và bảo vệ an toàn dữ liệu cho người đóng thuế, người hành nghề thuế và doanh nghiệp. Nếu bạn bị mất hoặc lấy cắp số an sinh xã hội hoặc bạn nghi ngờ mình là nạn nhân của hành vi mạo danh liên quan đến thuế, bạn có thể tìm hiểu các bước mình nên thực hiện.
- Lấy PIN bảo vệ danh tính (IP PIN). Mã IP PIN là các số gồm sáu chữ số được cấp cho người đóng thuế để giúp ngăn chặn việc lạm dụng SSN của họ trong gian lận trên tờ khai thuế thu nhập liên bang. Khi bạn có một IP PIN, điều đó sẽ ngăn người khác nộp tờ khai thuế với SSN của bạn. Để tìm hiểu thêm, truy cập [IRS.gov/IPPIN](https://irs.gov/IPPIN).

Các cách để kiểm tra tình trạng tiền hoàn thuế của bạn.

- Truy cập [IRS.gov/Refunds](https://irs.gov/Refunds).
- Tải ứng dụng chính thức IRS2Go về thiết bị di động để kiểm tra tình trạng tiền hoàn thuế của bạn.
- Gọi đến đường dây nóng tự động về hoàn thuế theo số 800-829-1954.



IRS không thể cấp tiền hoàn thuế trước giữa tháng 2 cho những tờ khai có yêu cầu EITC hoặc tín thuế trẻ em bổ sung (ACTC). Điều này áp dụng cho toàn bộ số tiền hoàn thuế, không chỉ phần liên quan đến các khoản tín thuế này.

Thực hiện thanh toán thuế. IRS khuyến nghị nên thanh toán bằng điện tử khi nào có thể. Các tùy chọn thanh toán điện tử được liệt kê trong danh sách bên dưới. Các khoản thanh toán thuế Hoa Kỳ phải được nộp cho IRS bằng đô la Mỹ. Tài sản điện tử không được chấp nhận. Truy cập [IRS.gov/Payments](https://irs.gov/Payments) để biết thông tin về cách thực hiện thanh toán bằng bất kỳ tùy chọn nào sau đây.

- Direct Pay của IRS:** Trả tiền thuế từ tài khoản ngân hàng của bạn. Hoàn toàn miễn phí, an toàn và không cần đăng nhập. Bạn có thể thay đổi hoặc hủy trong vòng 2 ngày kể từ ngày thanh toán được lên lịch.
- Thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, hoặc ví điện tử:** Chọn một nhà xử lý thanh toán đã được phê duyệt để thanh toán trực tuyến hoặc qua điện thoại.
- Trích ngân điện tử:** Lên lịch thanh toán khi nộp thuế liên bang bằng phần mềm khai thuế hoặc thông qua một chuyên gia thuế.
- Hệ thống thanh toán thuế Liên bang bằng điện tử:** Lựa chọn tốt nhất cho các doanh nghiệp. Việc ghi danh là bắt buộc.
- Séc hoặc lệnh phiếu:** Gửi thanh toán của bạn qua đường bưu điện về địa chỉ được nêu trong thông báo hoặc hướng dẫn.
- Tiền mặt:** Bạn có thể thanh toán thuế bằng tiền mặt tại một cửa tiệm bán lẻ có tham gia.
- Chuyển khoản trong ngày:** Bạn có thể thực hiện chuyển khoản trong ngày từ tổ chức tài chính của mình. Liên hệ với tổ chức tài chính của bạn để biết khả năng thực hiện, chi phí và khung thời gian.

Ghi chú: IRS sử dụng công nghệ mã hóa mới nhất để đảm bảo rằng các khoản thanh toán điện tử bạn thực hiện trực tuyến, qua điện thoại, hoặc từ một thiết bị di động sử dụng IRS2Go là an toàn và bảo đảm. Thanh toán bằng điện tử là nhanh chóng và dễ dàng.

Sẽ ra sao nếu tôi không thể trả thuế ngay? Truy cập [IRS.gov/Payments](https://irs.gov/Payments) để biết thêm thông tin về các lựa chọn của bạn.

- Đăng ký một thỏa thuận thanh toán trực tuyến ([IRS.gov/OPA](https://irs.gov/OPA)) để đáp ứng nghĩa vụ thuế của bạn bằng trả góp hàng tháng nếu bạn không thể trả đầy đủ thuế ngày hôm nay. Sau khi hoàn tất quá trình trực tuyến, bạn sẽ nhận được thông báo ngay lập tức về việc thỏa thuận của bạn đã được chấp thuận hay chưa.
- Sử dụng Công cụ Thẩm định Đề nghị Thỏa hiệp (tiếng Anh) để xem bạn có thể giải quyết khoản nợ thuế với số tiền ít hơn tổng số tiền bạn còn nợ hay không. Để biết thêm thông tin về chương trình Đề nghị Thỏa hiệp, vào trang [IRS.gov/OIC](https://irs.gov/OIC).

Nộp tờ khai được điều chỉnh. Truy cập [IRS.gov/1040X](https://www.irs.gov/1040X) để biết thông tin và cập nhật.

Kiểm tra tình trạng tờ khai được điều chỉnh của bạn. Truy cập [IRS.gov/WMAR](https://www.irs.gov/WMAR) để theo dõi tình trạng của các tờ khai được điều chỉnh của Mẫu 1040-X.



Có thể mất tới 3 tuần kể từ ngày bạn nộp tờ khai được điều chỉnh thì thông tin này mới hiển thị trên hệ thống của chúng tôi, và thời gian xử lý có thể lên tới 16 tuần.

Am hiểu về thông báo hoặc thư từ của IRS mà bạn nhận được. Truy cập [IRS.gov/Notices](https://www.irs.gov/Notices) để tìm thêm thông tin về việc phản hồi một thông báo hay thư từ của IRS.

Công cụ Tải lên tài liệu của IRS. Bạn có thể sử dụng Công cụ Tải lên tài liệu để phản hồi bằng điện tử một số các thông báo và thư đủ điều kiện của IRS bằng cách tải lên an toàn các tài liệu bắt buộc trực tuyến thông qua IRS.gov. Để biết thêm thông tin, truy cập [IRS.gov/DUT](https://www.irs.gov/DUT) (tiếng Anh).

Bảng LEP. Bạn có thể sử dụng Bảng LEP (Mẫu 1040), Yêu cầu thay đổi tùy chọn ngôn ngữ, để nêu lên ưu tiên nhận thông báo, thư, hoặc các thông báo bằng văn bản khác từ IRS bằng một ngôn ngữ khác. Bạn có thể không nhận được thông tin liên lạc bằng văn bản bằng ngôn ngữ được yêu cầu ngay lập tức. Cam kết của IRS đối với người đóng thuế LEP là một phần của lịch trình nhiều năm dự kiến bắt đầu cung cấp bản dịch vào năm 2023. Bạn sẽ tiếp tục nhận được thông tin liên lạc, bao gồm thông báo và thư bằng tiếng Anh cho đến khi chúng được dịch sang ngôn ngữ ưa thích của bạn.

Liên lạc với TAC tại địa phương bạn. Xin lưu ý rằng nhiều câu hỏi có thể được giải đáp trên trang IRS.gov mà không cần đến TAC. Truy cập [IRS.gov/LetUsHelp](https://www.irs.gov/LetUsHelp) để xem các chủ đề mà mọi người thắc mắc nhiều nhất. Nếu bạn vẫn cần trợ giúp, TAC sẽ trợ giúp về thuế khi có vấn đề về thuế không thể giải quyết được qua mạng hoặc điện thoại. Hiện tại, tất cả các TAC đều cung cấp dịch vụ với hình thức hẹn trước để bạn biết trước là mình có thể nhận dịch vụ cần đến mà không mất thời gian dài chờ đợi. Trước khi đến đó, vào trang [IRS.gov/TAC](https://www.irs.gov/TAC) (tiếng Anh) để tìm TAC gần nhất và kiểm tra giờ làm việc, dịch vụ cung cấp và các cuộc hẹn để lựa chọn. Hoặc trên ứng dụng IRS2Go, dưới thẻ Stay Connected, chọn tùy chọn Contact Us và nhấp vào “Local Offices”.

Dưới đây là thông điệp gửi đến bạn từ Dịch vụ Biện hộ Người đóng thuế, một tổ chức độc lập do Quốc hội thành lập.

Dịch vụ Biện hộ Người đóng thuế (TAS) sẵn sàng trợ giúp bạn

Dịch vụ Biện hộ Người đóng thuế là gì?

Dịch vụ Biện hộ Người đóng thuế (TAS) là một tổ chức **độc lập** trong Sở Thuế vụ (IRS). TAS giúp người đóng thuế giải quyết các vấn đề với IRS, đưa ra các khuyến nghị về mặt hành chính và lập pháp để ngăn ngừa hoặc khắc phục các vấn đề và bảo vệ quyền của người đóng thuế. Chúng tôi nỗ lực để đảm bảo rằng mọi người đóng thuế đều được đối xử công bằng và rằng bạn biết và hiểu các quyền của mình theo Bản

Tuyên ngôn Quyền của Người đóng thuế. Chúng tôi là Tiếng nói của bạn tại IRS.

Cách TAS có thể giúp bạn?

TAS có thể giúp bạn giải quyết các vấn đề mà bạn không thể tự mình giải quyết với IRS. Luôn cố gắng giải quyết vấn đề của bạn với IRS trước, nhưng nếu bạn không thể, đến với TAS. **Các dịch vụ của chúng tôi là miễn phí.**

- TAS hỗ trợ tất cả người đóng thuế (và đại diện của họ), bao gồm cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức được miễn thuế. Bạn có thể đủ điều kiện để được TAS hỗ trợ nếu vấn đề IRS của bạn đang gây khó khăn về tài chính, nếu bạn đã cố gắng và không thể giải quyết vấn đề của mình với IRS hoặc nếu bạn tin rằng hệ thống, quy trình hoặc thủ tục của IRS không hoạt động như mong đợi.
- Để được trợ giúp bất cứ lúc nào về các chủ đề thuế tổng quát, truy cập www.TaxpayerAdvocate.IRS.gov (tiếng Anh). Trang web này có thể giúp bạn giải quyết các vấn đề và tình huống thuế phổ biến, chẳng hạn như phải làm gì nếu bạn mắc lỗi khi khai thuế hoặc nếu bạn nhận được thông báo từ IRS.
- TAS hoạt động để giải quyết các vấn đề quy mô lớn (có hệ thống) ảnh hưởng đến nhiều người đóng thuế. Bạn có thể báo cáo các vấn đề có hệ thống tại www.irs.gov/SAMS. (Đảm bảo không bao gồm bất kỳ thông tin nhận dạng cá nhân nào.)

Cách để liên hệ với TAS?

TAS có văn phòng ở mỗi bang, Đặc khu Columbia, và Puerto Rico. Để tìm số điện thoại của người biện hộ:

- Truy cập [TaxpayerAdvocate.IRS.gov/Contact-Us](https://www.TaxpayerAdvocate.IRS.gov/Contact-Us) (tiếng Anh);
- Kiểm tra danh bạ địa phương; hoặc
- Gọi TAS miễn phí tại 877-777-4778.

Quyền hạn của tôi với tư cách Người đóng thuế là gì?

Bản Tuyên ngôn Quyền của Người đóng thuế mô tả mười quyền cơ bản mà tất cả người đóng thuế có khi giao dịch với IRS. Truy cập www.TaxpayerAdvocate.IRS.gov/Taxpayer-Rights (tiếng Anh) để biết thêm thông tin về các quyền, ý nghĩa của chúng đối với bạn và cách chúng áp dụng vào các tình huống cụ thể mà bạn có thể gặp phải với IRS. TAS nỗ lực bảo vệ quyền của người đóng thuế và đảm bảo IRS đang quản lý luật thuế một cách công bằng và bình đẳng.

Cơ quan Quản lý Doanh nghiệp nhỏ

Cơ quan Quản lý Doanh nghiệp nhỏ (SBA) cung cấp các chương trình đào tạo và giáo dục, dịch vụ tư vấn, chương trình tài chính và hỗ trợ hợp đồng cho các chủ doanh nghiệp nhỏ. SBA cũng có các ấn phẩm và video về nhiều chủ đề kinh doanh khác nhau. Sau đây là phần trình bày ngắn gọn về sự hỗ trợ được SBA cung cấp.

Các Trung tâm Phát triển Doanh nghiệp nhỏ (SBDC). Các trung tâm SBDC cung cấp dịch vụ tư vấn, đào tạo và kỹ thuật cho các chủ doanh nghiệp nhỏ hiện tại và tương lai, những người không có đủ tiền sử dụng dịch vụ tư vấn riêng. Trợ giúp sẽ có sẵn trong việc mở, cải tiến hoặc mở rộng doanh nghiệp nhỏ.

Tổ chức Dịch vụ của những Giám đốc điều hành đã về hưu (SCORE). SCORE cung cấp dịch vụ tư vấn và đào tạo doanh nghiệp nhỏ cho các chủ doanh nghiệp nhỏ hiện tại và tương lai. SCORE bao gồm những doanh nhân hiện tại và cựu doanh nhân, những người này cung cấp chuyên môn và kiến thức của mình để giúp mọi người mở, quản lý và mở rộng doanh nghiệp nhỏ. SCORE cũng tổ chức một loạt các hội thảo cho doanh nghiệp nhỏ.

Internet. Bạn có thể truy cập trang web của SBA tại [SBA.gov](https://www.sba.gov) (tiếng Anh). Trong khi truy cập trang web của SBA, bạn có thể tìm thấy nhiều thông tin hữu ích đối với chủ doanh nghiệp nhỏ.

Điện thoại. Gọi cho Quầy Giải đáp của SBA theo số 800-U-ASK-SBA (800-827-5722) để nắm được thông tin chung về các chương trình có sẵn nhằm hỗ trợ chủ doanh nghiệp nhỏ.

Nhận dịch vụ không cần hẹn trước. Bạn có thể đến SBDC mà không cần đặt lịch hẹn trước để đưa ra yêu cầu hỗ trợ cho

doanh nghiệp nhỏ của mình. Để tìm địa điểm gần bạn nhất, truy cập trang web hoặc gọi cho Quầy Giải Đáp của SBA.

Các Cơ quan Liên bang khác

Các cơ quan liên bang khác cũng xuất bản ấn phẩm và sách hướng dẫn để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ. Có thể nhận đa số những tài liệu này từ Phòng Quản lý Văn thư tại Văn phòng Xuất bản Chính phủ. Bạn có thể nhận thông tin và đặt hàng các ấn phẩm và sách hướng dẫn này qua nhiều phương tiện.

Internet. Bạn có thể truy cập trang web của GPO tại [Catalog.GPO.gov](https://www.gpo.gov) (tiếng Anh).

Đường bưu điện. Viết thư cho GPO theo địa chỉ sau.

Superintendent of Documents
U.S. Government Publishing Office
P.O. Box 979050
St. Louis, MO 63197-9000

Điện thoại. Gọi cho GPO theo số điện thoại miễn phí 866-512-1800 hoặc 202-512-1800 từ khu vực Washington, DC.



Ă

Ăn uống (Xem Chi phí đi lại)

Ã

Ấn phẩm (Xem Trợ giúp về thuế)

B

Bán một doanh nghiệp 18

Bán tài sản 18

(Cũng xem Xử lý tài sản)

Bán trả góp 18

Bảng C 7

Bảng SE (Mẫu 1040 hoặc 1040-SR) 10

Bảng SE, yêu cầu về nộp tờ khai 49

Bảo hiểm:

Chi phí 38

Phi mua bảo hiểm không được khấu trừ 38

Tiền bồi thường 29

Trả trước 39

Bảo hiểm an sinh xã hội 10

Bất động sản:

Cho thuê 22

Đại lý 28

Người buôn bán 22

Thuế 41

Bên thứ ba, Khoản thanh toán cho 23

Bồi thường trừng phạt 25

Bữa ăn 42

C

Các chương trình quyền lợi của nhân viên 38

Các hoạt động không nhằm mục đích thu lợi nhuận 45

Các khoản thanh toán cho thu nhập bị mất 25

Các khoản xử phạt và tiền phạt 44

Chi phí 32

Ăn uống 42

Bảo hiểm 38

Chi phí pháp lý và chi phí dịch vụ chuyên môn 40

Chương trình hưu trí 40

Đi lại 42

Giải trí 42

Khác 44

Khấu hao 37

Khoản chi trả cho nhân viên 37

Không thể khấu trừ 44

Nhà ở, sử dụng cho mục đích kinh doanh 42

Nợ xấu 33

Tiền lãi 39

Tiền thuê 40

Thuế 41

Xe hơi 35

Xe tải 35

Chi phí dịch vụ chuyên môn 40

Chi phí đi lại 42

Chi phí giải trí (Xem Chi phí đi lại)

Chi phí kinh doanh 32

Chi phí pháp lý 40

Chi phí tiền thuê 40

Chi phí trả trước:

Kéo dài thời gian sử dụng 39

Tiền thuê 41

Chi phí vận động hành lang 44

Chi phí vận tải 35

Chi phí vận tải địa phương 35

Chi phí xe hơi 35, 36

Chi trả, các hình thức 38

Chiết khấu tiền mặt 28, 30

Chiết khấu thương mại 28, 30

Chỗ ở 42

Chủ bãi đậu xe cho nhà di động 22

Chu kỳ kế toán 13

Chủ sạp báo hoặc tạp chí 27

Chữ ký, điện tử 7

Chứng khoán:

Nhà đầu cơ 28

Nhà thầu mua bán 28

Chương trình hưu trí 40

Con cái làm việc cho cha mẹ 45

Công chức 28

Công chứng viên 28, 46

Công ty trách nhiệm hữu hạn 3

Cơ quan Quản lý Doanh nghiệp nhỏ 54

Cơ sở trung gian giữ tiền bảo chứng, khoản thanh toán được đặt vào 29

Cực tiểu Cảnh an toàn cực tiểu đối với Tài sản hữu hình 43

D

Doanh nghiệp cá thể 3, 45

Doanh nghiệp của vợ chồng 3

Đ

Đại lý bảo hiểm:

Đã nghỉ hưu 27

Trước đây 27

Định nghĩa 3

Bất động sản dài hạn đủ điều kiện 26

Chi phí cần thiết 32

Chi phí đi lại 42

Chi phí thông thường 32

Chi phí vận tải địa phương 35

Chiết khấu tiền mặt 28, 30

Chiết khấu thương mại 28, 30

Chu kỳ kế toán 13

Giá cả phải chăng trên thị trường 19

Giá gốc 18

Khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ điều kiện 24

Lỗ hoạt động ròng 44

Mặt bằng bán lẻ 26

Niên thuế theo lịch 13

Niên thuế theo lịch tài chính 14

Nợ kinh doanh xấu 33

Nợ phi kinh doanh xấu 35

Nơi chọn để khai thuế 35

Phương pháp kế toán 14

Quyền lợi phụ 38

Tài khoản rút tiền 30

Tài sản bị hạn chế 25

Tiền thuê 40

Thuế tự kinh doanh (SE) 9

Trao đổi hàng hóa 22

Trụ sở chính của một cơ sở kinh doanh 43

Xử lý tài sản 18

Đoạn 179:

Khấu trừ 37

Tài sản 25

Đóng góp từ thiện 44

Đối tác, vợ và chồng 3

E

e-file 7

EFTPS 9

G

Giá cả phải chăng trên thị trường 19

Giá gốc của tài sản 18

Giá gốc được điều chỉnh 19

Giá vốn hàng bán 29

Giấy khất nợ 25

H

Hàng tồn kho 16

Hình phạt:

Không cung cấp báo cáo chính xác về người được trả tiền 12

Không nộp Mẫu 8300 13

Không nộp tờ khai thông tin 12

Miễn của 12

Trả thiếu thuế 9

Hoàn trả thu nhập 15

Hỗ trợ (Xem Trợ giúp về thuế)

Hối lộ 44

Hủy bỏ khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ điều kiện 24

Hướng dẫn đối với các ngành nghề chọn lọc 26

(Cũng xem Ngành nghề, chọn lọc)

K

Khách sạn, nhà trọ và căn hộ 23

Khai báo thuế SE 49

Khai thuế bằng điện tử 7

Khấu hao:

Khấu trừ 37

Tài sản được liệt kê 37

Khấu hao, thu hồi 25

Khoản chi trả cho nhân viên 37

Khoản nợ:

Tiền hoàn thuế bù trừ 8

Khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ điều kiện 24

Khoản thanh toán cho bên thứ ba 23

Khoản thanh toán dần xếp [23](#)
Khoản thanh toán vì hủy hợp đồng thuê [23](#)
Không phải thu nhập:
Các khoản vay [26](#)
Ký gửi [26](#)
Phụ cấp xây dựng [26](#)
Tăng giá trị [26](#)
Tu sửa tài sản cho thuê [26](#)
Thuế tiêu thụ [26](#)
Trao đổi tài sản cùng loại [26](#)
Kiểm tra (kiểm xét) [49](#)
Kiểm xét [49](#)
Ký gửi [26](#)

L

Lãi hoặc lỗ thông thường [19](#)
Lãi vốn hoặc lỗ vốn [19](#)
Lãi vốn hoặc lỗ vốn dài hạn [19](#)
Lãi vốn hoặc lỗ vốn ngắn hạn [19](#)
Lệ phí xa lộ [36](#)
Lỗ hoạt động ròng [44](#)
Lợi nhuận hoặc lỗ ròng [44](#)
Lợi nhuận và lỗ [25](#)
Lương bổng [37](#)
Lương công nhật [37](#)

M

Mã số thuế cá nhân (ITIN) [6](#)
Mã số thuế của chủ lao động (EIN) [6](#)
Mẫu:
1040 (tờ khai thuế) [7, 11](#)
1040-ES (thuế ước tính) [9, 11](#)
1040-SR (tờ khai thuế) [7, 11](#)
1040-V (phiếu thanh toán) [8](#)
1099-B (trao đổi hàng hóa) [22](#)
1099-MISC (hỗn hợp) [12](#)
1099-NEC (tiền thù lao cho người không phải nhân viên) [12](#)
1128 (thay đổi niên thuế) [14](#)
2210 (trả thiếu thuế ước tính) [9](#)
2290 (thuế gián thu dành cho xe tải hạng nặng) [12](#)
3115 (thay đổi phương pháp kế toán) [17](#)
3468 (tín thuế đầu tư) [20](#)
3800 (tín thuế kinh doanh tổng quát) [20](#)
4562 (khấu hao) [37](#)
4684 (thiệt hại và trộm cắp) [19](#)
4797 (bán tài sản kinh doanh) [19, 25](#)
4868 (gia hạn) [9](#)
6251 (thuế tối thiểu thay thế) [20](#)
6252 (bán trả góp) [19](#)
720 (tờ khai thuế gián thu) [11](#)
8300 (khoản thanh toán tiền mặt trên \$10.000) [12](#)
8586 (nhà ở thu nhập thấp) [21](#)
8594 (mua tài sản) [18](#)
8820 (tín thuế thuốc đặc trị bệnh hiểm) [21](#)
8824 (trao đổi cùng loại) [18, 19](#)
8826 (tín thuế cho việc cung cấp tiện ích cho người khuyết tật) [20](#)
8829 (kinh doanh tại nhà) [43](#)
8835 (tín thuế điện tái tạo và than) [21](#)

8846 (tín thuế cho an sinh xã hội trên thu nhập từ tiền bo) [20](#)
8857 (vợ/chồng vô can) [50](#)
8874 (tín thuế thị trường mới) [21](#)
8879 (mã PIN tự chọn) [8](#)
8881 (tín thuế cho chi phí khởi động chương trình hưu trí) [20](#)
8882 (tín thuế cho dịch vụ chăm sóc trẻ em do chủ lao động cung cấp) [20](#)
8886 (khai báo giao dịch) [5](#)
8896 (tín thuế sản xuất nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp) [20](#)
8906 (tín thuế rượu chưng cất) [20](#)
8911 (tín thuế cho tài sản nạp nhiên liệu thay thế cho xe) [20](#)
8933 (tín thuế cô lập khí carbon oxit) [20](#)
8936 (tín thuế xe sạch) [21](#)
8941 (bảo phí y tế do chủ lao động nhỏ trả) [20](#)
8994 (tín thuế dành cho chủ lao động cho việc nghỉ phép gia đình hoặc y tế có lương) [20](#)
940 (thuế thất nghiệp) [11](#)
941 (thuế việc làm hàng quý) [11](#)
944 (thuế việc làm hàng năm) [11](#)
982 (xóa nợ) [24](#)
Bảng C (doanh nghiệp cá thể) [11](#)
Bảng SE (thuế tự kinh doanh) [10, 11](#)
Cần nộp gì [11](#)
Cuối cùng [13](#)
Khi nào nộp [11](#)
SS-4 (đơn xin cấp EIN) [6](#)
SS-5 (đơn xin cấp SSN) [6](#)
Tờ khai thông tin [11](#)
W-2 (khai báo lương bổng) [11, 12](#)
W-3 (phiếu chuyển của W-2) [11](#)
W-4 (khẩu lưu thuế của nhân viên) [7](#)
W-7 (đơn xin cấp ITIN) [6](#)
W-9 (yêu cầu TIN) [7](#)

Miễn cho vợ/chồng vô can [50](#)
Mức vận phí cho các phương tiện [36](#)
Mức vận phí tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường [36](#)

N

Ngành nghề, chọn lọc:
Chủ sạp báo hoặc tạp chí [27](#)
Công chức [28](#)
Công chứng viên [28](#)
Đại lý bảo hiểm, đã nghỉ hưu [27](#)
Đại lý bảo hiểm, trước đây [27](#)
Đại lý bất động sản [28](#)
Người bán hàng trực tiếp [26, 28](#)
Người thi hành [27](#)
Người vận chuyển hoặc phân phát báo [27](#)
Nhà đầu cơ chứng khoán [28](#)
Nhà thầu mua bán chứng khoán [28](#)
Quản trị viên [27](#)
Thuyền viên tàu cá [27](#)
Ngày đến hạn của tờ khai thuế [9](#)
Người bán hàng trực tiếp [26, 28](#)
Người có quan hệ liên quan:
Tiền thuê không hợp lý [40](#)

Người thi hành [27](#)
Người vận chuyển hoặc phân phát báo [27](#)
Nhà ở, sử dụng cho mục đích kinh doanh [42](#)
Nhà thầu độc lập [3, 11, 45](#)
Nhân viên [7](#)
Nhân viên pháp định [3](#)
Niên thuế [13](#)
Lịch [13](#)
Tài chánh [14](#)
Thay đổi [14](#)
Nộp thuế kinh doanh [6](#)

Nợ:

Được hủy bỏ [23](#)
Kinh doanh bất động sản đủ điều kiện [24](#)
Xấu [33](#)
Nợ được hủy bỏ [23](#)
Nợ phi kinh doanh xấu [35](#)
Nợ xấu [33](#)
Các loại [33](#)
Cách xử lý [34](#)
Khi vô giá trị [34](#)
Phục hồi [35](#)

Nơi chọn để khai thuế [35, 42](#)

P

Phí đậu xe [36](#)
Phí khai thuế [40](#)
Phí mua bảo hiểm không được khấu trừ [38](#)
Phụ cấp xây dựng [26](#)
Phương pháp chi thu bằng tiền mặt:
Thu nhập [14](#)
Phương pháp kế toán:
Đặc biệt [17](#)
Kết hợp [16](#)
Quy trình tự động [17](#)
Tích lũy [15, 33](#)
Tiền mặt [14, 33](#)
Thay đổi [17](#)
Phương pháp kết hợp [16](#)
Phương pháp tích lũy:
Của kế toán [15](#)
Thu nhập - các quy tắc đặc biệt [15](#)
Thu nhập - quy tắc chung [15](#)
Phương pháp tiền mặt:
Chi phí [15](#)
Phương pháp tính toán thu nhập ròng [46](#)
Phương pháp tùy chọn, sử dụng cả hai [48](#)

Q

Quản trị viên [27](#)
Quy tắc vốn hóa thống nhất [17](#)
Quyền kháng cáo [50](#)
Quyền lợi phụ [38](#)

S

Số an sinh xã hội (SSN) [6](#)
Số nhận dạng [6](#)
SUV [37](#)
Sử dụng nhà cho mục đích kinh doanh [42](#)

T

Tài khoản rút tiền [30](#)
Tài sản bị cưỡng chế [19](#)
Tài sản bị hạn chế [25](#)
Tài sản được liệt kê [25](#)
Tặng biếu hàng tồn kho [29](#)
Tặng giá trị [26](#)
Tiền hoàn thuế:
 Bù trừ các khoản nợ [8](#)
 Thắc mắc [8](#)
 Yêu cầu [50](#)
Tiền lãi:
 Chi phí [39](#)
 Thu nhập [23](#)
Tiền lại quả [25, 44](#)
Tiền phạt cho việc trả thiếu tiền thuế [9](#)
Tiền thù lao cho người không phải nhân viên [21](#)
Tiền thuế trả thêm [23](#)
Tín thuế:
 Bảo phí y tế do chủ lao động nhỏ trả [20](#)
 Chi phí khởi động chương trình hưu trí của chủ lao động nhỏ [20](#)
 Cổ lập khí carbon oxit [20](#)
 Cung cấp tiện ích cho người khuyết tật [20](#)
 Dịch vụ chăm sóc trẻ em do chủ lao động cung cấp [20](#)
 Đầu tư [20](#)
 Điện tái tạo [21](#)
 Làm thế nào để yêu cầu [21](#)
 Nhà ở thu nhập thấp [21](#)
 Rượu chưng cất [20](#)
 Sản xuất nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp [20](#)
 Tài sản nạp nhiên liệu thay thế cho xe [20](#)
 Tín thuế bảo trì đường sắt đủ điều kiện [21](#)
 Tín thuế cho khoản thanh toán lương bổng chênh lệch của chủ lao động [20](#)
 Tín thuế cho việc tăng cường hoạt động nghiên cứu [20](#)
 Tín thuế cơ hội việc làm [21](#)
 Tín thuế dành cho chủ lao động cho việc nghỉ phép gia đình hoặc y tế có lương [20](#)
 Tín thuế nhà ở tiết kiệm năng lượng [20](#)
 Tín thuế nhiên liệu diesel sinh học và nhiên liệu diesel tái tạo [20](#)
 Tín thuế tuyển dụng tại khu vực kinh tế khó khăn [20](#)
 Tín thuế xe sạch [21](#)
 Than của người da đỏ [21](#)
 Than tinh luyện [21](#)
 Thị trường mới [21](#)
 Thuế đã trả cho một số khoản tiền boa của nhân viên [20](#)
 Thuốc đặc trị bệnh hiếm [21](#)
Tín thuế bảo trì đường sắt đủ điều kiện [21](#)
Tín thuế cho bảo phí y tế do chủ lao động nhỏ trả [20](#)

Tín thuế cho khoản thanh toán lương bổng chênh lệch của chủ lao động [20](#)
Tín thuế cho tài sản nạp nhiên liệu thay thế cho xe [20](#)
Tín thuế cho việc cung cấp tiện ích cho người khuyết tật [20](#)
Tín thuế cho việc tăng cường hoạt động nghiên cứu [20](#)
Tín thuế cổ lập khí carbon oxit [20](#)
Tín thuế cơ hội việc làm [21](#)
Tín thuế đầu tư [20](#)
Tín thuế kinh doanh phổ tổng quát [19, 20](#)
Tín thuế nhà ở tiết kiệm năng lượng [20](#)
Tín thuế nhà ở thu nhập thấp [21](#)
Tín thuế nhiên liệu diesel sinh học và nhiên liệu diesel tái tạo [20](#)
Tín thuế rượu chưng cất [20](#)
Tín thuế sản xuất điện tái tạo, than đá tinh luyện và than của người da đỏ [21](#)
Tín thuế sản xuất nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp [20](#)
Tín thuế tuyển dụng tại khu vực kinh tế khó khăn [20](#)
Tín thuế thị trường mới [21](#)
Tín thuế thuốc đặc trị bệnh hiếm [21](#)
Tín thuế xe sạch [21](#)
Tổn thất kinh tế [25](#)
Tổng lợi nhuận:
 Các khoản bổ sung vào [32](#)
 Độ chính xác [32](#)
Tờ khai thông tin [12](#)
Tờ khai thuế:
 Ai phải nộp [7](#)
 Cách khai thuế [7](#)
Tờ khai thuế thu nhập, ai phải nộp [7](#)
Tuyên bố công bố giao dịch có thể khai báo [5](#)

TH

Thiệt hại [25](#)
Thông tin, Cách lấy thêm [51](#)
Thu hồi các hạng mục đã khấu trừ trước đó [25](#)
Thu nhập [26](#)
(Cũng xem Không phải thu nhập)
 Các hình thức thu nhập [21](#)
 Các khoản thanh toán cho thu nhập bị mất [25](#)
 Chi trả cho bên thứ ba [28](#)
 Cho thuê [22, 23](#)
 Cho thuê tài sản cá nhân [23](#)
 Giấy khất nợ [25](#)
 Hạch toán của bạn [28](#)
 Khác [25](#)
 Kinh doanh [21](#)
 Lợi nhuận và lỗ [25](#)
 Tài sản bị hạn chế [25](#)
 Tiền lại quả [25](#)
 Thiệt hại [25](#)
 Thu hồi các hạng mục đã khấu trừ trước đó [25](#)
 Thu hồi khấu hao [25](#)
 Trao đổi hàng hóa [22](#)
Thu nhập cho thuê [22](#)

Thu nhập kinh doanh [21](#)
Thu nhập từ cổ tức [23](#)
Thu nhập từ trao đổi hàng hóa [22](#)

Thuế:

Bán hàng [41](#)
Bất động sản [41](#)
Đã trả cho một số khoản tiền boa của nhân viên [20](#)
Gián thu [11, 41](#)
Khoản khấu trừ đối với [41](#)
Nhiên liệu [41](#)
Tài sản cá nhân [41](#)
Tự kinh doanh [9, 41](#)
Thu nhập [7, 41](#)
Việc làm [11, 41](#)

Thuế gián thu:

Giới thiệu về [11](#)
Khoản khấu trừ đối với [41](#)

Thuế nhiên liệu [41](#)

Thuế SE:

Ai phải trả? [45](#)
Ảnh hưởng của việc sử dụng phương pháp tùy chọn [47](#)
Các khoản thanh toán cho thu nhập bị mất [46](#)
Các phương pháp tùy chọn:
 Nông nghiệp [48](#)
 Phi nông nghiệp [47](#)
Các quy tắc đặc biệt và ngoại lệ [45](#)
Con cái làm việc cho cha mẹ [45](#)
Công chứng viên [46](#)
Giới thiệu về [9](#)
Khai thuế chung [49](#)
Khoản khấu trừ đối với [41](#)
Lãi hoặc lỗ [46](#)
Người khai thuế theo lịch tài chính [49](#)
Người nước ngoài [45](#)
Nhân viên chính phủ [46](#)
Nhân viên nhà thờ [45](#)
Nhiều hơn một công việc kinh doanh [46, 49](#)
Phương pháp tính toán thu nhập ròng [46](#)
Phương pháp tùy chọn nông nghiệp [48](#)
Phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp [47](#)
Phương pháp thông thường [47](#)
Tại sao sử dụng phương pháp tùy chọn [46](#)
Tỷ suất thuế [10](#)
Thời hạn đăng thu nhập [10](#)
Thu nhập được công nhận [10](#)
Thu nhập tối đa:
 Chịu [45](#)
 Cho năm 2024 [10](#)
Thu nhập từ tài sản chung [46](#)
Thuyền viên tàu cá [45](#)
Thường trú ở nước ngoài [46](#)
Thuế tài sản cá nhân [41](#)
Thuế tiêu thụ [41](#)
Thuế tự kinh doanh (Xem Thuế SE)
 Thuế suất [45](#)
Thuế thu nhập:
 Cách trả tiền [9](#)
 Giới thiệu về [7](#)

Khoản khấu trừ đối với [41](#)
Tiền phạt cho việc trả thiếu [9](#)
Thuế ước tính [9](#)
Thuế việc làm:
Giới thiệu về [11](#)
Khoản khấu trừ đối với [41](#)
Thuyền viên tàu cá [27, 45](#)
Thương mại hay kinh doanh [2](#)

TR

Trả tiền:
Thuế kinh doanh [6](#)

Thuế thu nhập [9](#)
Trao đổi cùng loại [18, 26](#)
Trao đổi không chịu thuế [18](#)
Trợ giúp về thuế [51](#)
Truy thu thuế [50](#)

V

Văn phòng tại nhà [36](#)
(*Cũng xem* Sử dụng nhà ở cho mục đích kinh doanh)

X

Xe hơi (*Xem* Chi phí xe hơi)

Xe thể thao đa dụng [37](#)

Xử lý tài sản:

Bán một doanh nghiệp [18](#)
Bán trả góp [18, 19](#)
Tài sản kinh doanh [18](#)
Trao đổi cùng loại [18, 19, 26](#)
Trao đổi không chịu thuế [18](#)

Y

Yêu cầu hoàn thuế [50](#)
